ĐẠI HỌC Y DƯỢC TPHCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 70 /BVĐHYD-KHĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 01 năm 2019

BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo tạo khối ngành sức khỏe

Kính gửi: Lãnh đạo Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo
Bộ Y tế

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

Số giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 242/BYT-GPHĐ do Bộ Y tế cấp ngày 23/01/2014.

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Nguyễn Hoàng Bắc

Điện thoại liên hệ: (028) 38554269; Email: bvdhyd@umc.edu.vn

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: *(danh mục chi tiết kèm theo trong Phụ lục 1)*
2. Trình độ đào tạo thực hành: *(danh mục chi tiết kèm theo trong Phụ lục 1)*
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): *(danh mục chi tiết kèm theo trong Phụ lục 1)*
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: *(danh mục chi tiết kèm theo trong Phụ lục 2)*
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng: *(danh mục chi tiết kèm theo trong Phụ lục 2)*
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: *(danh mục chi tiết kèm theo trong Phụ lục 3)*

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Lãnh đạo Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo – Bộ Y tế xem xét, đăng tải thông tin theo quy định.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KHĐT (J06-124-tpan).

GIÁM ĐỐC

BỘ Y TẾ * BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH * ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Bắc

CÁC NGÀNH / CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH . TẠI BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC TPHCM

(Đính kèm Bản công bố Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo tạo khối ngành sức khỏe, số: 70 /BVĐHYD-KHĐT, ngày 11 /01/2019)

TT	Mã đào tạo	Chuyên ngành	Trình độ	Trường
1	6720301	Điều dưỡng	Cao đẳng	Cao đẳng Y tế Phú Yên
2	7720301	Điều dưỡng	Đại học / Chính quy	Đại học Yersin Đà Lạt
3	7720301	Điều dưỡng	Đại học / Chính quy	ĐHYD TPHCM
4	7720301	Điều dưỡng chuyên ngành GMHS	Đại học / Chính quy	ĐHYD TPHCM
5	7720301	Điều dưỡng chuyên ngành GMHS	Đại học / Liên thông	ĐHYD TPHCM
6	7720301	Điều dưỡng chuyên ngành Hộ sinh	Đại học / Chính quy	ĐHYD TPHCM
7	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học / Liên thông	ĐHYD TPHCM
8	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	Đại học / Chính quy	ĐHYD TPHCM
9	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	Đại học / Liên thông	ĐHYD TPHCM
10	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng (VLTL)	Đại học / Chính quy	ĐHYD TPHCM
11	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng (Hoạt động trị liệu)	Đại học / Chính quy	ĐHYD TPHCM
12	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng (Hoạt động trị liệu)	Đại học / Liên thông	ĐHYD TPHCM
13	7720101	Y đa khoa	Đại học / Chính quy	ĐHYD TPHCM
14	7720115	Y học cổ truyền	Đại học / Chính quy	ĐHYD TPHCM
15	7720115	Y học cổ truyền	Đại học / Liên thông	ĐHYD TPHCM
16	CK62726001	Y học cổ truyền	Chuyên khoa cấp II	ĐHYD TPHCM
17	CK607260	Y học cổ truyền	Chuyên khoa cấp I	ĐHYD TPHCM
18	NT62726001	Y học cổ truyền	Bác sĩ nội trú	ĐHYD TPHCM
19	8720115	Y học cổ truyền	Thạc sĩ	ĐHYD TPHCM
20	8720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Thạc sĩ	ĐHYD TPHCM

ĐẠI HỌC Y DƯỢC TPHCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Phụ lục 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
(Tại 1 thời điểm)

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1.	7720101	Đại học	Y đa khoa (Y6)	Bệnh lý ngoại tổng quát	- Viêm túi thừa – ruột thừa - Viêm phúc mạc - Thủng tạng rỗng - Thoát vị bẹn nghẹt - Tắc ruột - Viêm túi mật - Đa chấn thương – vết thương - Thoát vị thành bụng - Ung thư dạ dày - Hẹp môn vị - Ung thư đại trực tràng - Trĩ – Rò hậu môn - Ung thư quanh bóng Vater	Khoa Ngoại Tiêu hóa	6	60	73	219	18	42
						Khoa Ngoại Gan-Mật-Tụy	7	70	74	222	20	50
						Khoa Hậu môn – Trực tràng	4	40	37	111	19	21

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					- Ung thư tế bào gan nguyên phát - Ung thư đường mật - Sỏi đường mật - Áp xe gan - Làm bệnh án / người bệnh							
2.	7720101	Đại học	Y đa khoa (Y4)	Gây mê hồi sức	- Lịch sử phát triển của ngành gây mê hồi sức. - Cách tổ chức một khoa gây mê hồi sức. - Kỹ thuật đặt nội khí quản. - Các thuốc thường dùng trong gây mê hồi sức. - Thăm khám tiền mê. Chuẩn bị người bệnh trước mổ. - Các phương pháp chống đau sau phẫu thuật. - Chăm sóc người bệnh sau gây mê và phẫu thuật. - Tìm hiểu về các tai biến và biến chứng của gây mê.	Khoa Gây mê – Hồi sức	3	30	10	30	12	18

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
3.	7720101	Đại học	Y đa khoa (Y5)	Ngoại Thần kinh	- Cấp cứu chấn thương. - Cấp cứu không chấn thương. - Các bệnh lý thần kinh thường gặp khác.	Khoa Ngoại Thần kinh	4	40	36	108	0	40
4.	7720101	Đại học	Y đa khoa (Y5)	Thực hành tai mũi họng	- Khám tai mũi họng. - Khám một trường hợp khó thở thanh quản. - Nhét meche mũi trước. - Nhét sonde foley mũi sau - Khám một trường hợp có khối u vùng cổ.	Khoa Tai Mũi Họng	2	20	35	105	0	20
5.	7720101	Đại học	Y đa khoa (Y5)	Thần kinh	- Hướng dẫn làm bệnh án thần kinh. - Chức năng cao cấp vỏ não. - Đánh giá tư thế dáng bộ. - Khám vận động. - Khám 12 dây thần kinh sọ. - Khám phản xạ - Khám cảm giác. - Khám dấu kích thích	Khoa Thần kinh	3	30	74	222	13	17

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					màng não và dấu kích thích rễ thần kinh. - Khám người bệnh hôn mê. - Trình bệnh án (liệt trung ương và liệt ngoại biên): Chẩn đoán đến hội chứng và vị trí tổn thương. - Định vị tổn thương trong bệnh thần kinh. - Hướng dẫn lâm sàng - Hôn mê. - CT-scan não trong tai biến mạch máu não. - Trình bệnh án tai biến mạch máu não. - Trình bệnh án động kinh. - Giải đáp thắc mắc - Làm bệnh án thi - Thi							
6.	7720101	Đại học	Y đa khoa (Y5)	Chấn thương chỉnh hình và phục hồi chức năng	- Tham gia trực tại bệnh viện và trình ca lâm sàng trong đêm trực. - Nghiên cứu trường hợp (case study) (gồm	Khoa Chấn thương chỉnh hình	3	30	37	111	0	30

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					hướng dẫn thăm khám tại giường bệnh, thảo luận nhóm trong phòng học). - Thực hành theo bảng kiểm. - Kiến tập thủ thuật (phải có bảng kiểm và hướng dẫn theo bảng kiểm).							
7.	7720101	Đại học	Y đa khoa (Y4)	Nội tiết	*Bệnh đái tháo đường:* - Chẩn đoán bệnh đái tháo đường và biến chứng cấp, mạn. - Điều trị đái tháo đường không biến chứng: chế độ ăn, tập luyện, thuốc hạ đường huyết uống, Insulin. - Chẩn đoán và điều trị hôn mê hạ đường huyết. *Bệnh tuyến giáp:* - Khám lâm sàng hội chứng cường giáp. - Chẩn đoán và điều trị bệnh Basedow không biến chứng. - Biến chứng sử dụng	Khoa Nội tổng hợp	3	30	20	60	0	30

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					Corticoids.							
8.	7720101	Đại học	Y đa khoa (Y4)	Bệnh học nội	- Hướng dẫn học lâm sàng sinh viên Y4 - Phân tích X quang phổi - Trình ca lâm sàng: Viêm phổi lần 1 - Trình ca lâm sàng: COPD - Phân tích ECG trong rối loạn nhịp - Trình ca lâm sàng: Bệnh mạch vành - Trình ca lâm sàng: Viêm nội tâm mạc nhiễm trùng - Tiếp cận người bệnh khó thở trong suy tim - Phân tích X quang bệnh tim mạch - Trình ca lâm sàng: bệnh án tim mạch - Mười hội chứng chính trong thận học - Trình ca lâm sàng: nhiễm trùng tiểu và bế tắc đường tiểu	Khoa Nội Tim mạch	2	20	37	111	0	20
						Khoa Tim mạch can thiệp	2	20	35	105	0	20
						Khoa Tiêu hóa	2	20	37	111	0	20
						Khoa Nội thận – Thận nhân tạo	1	10	13	36	0	10
						Khoa Hô hấp	2	20	37	111	0	20

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					- Trình ca lâm sàng: hội chứng thận hư nguyên phát - Trình ca lâm sàng: viêm thận lupus - Trình ca lâm sàng: bệnh thận đái tháo đường - Biện luận cận lâm sàng: Xuất huyết tiêu hóa trên - Trình ca lâm sàng: vấn đề Gan to - Biện luận cận lâm sàng: Xơ gan (lần 2) - Trình ca lâm sàng: vấn đề viêm tụy cấp - Ôn lại các hội chứng lâm sàng đã học năm thứ 3 - Trình ca lâm sàng: vấn đề Vàng da - Trình ca lâm sàng: Xơ gan - Trình ca lâm sàng: vấn đề Báng bụng - Tiếp cận người bệnh đau ngực cấp							

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					- Phân tích ECG trong bệnh mạch vành mạn - Trình ca lâm sàng: nhồi máu cơ tim cấp ST chênh lên - Trình ca lâm sàng: Suy thận mạn - Trình ca lâm sàng: Suy thận cấp 1 - Trình ca lâm sàng: Suy thận cấp 2 - Trình ca lâm sàng: Suy thận cấp/suy thận mạn - Trình ca lâm sàng: bệnh án tim mạch - Trình ca lâm sàng: Hen suyễn - Trình ca lâm sàng: Viêm phổi lần 2 - Trình ca lâm sàng: Tràn dịch màng phổi - Trình ca lâm sàng: ho-viêm phế quản mạn - Suy tim trong thực hành lâm sàng - Trình ca lâm sàng:							

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					Bệnh van tim - Trình ca lâm sàng: vấn đề Đau thượng vị cấp - Trình ca lâm sàng: Giãn phế quản - Phân tích ECG trong nhồi máu cơ tim cấp - Trình ca lâm sàng: Cơn đau thắt ngực ổn định - Phân tích khí máu động mạch - Phân tích hô hấp ký và phế thân ký - Trình ca lâm sàng: Tăng huyết áp - Trình ca lâm sàng: Ho ra máu							
9.	7720101	Đại học	Y đa khoa (Y6)	Điều trị nội	- Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính - Bệnh thận đái tháo đường - Điện tâm đồ cơ bản	Khoa Nội Tim mạch	2	20	37	111	0	20

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					trong bệnh lý tim mạch - Hen phế quản - Hẹp van hai lá - Ho ra máu - Hội chứng thận hư - Hội chứng vành cấp không ST chênh lên - Hướng dẫn lâm sàng bệnh án nội khoa - Nhiễm trùng tiểu - Nhồi máu cơ tim cấp có ST chênh - Phù phổi cấp - Suy thận cấp - Suy thận mạn - Suy tim - Tăng huyết áp - Tiếp cận chẩn đoán và điều trị bệnh thận - Tràn dịch màng phổi - Trình bệnh Abcès gan - Viêm phổi - Viêm tuỵ cấp - Xơ gan và biến chứng - X-quang ngực thẳng trong bệnh lý tim mạch	Khoa Tim mạch can thiệp	2	20	35	105	0	20
						Khoa Tiêu hóa	2	20	37	111	0	20
						Khoa Nội thận – Thận nhân tạo	1	10	13	36	0	10
						Khoa Hô hấp	2	20	37	111	0	20

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					- Xuất huyết tiêu hoá – Xơ gan. - Xuất huyết tiêu hoá do loét dạ dày tá tràng – nhiễm HP. - Xuất huyết tiêu hoá dưới.							
10.	7720101	Đại học	Y đa khoa (Y5)	Y học gia đình	- Hướng dẫn cách làm bệnh án và tiếp cận người bệnh tại phòng khám ngoại trú - Trình bệnh (ca lâm sàng): + Tăng huyết áp + Đái tháo đường + Hen/COPD + Bệnh khớp + Lão khoa + HIV + Tâm thần - Tư vấn kế hoạch hóa gia đình tại phòng khám ngoại trú - Trình bệnh (ca lâm sàng): + IMCI + Cấp cứu	Phòng khám Y học gia đình – khoa Khám bệnh	4	40			0	40

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
11.	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chuyên khoa tự chọn: Phòng mổ	- Nhận định về vai trò, quyền hạn, trách nhiệm Điều dưỡng phòng mổ. - Quy trình chuyển người bệnh từ khoa ngoại – phòng mổ. - Quy trình tiếp nhận người bệnh từ khoa hồi sức – khoa ngoại tiêu hóa. - Thu thập các thông tin, thăm khám, báo cáo nhận định các vấn đề về sức khỏe của người bệnh được phân công. - Lập kế hoạch theo dõi và quản lý các nguy cơ trong mổ cho người bệnh. - Rửa tay ngoại khoa, mặc áo choàng vô khuẩn, mang găng vô khuẩn và phụ giúp ê kíp mổ mặc áo, mang găng. - Nhận biết các loại dụng cụ trong phòng mổ. - Thực hiện vai trò điều dưỡng vòng ngoài, điều dưỡng vòng trong.	Khoa Gây mê – Hồi sức	4	40	10	30	33	7

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					- Lập kế hoạch tổ chức và sắp xếp phòng mổ. - Quản lý môi trường. - Quản lý dụng cụ. - Ghi chép hồ sơ.							
12.	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Thực tế tốt nghiệp	*Học tập tại khoa:* - Nhận định chức năng, nhiệm vụ của khoa, vai trò của người điều dưỡng. - Thực hành công việc chăm sóc người bệnh toàn diện và độc lập tại các khoa Nội – khoa Ngoại – khoa Hồi sức cấp cứu. - Tiếp nhận người bệnh vào khoa, tư vấn hướng dẫn người bệnh và thân nhân người bệnh đến khám chữa bệnh. *Quản lý hồ sơ lưu trữ:* - Học tập được công tác quản lý lưu trữ và sử dụng hồ sơ. - Cấu trúc các khoa phòng tại nơi thực tập *Tiệt khuẩn:*	Khoa Cấp cứu	2	20	17	51	20	0

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					- Ứng dụng nguyên tắc, phương pháp, quy trình vô khuẩn, tiệt khuẩn. - Đánh giá quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn tại khoa thực tập. *Phòng khám:* - Học tập được chức năng, nhiệm vụ phòng khám, quy trình tiếp nhận người bệnh và chức năng của điều dưỡng phòng khám. *Mô hình tổ chức Bệnh viện:* - Học tập được mô hình tổ chức. - Sắp xếp, cấu trúc các khoa phòng tại nơi thực tập.							

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
13.	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Quản lý điều dưỡng	- Phân tích sơ đồ tổ chức của đơn vị thực tập. - Nhận xét kiểu lãnh đạo tại khoa thực tập - Ứng dụng kiến thức quản lý: + Nhận định và đánh giá mô hình chăm sóc, nhân lực tại khoa thực tập. + Quản lý trang thiết bị, vật tư tiêu hao. - Quan sát công việc hằng ngày của điều dưỡng trưởng khoa, lập bảng mô tả công việc của điều dưỡng trưởng khoa nơi thực tập. - So sánh chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng trưởng khoa trên thực tế và quy định của Bộ Y Tế. - Nhận xét và phân tích việc kiểm soát nhiễm khuẩn tại khoa. Viết bản thu hoạch và bản đề xuất ý kiến xây dựng khoa.	Khoa Cấp cứu	2	20	17	51	13	7

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
14.	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	- Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh sau mổ hệ tiết niệu / cơ xương khớp. - Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà, nhân viên y tế và thầy cô bạn bè. - Thực hiện hiệu quả các can thiệp điều dưỡng đáp ứng nhu cầu của người bệnh trước hoặc sau mổ hệ hệ tiết niệu / cơ xương khớp - Phân tích diễn tiến và tiên lượng bệnh của người bệnh sau mổ hệ tiết niệu dựa trên chứng cứ, sinh lý bệnh, kết quả xét nghiệm chuyên khoa. - Quản lý thuốc thuộc chuyên khoa chấn thương chỉnh hình: kháng sinh, thuốc kháng viêm giảm đau, thuốc lợi tiểu, qua các đường dùng cho người bệnh an toàn. - Quản lý vết thương (vô trùng, sạch, nhiễm,	Khoa Chấn thương chỉnh hình	1	10	37	111	0	10

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					vết thương mạn tính) mổ nội soi, mổ hở, chăm sóc dẫn lưu chuyên biệt trong hệ niệu: Chăm sóc dẫn lưu bể thận, dẫn lưu niệu quản, dẫn lưu bàng quang, niệu đạo, Retzzuit, lỗ mở niệu quản ra da, dẫn lưu hệ cơ xương khớp. - Thực hiện kế hoạch giáo dục sức khỏe cho người bệnh sau mổ hệ niệu / cơ xương khớp và người nhà bệnh nhân - Lập và hướng dẫn kế hoạch xuất viện cho người bệnh và thân nhân. - Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh sau mổ hệ niệu: sỏi niệu, chấn thương thận - niệu đạo, u xơ tuyến tiền liệt, u thận và bang quang/trước và sau mổ xương, bó bột, kéo tạ, khung cố định ngoài, ghép da.							

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
15.	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	- Nhận định về vai trò, quyền hạn, trách nhiệm Điều dưỡng tại khoa người cao tuổi. - Thực hiện quy trình tiếp nhận người bệnh vào khoa. - Thu thập các thông tin, thăm khám, báo cáo nhận định các vấn đề về sức khỏe của người bệnh cao tuổi được phân công. - Phân tích các thông tin, sự thay đổi của các thông số sinh lý trong những tình huống bệnh thường gặp ở người cao tuổi. - Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh tại khoa nội khớp: bệnh gout, viêm khớp, thoái hóa khớp, loãng xương. - Quản lý việc dùng thuốc cho người cao tuổi: thuốc kháng viêm, giảm đau.	Khoa Lão – Chăm sóc giảm nhẹ	1	10	30	90	0	10

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					- Thực hiện các can thiệp chăm sóc đáp ứng nhu cầu của người bệnh cao tuổi tại khoa nội khớp. - Thực hiện các đường cho thuốc, lấy bệnh phẩm xét nghiệm, cung cấp dinh dưỡng, nâng đỡ, trợ giúp vận động.							
16.	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc cho người bệnh cần được phục hồi chức năng	- Chăm sóc vật lý trị liệu – phục hồi chức năng (VLTL- PHCN) cho người có vấn đề về hô hấp. - Chăm sóc VLTL – PHCN trước và sau phẫu thuật. - Chăm sóc VLTL-PHCN cho các trường hợp nằm lâu tại giường. - Chăm sóc VLTL - PHCN cho người liệt nửa người. - Chăm sóc VLTL-PHCN cho bệnh nhân chấn thương cơ xương khớp.	Khoa Phục hồi chức năng	3	30			24	6

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
17.	7720301	Đại học (liên thông)	Điều dưỡng	Thực tế tốt nghiệp	*Học tập tại khoa:* - Nhận định chức năng, nhiệm vụ của khoa, vai trò của người điều dưỡng. - Thực hành công việc chăm sóc người bệnh toàn diện và độc lập tại các khoa Nội – khoa Ngoại – khoa Hồi sức cấp cứu. - Tiếp nhận người bệnh vào khoa, tư vấn hướng dẫn người bệnh và thân nhân người bệnh đến khám chữa bệnh *Quản lý hồ sơ lưu trữ:* - Học tập được công tác quản lý lưu trữ và sử dụng hồ sơ. - Cấu trúc các khoa phòng tại nơi thực tập. *Tiệt khuẩn:* - Ứng dụng nguyên tắc, phương pháp, quy trình vô khuẩn, tiệt khuẩn. - Đánh giá quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn tại khoa thực tập.	Khoa Ngoại Gan – Mật – Tụy	1	10	74	222	0	10

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					Phòng khám: - Học tập được chức năng, nhiệm vụ phòng khám, quy trình tiếp nhận người bệnh và chức năng của điều dưỡng phòng khám. *Mô hình tổ chức Bệnh viện:* - Học tập được mô hình tổ chức. - Sắp xếp, cấu trúc các khoa phòng tại nơi thực tập.							
18.	7720301	Đại học	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	Thực hành bệnh viện 3	- Đặt và rút nội khí quản. - Đặt và rút mask thanh quản. - Đánh giá người bệnh trước mổ, phân loại bệnh. - Lập kế hoạch và chọn lựa phương pháp vô cảm cho từng người bệnh. - Xử trí khi độ mê không đảm bảo. - Theo dõi người bệnh, phát hiện các tai biến, biến chứng trong gây mê	Khoa Gây mê – Hồi sức	2	10	10	30	5	5

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					– phẫu thuật - Phụ nhân viên xử trí các tai biến trong mổ. - Thử phản ứng chéo trước truyền máu. - Truyền máu: chuẩn bị, theo dõi, viết phiếu truyền máu. - Lấy máu động mạch xét nghiệm. - Gây tê đám rối thần kinh cánh tay. - Gây tê chi dưới. - Gây tê tủy sống. - Gây tê ngoài màng cứng. - Gây tê khoang xương cùng. - Chuyển giao người bệnh qua phòng hồi tỉnh. - Đặt CVP, IBP.							
19.	7720301	Đại học	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	Thực hành bệnh viện 4	- Chuẩn bị, thực hiện và theo dõi người bệnh gây mê nội khí quản. - Lập kế hoạch hồi sức người bệnh trước mổ. - Chăm sóc và theo dõi	Khoa Gây mê – Hồi sức	2	10	10	30	5	5

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					người bệnh ở phòng hồi tỉnh. - Phát hiện các tai biến sau khi gây mê – phẫu thuật. - Duy trì mê qua mask thanh quản - Dùng bơm tiêm điện để duy trì mê tĩnh mạch. - Gây tê đơn giản: niêm mạc hoặc tê vùng nách. - Gây tê chi dưới. - Gây tê tủy sống. - Gây mê hồi sức một số phẫu thuật đơn giản. - Đặt nội phế quản.							
20.	7720301	Đại học	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	Thực hành bệnh viện 5	- Phân loại bệnh – lập kế hoạch và chọn lựa phương pháp vô cảm thích hợp. - Tiến hành gây mê một ca thông thường (chuẩn bị, gây mê, theo dõi, chăm sóc hậu phẫu). - Chuẩn bị, theo dõi và xử trí các tình huống thông thường trong một	Khoa Gây mê – Hồi sức	2	10	10	30	5	5

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					ca gây tê, gây mê. - Phụ Bác sĩ xử trí các tai biến trong và sau gây mê – phẫu thuật. - Lập kế hoạch hồi sức người bệnh sau phẫu thuật. - Chăm sóc và theo dõi người bệnh ở phòng hồi tỉnh. - Phát hiện các tai biến sau khi gây mê – phẫu thuật.							
21.	7720301	Đại học	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	Thực hành bệnh viện - Gây mê hồi sức chuyên khoa phụ sản	- Phân loại bệnh – lập kế hoạch và chọn lựa phương pháp vô cảm thích hợp - Tiến hành gây mê một ca thông thường (chuẩn bị, gây mê, theo dõi, chăm sóc hậu phẫu) - Chuẩn bị, theo dõi và xử trí các tình huống thông thường trong một ca gây tê, gây mê. - Phụ Bác sĩ xử trí các tai biến trong và sau gây mê – phẫu thuật.	Khoa Phụ sản	2	10	4	12	6	4

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					- Lập kế hoạch hồi sức sau phẫu thuật cho sản phụ mổ lấy thai. - Chăm sóc và theo dõi người bệnh ở phòng hồi tỉnh. - Phát hiện các tai biến sau khi gây mê – phẫu thuật. - Tham gia xử trí một số bệnh cấp cứu sản khoa (nhau tiền đạo, thai ngồi tử cung vỡ, sa dây rốn, tim thai suy cấp). - Tiến hành gây mê mổ nội soi ổ bụng cắt u buồng trứng (chuẩn bị, gây mê, theo dõi, chăm sóc hậu phẫu). - Tiến hành gây tê mổ cắt tử cung qua ngả âm đạo (chuẩn bị, gây tê, theo dõi, chăm sóc hậu phẫu).						
22.	7720301	Đại học	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	Thực hành bệnh viện - Gây mê hồi sức chuyên khoa ngoại	- Phân loại bệnh – lập kế hoạch và chọn lựa phương pháp vô cảm thích hợp	Khoa Gây mê – Hồi sức	2	10	10	30	0	10

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
				tổng quát	- Tiến hành gây mê một ca thông thường (chuẩn bị, gây mê, theo dõi, chăm sóc hậu phẫu) - Chuẩn bị, theo dõi và xử trí các tình huống thông thường trong một ca gây tê, gây mê. - Phụ Bác sĩ xử trí các tai biến trong và sau gây mê – phẫu thuật. - Lập kế hoạch hồi sức sau phẫu thuật. - Chăm sóc và theo dõi người bệnh ở phòng hồi tỉnh. - Phát hiện các tai biến sau khi gây mê – phẫu thuật. - Tham gia xử trí một số bệnh cấp cứu ngoại tổng quát. - Tiến hành gây mê mổ cấp cứu bệnh về gan, mật, tụy. - Tham gia gây mê (tê) mổ cấp cứu bệnh ung thư đường tiêu hóa.							

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
23.	7720301	Đại học	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	Thực hành bệnh viện - Gây mê hồi sức trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình – thần kinh	- Phân loại bệnh – lập kế hoạch và chọn lựa phương pháp vô cảm thích hợp. - Tiến hành gây mê một ca thông thường (chuẩn bị, gây mê, theo dõi, chăm sóc hậu phẫu). - Chuẩn bị, theo dõi và xử trí các tình huống thông thường trong một ca gây tê, gây mê. - Phụ Bác sĩ xử trí các tai biến trong và sau gây mê – phẫu thuật. - Lập kế hoạch hồi sức sau phẫu thuật. - Chăm sóc và theo dõi người bệnh ở phòng hồi tỉnh. - Phát hiện các tai biến sau khi gây mê – phẫu thuật - Tham gia xử trí một số bệnh cấp cứu ngoại chỉnh hình – thần kinh. - Tiến hành gây mê mổ u não, lấy máu tụ trong	Khoa Gây mê – Hồi sức	2	10	10	30	0	10

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					não, dập não, vá sọ. - Tham gia gây mê (tê) mổ thay khớp háng, đóng đinh nội tủy, kết hợp xương.							
24.	7720301	Đại học	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	Thực tập tốt nghiệp 1	- Đảm nhận gây mê những trường hợp thông thường theo sự phân công của Điều dưỡng trưởng khoa. - Dự giao ban và chấp hành những quy chế bàn giao người bệnh và các phiên làm việc. - Theo dõi và xử lý các dấu hiệu và triệu chứng của một số bệnh thường gặp trong phạm vi điều dưỡng Gây mê hồi sức. - Áp dụng quy trình chăm sóc để lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh trước, trong và sau mổ. - Thực hiện y lệnh sử dụng thuốc đúng nguyên tắc và đúng quy trình kỹ thuật.	Khoa Gây mê – Hồi sức	2	10	10	30	5	5

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					- Ghi chép hồ sơ điều dưỡng và các sổ sách quản lý được phân công. - Tham gia quản lý khoa phòng: vệ sinh, trật tự, an toàn trong phạm vi được phân công. Thực hiện các chế độ vệ sinh tại khoa phòng. - Tham gia trực gác tại khoa.							
25.	7720301	Đại học	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	Thực tập tốt nghiệp 2	- Nắm vững các quy trình kỹ thuật gây mê hồi sức chuyên khoa: ngoại tổng quát, ngoại niệu, sản, nhi, chấn thương chỉnh hình, thần kinh, lồng ngực mạch máu. - Thực hiện gây mê hồi sức những chuyên khoa theo sự phân công của Điều dưỡng trưởng khoa. - Kiến tập công tác quản lý dược chất, trang thiết bị gây mê hồi sức. - Sinh viên viết bảng thu hoạch vào cuối đợt thực tập tốt nghiệp, tự	Khoa Gây mê – Hồi sức	2	10	10	30	6	4

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					nhận xét và có sự đóng góp ý kiến khoa phòng và giảng viên hướng dẫn.							
26.	7720301	Đại học	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	Thực hành bệnh viện – Gây mê hồi sức cơ bản	*Thực hiện nội quy:* - Chuyên cần - Chấp hành nội quy - Nguyên tắc vô trùng của khu phẫu thuật *Thực hiện kỹ thuật:* - Gắn phương tiện kiểm báo trong gây mê hồi sức. - Phân tích điện tim trong gây mê hồi sức. - Vận hành máy gây mê và các hệ thống trong gây mê hô hấp. - Ghi chép phiếu gây mê. - Chuẩn bị phương tiện – dụng cụ cần thiết trước khi gây mê (tê). - Đón và chuẩn bị người bệnh trước gây mê (tê). - Thực hiện thăm khám và báo cáo tiền mê. - Đặt tư thế người bệnh	Khoa Gây mê – Hồi sức	2	10	10	30	5	5

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					trong gây mê và phẫu thuật. - Thực hiện cho thở oxy. - Kiến tập cấp cứu ngưng hô hấp – tuần hoàn. - Kỹ thuật cầm mask. - Kỹ thuật đặt nội khí quản. - Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch. - Kỹ thuật gây mê hô hấp. - Kỹ thuật tiền mê. - Đặt tư thế người bệnh trong gây tê.							
27.	7720301	Đại học	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	Thực hành bệnh viện – Gây mê hồi sức chuyên khoa và bệnh lý	*Thực hiện nội quy:* - Chuyên cần - Chấp hành nội quy *Thực hiện kỹ thuật:* - Phân loại bệnh – lập kế hoạch và chọn lựa phương pháp vô cảm thích hợp. - Chuẩn bị, thực hiện và theo dõi người bệnh gây	Khoa Gây mê – Hồi sức	2	10	10	30	5	5

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					mê nội khí quản. - Lập kế hoạch hồi sức người bệnh trước mổ. - Tiến hành duy trì mê qua mask thanh quản. - Thực hiện kỹ thuật gây tê đơn giản. - Thực hiện kỹ thuật gây tê tủy sống. - Kiến tập kỹ thuật đặt nội phế quản. - Kiến tập kỹ thuật thông khí một phổi. - Tiến hành gây mê hồi sức một số phẫu thuật đơn giản. - Theo dõi và xử trí các tình huống thông thường trong một ca gây tê, gây mê. - Phụ giúp Bác sĩ xử trí các tai biến trong gây mê.							
28.	7720301	Đại học (liên thông)	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	Thực hành bệnh viện 3	- Phân loại bệnh – lập kế hoạch và chọn lựa phương pháp vô cảm thích hợp. - Tiến hành gây mê một	Khoa Gây mê – Hồi sức	2	10	10	30	3	7

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					ca thông thường (chuẩn bị, gây mê, theo dõi, chăm sóc hậu phẫu). - Chuẩn bị, theo dõi và xử trí các tình huống thông thường trong một ca gây tê, gây mê. - Phụ Bác sĩ xử trí các tai biến trong và sau gây mê – phẫu thuật. - Lập kế hoạch hồi sức người bệnh sau phẫu thuật. - Chăm sóc và theo dõi người bệnh ở phòng hồi tỉnh - Phát hiện các tai biến sau khi gây mê – phẫu thuật.							
29.	7720301	Đại học (liên thông)	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức trong phẫu thuật ngoại tổng quát	- Phân loại bệnh – lập kế hoạch và chọn lựa phương pháp vô cảm thích hợp. - Tiến hành gây mê một ca thông thường (chuẩn bị, gây mê, theo dõi, chăm sóc hậu phẫu). - Chuẩn bị, theo dõi và	Khoa Gây mê – Hồi sức	2	10	10	30	6	4

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					xử trí các tình huống thông thường trong một ca gây tê, gây mê. - Phụ Bác sĩ xử trí các tai biến trong và sau gây mê – phẫu thuật. - Lập kế hoạch hồi sức sau phẫu thuật. - Chăm sóc và theo dõi người bệnh ở phòng hồi tỉnh. - Phát hiện các tai biến sau khi gây mê – phẫu thuật. - Tham gia xử trí một số bệnh cấp cứu ngoại khoa. - Tiến hành gây mê mổ nội soi ổ bụng cắt ruột thừa, đoạn đại trực tràng - Tham gia gây mê hồi sức mổ ung thư thực quản.							
30.	7720301	Đại học (liên thông)	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	Thực tập tốt nghiệp	- Nắm vững các quy trình kỹ thuật gây mê hồi sức chuyên khoa: ngoại tổng quát, ngoại niệu, chấn thương chỉnh hình,	Khoa Gây mê – Hồi sức	2	10	10	30	3	7

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					thần kinh, lồng ngực mạch máu. - Thực hiện gây mê hồi sức các chuyên khoa theo sự phân công của Điều dưỡng trưởng khoa. - Kiến tập công tác quản lý dược chất, trang thiết bị gây mê hồi sức. - Sinh viên viết bảng thu hoạch vào cuối đợt thực tập tốt nghiệp, tự nhận xét và có sự đóng góp ý kiến khoa phòng và giảng viên hướng dẫn.							
31.	7720301	Đại học	Điều dưỡng chuyên ngành Hộ sinh	Chăm sóc sức khỏe người bệnh nội khoa	- Đón tiếp, nhận định tình trạng hiện tại người bệnh điều trị tại khoa nội. - Thực hiện các kỹ thuật vô khuẩn, phòng chống nhiễm khuẩn: + Xử lý chất thải: phân loại đúng và quản lý rác thải tại khoa. + Thực hiện cách ly và phòng chống lây nhiễm trong chăm	Khoa Nội tổng hợp	1	10	20	60	0	10

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					sóc người bệnh truyền nhiễm. + Chuẩn bị giường và thay vải trải gường cho người bệnh. + Vệ sinh vùng phụ cận. - Thực hiện các kỹ thuật đáp ứng nhu cầu cơ bản cho người bệnh: + Giúp vệ sinh cá nhân cho người bệnh và hướng dẫn vệ sinh cho thân nhân. + Chăm sóc ngừa loét ép. + Đo và nhận định dấu sinh hiệu: mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở. + Giúp người bệnh ăn qua sonde. + Thụt tháo. - Thực hiện các kỹ thuật hỗ trợ điều trị: + Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ cho							

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					một xe tiêm thuốc. + Phát thuốc và giúp người bệnh uống thuốc. + Thực hiện các kỹ thuật đưa thuốc vào cơ thể qua các đường: tiêm bắp, tiêm dưới da, tiêm tĩnh mạch, truyền dịch … + Lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm. + Cho người bệnh thở oxy. + Thực hiện đo điện tim. - Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh tại khoa nội. - Tư vấn và giáo dục sức khoẻ cho người bệnh và thân nhân. - Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc khoa nội.							
32.	7720301	Đại học	Điều dưỡng chuyên	Chăm sóc người bệnh	- Tiếp nhận sản phụ, bệnh nhân từ phòng mổ	Khoa Phụ sản	1	10	7	21	0	10

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
			ngành Hộ sinh	hồi sức và chăm sóc tích cực sản phụ khoa	sang phòng Hồi sức. + Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản: tiêm truyền tĩnh mạch, tiêm bắp, thay băng vết mổ, đặt và rút ống thông tiểu, truyền máu, đo ECG… + Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc sản phụ, người bệnh sau mổ: lau bệnh, súc miệng, chải đầu, rửa âm hộ…. - Theo dõi, lập kế hoạch chăm sóc và chăm sóc sản phụ sau mổ lấy thai. - Theo dõi, lập kế hoạch chăm sóc và chăm sóc người bệnh sau mổ phụ khoa.							
33.	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 1 (phần sọ não, cột sống, cơ xương	- Đại cương về cộng hưởng từ: + Lịch sử phát triển + Nguyên lý cơ bản + Khái niệm thời gian thư giãn	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	3	30			12	18

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
				khớp)	+ Các chuỗi xung cơ bản + Các thông số hình ảnh + Ảnh giả: nguyên nhân và cách khắc phục + Các loại chất tương phản sử dụng trong cộng hưởng từ - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ sọ não - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ vùng cổ - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ cột sống ngực - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ vùng thắt lưng - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ cơ xương khớp							
34.	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 2 (phần bụng, chậu, tim mạch, tuyến vú)	- Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ bụng (gan, mật, tuỵ, lách, thận - tiết niệu...) - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ chậu (sinh dục, sản phụ khoa, đại-trực	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	3	30			12	18

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					tràng ...) - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ mạch máu - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ tim, mạch vành - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ tuyến vú - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ chức năng và cộng hưởng từ phổ, tưới máu não							
35.	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Triệu chứng học hình ảnh cộng hưởng từ	- Triệu chứng học cộng hưởng từ (CHT) các bệnh lý sọ não: + Nhồi máu não, xuất huyết não + Chấn thương sọ não + U và di căn + Viêm não + Các dây thần kinh sọ + Bệnh lý hốc mắt - Triệu chứng học CHT động mạch và tĩnh mạch (MRA-MRV). - Triệu chứng học CHT cột sống – đĩa đệm.	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	3	30			23	7

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					- Triệu chứng học CHT các bệnh lý tim, mạch vành. - Triệu chứng học CHT các bệnh lý vùng bụng, chậu: + Gan + Đường mật + Lách + Tụy + Thận và thượng thận + Ống tiêu hóa + Hệ sinh dục + Thành bụng và các khoang phúc mạc - Triệu chứng học CHT các bệnh lý cơ xương khớp, tuyến vú. - Triệu chứng học CHT tưới máu não, chức năng và CHT phổ.							
36.	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật hình ảnh cập nhật	- Kỹ thuật chụp PET-CT - Kỹ thuật chụp SPECT - Hình ảnh học can thiệp (sinh thiết dưới	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	3	30			23	7

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					hướng dẫn của CT-Scan, siêu âm) - Nội soi đại tràng ảo							
37.	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Thực hành bệnh viện 4 (Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ)	- Kỹ thuật chụp sọ não. - Kỹ thuật chụp cột sống - Kỹ thuật chụp ngực, bụng, chậu - Kỹ thuật chụp các chi - Kỹ thuật chụp mạch máu - Kỹ thuật chụp tim, mạch vành (kiến tập)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	3	30			12	18
38.	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính cơ bản	- Chăm sóc người bệnh: + Giao tiếp người bệnh + Chuẩn bị người bệnh + Chất tương phản - Quy trình chụp cắt lớp vi tính (CT-Scan) hệ thần kinh: + CT-Scan sọ (-/+ chấn thương) + CT-Scan xoang + CT-Scan xương	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	3	30			5	25

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					chủm + CT-Scan mạch máu sọ - Quy trình chụp CT-Scan ngực: + CT-Scan ngực thường quy + CT-Scan động mạch chủ ngực - Quy trình chụp CT-Scan bụng chậu: + CT-Scan bụng chậu thường quy + CT-Scan gan + CT-Scan tụy + CT-Scan thận + CT-Scan động mạch chủ bụng – chậu - Quy trình chụp CT-Scan cơ xương: + CT-Scan chi trên + CT-Scan chi dưới - Hậu xử lý: + Tái tạo hình ảnh + Đánh giá chất lượng hình ảnh							

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
39.	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ cơ bản	- Các thông số chụp kỹ thuật chụp cộng hưởng từ - Các chuỗi xung cộng hưởng từ: nguyên lý và ứng dụng - An toàn trong chụp cộng hưởng từ - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ sọ não - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ cột sống - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ cơ xương khớp - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ ngực, bụng, chậu	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	3	30			8	22
40.	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Triệu chứng học hình ảnh cắt lớp vi tính + Triệu chứng học hình ảnh cộng hưởng từ	- Triệu chứng học cộng hưởng từ (CHT) và cắt lớp vi tính (CLVT) các bệnh lý sọ não + Nhồi máu não, xuất huyết não + Chấn thương sọ não + U và di căn + Viêm não + Các dây thần kinh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	3	30			15	15

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					sọ + Bệnh lý hốc mắt - Triệu chứng học CHT động mạch và tĩnh mạch (MRA-MRV). - Triệu chứng học CHT cột sống – đĩa đệm. - Triệu chứng học CHT và CLVT các bệnh lý tim, mạch vành. - Triệu chứng học CHT và CLVT các bệnh lý vùng bụng, chậu. + Gan + Đường mật + Lách + Tụy + Thận và thượng thận + Ống tiêu hóa + Hệ sinh dục + Thành bụng và các khoang phúc mạc - Triệu chứng học CHT tuyến vú và CLVT các bệnh lý cơ xương khớp. - Triệu chứng học CHT							

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					tưới máu não, chức năng và CHT phổ. - Triệu chứng học CLVT các bệnh lý vùng ngực: + Thành ngực + Trung thất							
41.	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Thực hành bệnh viện (Kỹ thuật chụp X quang cắt lớp vi tính)	- Chuẩn bị người bệnh - Kỹ thuật tiêm - Kỹ thuật chụp CT-Scan sọ, xoang, ống tai, mạch máu sọ, cảnh - Kỹ thuật chụp CT-Scan hầu, cổ - Kỹ thuật chụp CT-Scan cột sống - Kỹ thuật chụp CT-Scan ngực, mạch máu vùng ngực - Kỹ thuật chụp CT-Scan bụng chậu: gan, tụy, thận, mạch máu - Kỹ thuật chụp CT-Scan các chi - Các phương pháp giảm liều xạ trên CT-Scan	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	3	30			5	25

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					- Các kỹ thuật hậu xử lý: tái tạo 3D, in phim. - Quản lý dữ liệu							
42.	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Thực hành bệnh viện (Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ)	- Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ (CHT) sọ não. - Kỹ thuật chụp CHT cột sống - Kỹ thuật chụp CHT ngực, bụng, chậu - Kỹ thuật chụp CHT cơ xương khớp - Kỹ thuật chụp CHT mạch máu	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	3	30			8	22
43.	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Thực tập tốt nghiệp	*Kỹ thuật chụp X quang thông thường:* - Kỹ thuật chụp chi trên - Kỹ thuật chụp chi dưới - Kỹ thuật chụp cột sống - Kỹ thuật chụp tim phổi - Kỹ thuật chụp đầu mặt, xoang - Kỹ thuật chụp bụng, khung chậu - Kỹ thuật chụp răng	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	3	30			8	22

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					Kỹ thuật chụp X quang đặc biệt: - Kỹ thuật chụp thực quản - Kỹ thuật chụp dạ dày - Kỹ thuật chụp đại tràng - Kỹ thuật chụp UIV *Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính:* - Kỹ thuật chụp sọ, xoang - Kỹ thuật chụp ngực - Kỹ thuật chụp bụng, chậu - Kỹ thuật chụp cột sống, các chi - Kỹ thuật chụp mạch máu - Kỹ thuật chụp tim, mạch vành (kiến tập) *Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ:* - Kỹ thuật chụp sọ não - Kỹ thuật chụp cột sống - Kỹ thuật chụp ngực,							

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					bụng, chậu - Kỹ thuật chụp các chi - Kỹ thuật chụp mạch máu - Kỹ thuật chụp tim, mạch vành (kiến tập) *Y học hạt nhân và xạ trị:* - Các kỹ thuật xạ hình (gan, thận, tuyến giáp, xương...) - Các kỹ thuật xạ trị (gan, thận, tuyến giáp, xương...)							
44.	7720602	Đại học (liên thông)	Kỹ thuật hình ảnh y học	Triệu chứng học hình ảnh cắt lớp vi tính	- Triệu chứng học cắt lớp vi tính các bệnh lý sọ não + Chấn thương sọ não + Xuất huyết não + Nhồi máu não + U và di căn + Viêm não + Bệnh lý hốc mắt + Bệnh lý xương mặt và các xoang - Triệu chứng học cắt lớp vi tính các bệnh lý	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	3	30			3	27

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					vùng ngực: + Thành ngực + Trung thất + Phổi – màng phổi - Triệu chứng học cắt lớp vi tính các bệnh lý tim, mạch vành. - Triệu chứng học cắt lớp vi tính các bệnh lý vùng bụng: + Gan + Đường mật + Lách + Tụy + Thận và thượng thận + Ống tiêu hóa + Hệ sinh dục + Thành bụng và các khoang phúc mạc - Triệu chứng học cắt lớp vi tính các bệnh lý cột sống, các chi. - Triệu chứng học cắt lớp vi tính các bệnh lý mạch máu.						
45.	7720602	Đại học	Kỹ thuật	Triệu	- Triệu chứng học CHT	Khoa Chẩn	3	30			3	27

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
		(liên thông)	hình ảnh y học	chứng học hình ảnh cộng hưởng từ	các bệnh lý sọ não: + Nhồi máu não, xuất huyết não + Chấn thương sọ não + U và di căn + Viêm não + Các dây thần kinh sọ + Bệnh lý hốc mắt - Triệu chứng học CHT động mạch và tĩnh mạch (MRA-MRV). - Triệu chứng học CHT cột sống – đĩa đệm. - Triệu chứng học CHT các bệnh lý tim, mạch vành. - Triệu chứng học CHT các bệnh lý vùng bụng, chậu: + Gan + Đường mật + Lách + Tụy + Thận và thượng thận	đoán hình ảnh						

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					+ Ống tiêu hóa + Hệ sinh dục + Thành bụng và các khoang phúc mạc - Triệu chứng học CHT các bệnh lý cơ xương khớp, tuyến vú - Triệu chứng học CHT tưới máu não, chức năng và CHT phổ.							
46.	7720602	Đại học (liên thông)	Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật hình ảnh cập nhật	- Kỹ thuật chụp PET-CT - Kỹ thuật chụp SPECT - Hình ảnh học can thiệp (sinh thiết dưới hướng dẫn của CT scan, siêu âm) - Nội soi đại tràng ảo	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	3	30			3	27
47.	7720602	Đại học (liên thông)	Kỹ thuật hình ảnh y học	Thực hành bệnh viện 4 (cộng hưởng từ)	- Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ (CHT) sọ não. - Kỹ thuật chụp CHT cột sống - Kỹ thuật chụp CHT ngực, bụng, chậu - Kỹ thuật chụp CHT các chi - Kỹ thuật chụp CHT	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	3	30			3	27

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					mạch máu - Kỹ thuật chụp CHT tim, mạch vành (kiến tập)							
48.	7720602	Đại học (liên thông)	Kỹ thuật hình ảnh y học	Triệu chứng học hình ảnh cắt lớp vi tính + Triệu chứng học hình ảnh cộng hưởng từ	- Triệu chứng học cộng hưởng từ (CHT) và cắt lớp vi tính (CLVT) các bệnh lý sọ não: + Nhồi máu não, xuất huyết não + Chấn thương sọ não + U và di căn + Viêm não + Các dây thần kinh sọ + Bệnh lý hốc mắt - Triệu chứng học CHT động mạch và tĩnh mạch (MRA-MRV). - Triệu chứng học CHT cột sống – đĩa đệm. - Triệu chứng học CHT và CLVT các bệnh lý tim, mạch vành. - Triệu chứng học CHT và CLVT các bệnh lý vùng bụng, chậu:	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	3	30			6	24

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					+ Gan + Đường mật + Lách + Tụy + Thận và thượng thận + Ống tiêu hóa + Hệ sinh dục + Thành bụng và các khoang phúc mạc - Triệu chứng học CHT tuyến vú và CLVT các bệnh lý cơ xương khớp. - Triệu chứng học CHT tưới máu não, chức năng và CHT phổ. - Triệu chứng học CLVT các bệnh lý vùng ngực: + Thành ngực + Trung thất							
49.	7720602	Đại học (liên thông)	Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật hình ảnh cập nhật	*Phần 1: X Quang cắt lớp vi tính:* - Kỹ thuật chụp nội soi đại tràng ảo - Kỹ thuật chụp XQuang cắt lớp vi tính 2	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	3	30			6	24

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					nguồn /mức năng lượng và các ứng dụng - Kỹ thuật chụp X quang cắt lớp vi tính hướng dẫn sinh thiết *Phần 2: Cộng hưởng từ:* - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ bó sợi thần kinh (Tractography, Diffusion Tensor Imaging-DTI) - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ tưới máu (perfusion) - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ chức năng (fMRI) - Kỹ thuật cộng hưởng từ phổ (spectroscopy)							
50.	7720602	Đại học (liên thông)	Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính và chụp cộng hưởng từ tim mạch	*Phần 1: Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính tim mạch:* - Giải phẫu tim, mạch vành - Chuẩn bị người bệnh chụp cắt lớp vi tính tim mạch - Quy trình chụp cắt lớp vi tính tim mạch	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	3	30			6	24

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					- Tái tạo hình ảnh - Nhận biết một số bệnh lý tim, mạch vành thường gặp *Phần 2: Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ tim mạch* - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ động mạch (động mạch chủ, động mạch chi …) - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ các bệnh lý tim - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ mạch vành - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ tưới máu cơ tim, đánh giá cơ tim							
51.	7720602	Đại học (liên thông)	Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ thần kinh-cơ xương khớp	- Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ sọ não nâng cao: mạch máu não, tưới máu, tuyến yên, chức năng, ... - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ sọ não, tủy sống trẻ em - Kỹ thuật chụp cộng	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	3	30			3	27

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					hưởng từ xương khớp chi trên chuyên sâu - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ xương khớp chi dưới chuyên sâu - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ khớp động - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ cơ							
52.	7720602	Đại học (liên thông)	Kỹ thuật hình ảnh y học	Thực hành học phần bổ sung	- Chụp cắt lớp vi tính động mạch não, động mạch cảnh - Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi - Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực - Chụp cắt lớp vi tính tĩnh mạch phổi - Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ bụng chậu - Chụp cắt lớp vi tính mạc treo - Chụp cắt lớp vi tính ruột non - Chụp cắt lớp vi tính đại tràng nội soi ảo	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	3	30			3	27

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					- Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ sọ não - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ cột sống - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ khớp gối							
53.	7720603	Đại học	Kỹ thuật phục hồi chức năng (vật lý trị liệu)	Thực tập lâm sàng vật lý trị liệu Tim mạch – Hô hấp	- Kỹ năng giao tiếp, hướng dẫn, giáo dục sức khoẻ cho người bệnh, thân nhân người bệnh. - Các kỹ thuật khám và lượng giá vật lý trị liệu cho các trường hợp bệnh hô hấp, tim mạch. - Thiết lập mục tiêu và chương trình điều trị vật lý trị liệu cho các trường hợp bệnh hô hấp, tim mạch. - Sự an toàn cho người bệnh, kỹ năng thực hiện các kỹ thuật vật lý trị liệu trong lượng giá và điều trị người bệnh. - Hướng dẫn người bệnh và thân nhân người bệnh phương pháp dự phòng y học và chương	Khoa Phục hồi chức năng	3	30			30	0

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					trình tập tại nhà.							
54.	7720603	Đại học	Kỹ thuật phục hồi chức năng (vật lý trị liệu)	Thực tế tốt nghiệp 1	- Tiếp nhận người bệnh, khám lượng giá chức năng và làm hồ sơ điều trị vật lý trị liệu (VLTL) những trường hợp bệnh thông thường theo sự phân công của Kỹ thuật viên trưởng. - Thiết lập mục tiêu và kế hoạch chương trình điều trị thích hợp với người bệnh. - Thực hiện đúng các bước quy trình kỹ thuật. - Ghi chép hồ sơ VLTL và các sổ sách quản lý được phân công. - Tham gia quản lý khoa phòng: vệ sinh, trật tự, an toàn trong phạm vi được phân công. Thực hiện các chế độ vệ sinh tại khoa phòng. - Tham dự các buổi thuyết giảng tại bệnh viện. - Sinh viên viết bảng	Khoa Phục hồi chức năng	3	30			30	0

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					thu hoạch vào cuối đợt thực tập tốt nghiệp, tự nhận xét và có sự đóng góp ý kiến của khoa phòng và giáo viên hướng dẫn.							
55.	7720603	Đại học	Kỹ thuật phục hồi chức năng (vật lý trị liệu)	Thực tế tốt nghiệp 2	- Tiếp nhận người bệnh, khám lượng giá chức năng và làm hồ sơ điều trị vật lý trị liệu (VLTL) những trường hợp bệnh thông thường theo sự phân công của Kỹ thuật viên trưởng. - Thiết lập mục tiêu và kế hoạch chương trình điều trị thích hợp với người bệnh. - Thực hiện đúng các bước quy trình kỹ thuật. - Ghi chép hồ sơ VLTL và các sổ sách quản lý được phân công. - Tham gia quản lý khoa phòng: vệ sinh, trật tự, an toàn trong phạm vi được phân công. Thực hiện các chế độ vệ sinh	Khoa Phục hồi chức năng	3	30			30	0

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					tại khoa phòng. - Tham dự các buổi thuyết giảng tại bệnh viện. - Sinh viên viết bảng thu hoạch vào cuối đợt thực tập tốt nghiệp, tự nhận xét và có sự đóng góp ý kiến của khoa phòng và giáo viên hướng dẫn.							
56.	7720603	Đại học (liên thông)	Kỹ thuật phục hồi chức năng (Hoạt động trị liệu)	Thực tập lâm sàng 3	- Định hướng lâm sàng và ôn lại các kỹ năng cơ bản - Lượng giá người bệnh - Thiết lập mục tiêu - Lập kế hoạch can thiệp, thực hiện và đánh giá - Thực hành trên người bệnh dưới sự giám sát của giảng viên trong các trường hợp: chỉnh hình, phẫu thuật, thần kinh, bệnh nội khoa và lão khoa - Ghi chép phản hồi - Thảo luận nhóm có	Khoa Phục hồi chức năng	3	30			6	24

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					giám sát							
57.	7720603	Đại học (liên thông)	Kỹ thuật phục hồi chức năng (Hoạt động trị liệu)	Thực tế tốt nghiệp	- Lượng giá hoạt động trị liệu cho người bệnh tại bệnh viện/Trung tâm Phục hồi chức năng - Điều trị hoạt động trị liệu cho người bệnh tại Bệnh viện/Trung tâm Phục hồi chức năng - Ghi chép, lưu trữ và quản lý hồ sơ hoạt động trị liệu	Khoa Phục hồi chức năng	3	30			6	24
58.	7720603	Đại học	Kỹ thuật phục hồi chức năng (Hoạt động trị liệu)	Thực tập lâm sàng 3	- Định hướng lâm sàng và ôn lại các kỹ năng cơ bản - Lượng giá người bệnh - Thiết lập mục tiêu - Lập kế hoạch can thiệp, thực hiện và đánh giá - Thực hành trên người bệnh dưới sự giám sát của giảng viên trong các trường hợp: chỉnh hình, phẫu thuật, thần kinh, bệnh nội khoa và lão khoa	Khoa Phục hồi chức năng	3	30			4	26

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					- Ghi chép phản hồi - Thảo luận nhóm có giám sát							
59.	7720603	Đại học	Kỹ thuật phục hồi chức năng (Vật lý trị liệu)	Thực tập lâm sàng vật lý trị liệu cơ xương	- Vật lý trị liệu (VLTL) gãy xương chi trên - VLTL gãy xương chi dưới - VLTL chấn thương cột sống - VLTL trật khớp - VLTL thay khớp hông, thay khớp gối - VLTL các trường hợp viêm gân cơ - VLTL tổn thương mô mềm - VLTL vẹo cột sống	Khoa Phục hồi chức năng	3	30			20	10
60.	7720603	Đại học	Kỹ thuật phục hồi chức năng (Vật lý trị liệu)	Thực tập lâm sàng vật lý trị liệu thần kinh – cơ	- VLTL tai biến mạch máu não - VLTL bệnh Parkinson - VLTL liệt hạ chi, liệt tứ chi - VLTL chấn thương sọ não - VLTL liệt thần kinh VII ngoại biên	Khoa Phục hồi chức năng	3	30			20	10

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					- VLTL bại não - VLTL tổn thương thần kinh ngoại biên							
61.	7720601	Đại học (liên thông)	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Thực tập tốt nghiệp	- Tìm hiểu sơ đồ tổ chức, quản lý phòng Xét nghiệm của bệnh viện. - Thiết kế tối ưu việc phân luồng và quản lý công việc trong phòng xét nghiệm. - Cải thiện vấn đề thanh trùng, kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện - Phòng tránh, xử lý tình huống phơi nhiễm các mầm bệnh đối với nhân viên y tế. - Giới thiệu tính năng, nguyên lý hoạt động, quy trình vận hành, cài đặt, bảo trì các máy móc xét nghiệm hiện có tại bệnh viện. - Thực tập các công việc thuộc lĩnh vực hành chính tổ chức của phòng xét nghiệm. - Thực tập các xét	Khoa Xét nghiệm	2	40			14	26

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					nghiệm sinh hóa từ cơ bản đến chuyên sâu, hiện đang được thực hiện tại bệnh viện. - Thực tập các xét nghiệm huyết học từ cơ bản đến chuyên sâu, hiện đang được thực hiện tại bệnh viện. - Thực tập các xét nghiệm vi sinh từ cơ bản đến chuyên sâu, hiện đang được thực hiện tại bệnh viện. - Làm báo cáo kết thúc đợt thực tập.							
62.	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Thực tập tốt nghiệp	- Thực hành nâng cao, tiếp thu cập nhật kiến thức mới, phù hợp kiến thức, thái độ, kỹ năng dựa vào chuẩn năng lực điều dưỡng: + Tiếp nhận người bệnh đến khám và điều trị + Viết hồ sơ bệnh án + Phụ và thực hiện	Khoa Cấp cứu	1	10	17	51	0	10
						Khoa Hồi sức tích cực	1	10	31	93	0	10
						Khoa Gây mê – Hồi sức	1	10	10	30	0	10
						Khoa Lão – Chăm sóc giảm nhẹ	1	10	30	90	0	10

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					các thủ thuật điều dưỡng tại khoa + Lấy các mẫu bệnh phẩm + …	Khoa Tim mạch can thiệp	1	10	35	105	0	10
						Khoa Chấn thương chỉnh hình	1	10	37	111	0	10
						Khoa Nội Tổng hợp	1	10	20	60	0	10
						Khoa Lồng ngực – Mạch máu	1	10	37	111	0	10
						Khoa Ngoại Gan – Mật – Tụy	1	10	74	222	0	10
						Khoa Ngoại Tiêu hóa	1	10	73	219	0	10
						Khoa Tiêu hóa	1	10	37	111	0	10
						Khoa Hô hấp	1	10	37	111	0	10
						Khoa Tai Mũi Họng	1	10	35	105	0	10

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
						Khoa Thần kinh	1	10	74	222	0	10
						Khoa Hậu môn – Trực tràng	2	20	37	111	0	20
						Khoa Phẫu thuật tim mạch	1	10	41	123	0	10
63.	8720601	Thạc sĩ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Thực tế hóa sinh tại bệnh viện	- Quản lý phòng xét nghiệm bệnh viện: + Quan sát cơ sở + Quan sát quy trình tại cơ sở - Thiết lập quy trình phòng xét nghiệm tuyến tỉnh: - Nội kiểm: + Tham gia thực hiện mỗi ngày + Phân tích số liệu + Nguyên nhân + Hành động khắc phục - Ngoại kiểm: + Phân tích số liệu + Nguyên nhân	Khoa Xét nghiệm	4	20			2	18

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					+ Hành động khắc phục - Thực tập xét nghiệm máy sinh hóa tự động: + Nguyên tắc vận hành máy + Quy trình vận hành - Thực tập xét nghiệm bệnh đái tháo đường, gan, tim mạch, thận… - Thực tập xét nghiệm máy Ion đồ: + Nguyên tắc vận hành máy + Quy trình vận hành - Thực tập xét nghiệm các bệnh rối loạn chất điện giải. - Thực tập xét nghiệm máy miễn dịch tự động + Nguyên tắc vận hành máy + Quy trình vận hành - Thực tập xét nghiệm các bệnh tuyến nội tiết,							

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					ung thư.							
64.	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Thực tập tốt nghiệp	- Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc người bệnh (NB) đúng quy trình: + Đón tiếp NB đến khám và điều trị + Trợ giúp Bác sĩ khám bệnh + Vận chuyển NB + Chuẩn bị giường đón NB, thay vải trải giường có NB nằm + Vệ sinh cá nhân NB (vệ sinh răng miệng, vệ sinh da, tắm NB tại giường) + Đo dấu hiệu sinh tồn + Tiêm trong da, test lẩy da + Tiêm dưới da + Tiêm bắp + Tiêm tĩnh mạch + Truyền dịch + Truyền máu + Giúp NB uống thuốc, nhỏ thuốc mắt,	Khoa Cấp cứu	1	15	17	51	0	15
						Khoa Hồi sức tích cực	1	15	31	93	0	15
						Khoa Gây mê – Hồi sức	1	15	10	30	0	15
						Khoa Lão – Chăm sóc giảm nhẹ	1	15	30	90	0	15
						Khoa Tim mạch can thiệp	1	15	35	105	0	15
						Khoa Chấn thương chỉnh hình	1	15	37	111	0	15
						Khoa Nội Tổng hợp	1	15	20	60	0	15
						Khoa Lồng ngực – Mạch máu	1	15	37	111	0	15

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					mũi, tai + Cho NB ăn qua ống thông dạ dày, hỗ trợ ăn bằng đường miệng + Đo lượng dịch vào, ra của NB + Chăm sóc và dự phòng loét ép + Băng, thay băng vết thương, cắt chỉ + Lấy bệnh phẩm xét nghiệm + Thụt tháo + Đặt sonde dạ dày, hút dịch dạ dày, tá tràng + Rửa dạ dày + Cho NB thở oxy + Chăm sóc các loại ống dẫn lưu + Xử lý chất thải tại khoa, phòng + Các tư thế NB trong nghỉ ngơi và trị liệu thông thường + Chuẩn bị NB chụp phim các loại	Khoa Ngoại Gan – Mật – Tụy	1	15	74	222	0	15
						Khoa Ngoại Tiêu hóa	1	15	73	219	0	15
						Khoa Hô hấp	1	15	37	111	0	15
						Khoa Tiêu hóa	1	15	37	111	0	15
						Khoa Thần kinh	1	15	74	222	0	15
						Khoa Phẫu thuật tim mạch	1	15	41	123	0	15

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					+ Chuẩn bị NB siêu âm chẩn đoán + Cân và đo chiều cao cho NB + Chăm sóc theo dõi NB thở máy + Theo dõi NB trên monitoring + Chăm sóc NB hấp hối tử vong + Chuẩn bị dụng cụ, phụ Bác sĩ (BS) đặt nội khí quản, khai khí quản + Phụ BS chọc dò màng phổi, màng bụng, tủy sống + Phụ BS khâu vết thương phần mềm + Phụ BS đo CVP + Phụ BS đo ECG + Chuẩn bị NB làm các xét nghiệm về đường tiêu hóa + Hút thông đường hô hấp trên, dưới + Chăm sóc canuyn khí, ống nội khí quản							

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					trên NB + Tiêm insulin + Thông tiểu thường, liên tục + Súc rửa bàng quang + Tiêm tĩnh mạch bằng bơm tiêm điện + Chăm sóc NB có hậu môn nhân tạo + Chăm sóc các ống dẫn lưu ổ bụng - Thực hiện các thủ tục hành chính chuyên môn trong khoa: + Sắp xếp, dán hồ sơ bệnh án + Ghi chép phiếu theo dõi chức năng sống + Ghi được phiếu chăm sóc + Ghi được phiếu truyền dịch + Ghi được phiếu thử phản ứng thuốc + Tiếp nhận NB vào khoa							

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					+ Liên hệ đưa NB đi làm xét nghiệm + Hoàn thành các thủ tục chuyển khoa và bàn giao NB cho khoa mới + Làm thủ tục xuất viện + Họp hội đồng NB hàng tuần - Nhận định NB để xác định, gọi tên vấn đề chăm sóc, lập kế hoạch chăm sóc và can thiệp theo quy trình điều dưỡng (4 bước) - Thu thập thông tin để thiết kế và trình bày được hệ thống tổ chức mô hình làm việc của hệ điều dưỡng và mô tả chức năng, nhiệm vụ của người Điều dưỡng - Giao tiếp hiệu quả và thiết lập được mối quan hệ tốt với các đối tượng liên quan - Học tập các chuyên đề.							

ĐẠI HỌC Y DƯỢC TPHCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

Phụ lục 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
(Tại 1 thời điểm)

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
SAU ĐẠI HỌC												
1.1	CK62726001	Chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị hệ thần kinh	- Chẩn đoán và điều trị bệnh lý u thần kinh theo y học hiện đại. - Chẩn đoán và điều trị bệnh lý u thần kinh theo y học cổ truyền - Đại cương bệnh lý tiểu não - Chẩn đoán và điều trị bệnh lý tiểu não - Đại cương về bệnh lý rối loạn tri giác	Nội Y học cổ truyền	1	5	5	15	1	4

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					mạn tính - Chẩn đoán và điều trị bệnh lý rối loạn tri giác mạn tính							
1.2	CK62726001	Chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị kết hợp hệ tiêu hoá gan mật	Chẩn đoán, điều trị và dự phòng những bệnh lý hệ tiêu hoá gan mật thường gặp bằng Phương pháp y học cổ truyền và y học hiện đại. - Viêm gan - Xơ gan - Bệnh lý đại tràng - Các thăm dò và xét nghiệm cận lâm sàng về gan mật - Bệnh lý dạ dày – tá tràng – GERD - Bệnh lý tuyến tuỵ	Nội Y học cổ truyền	1	5	5	15	0	5
1.3	CK62726001	Chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị kết hợp cơ xương	Chẩn đoán, điều trị và dự phòng những bệnh lý hệ cơ xương khớp thường gặp bằng phương pháp y học cổ	Nội Y học cổ truyền	1	5	5	15	2	3

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
				khớp	truyền và y học hiện đại. - Thoái hoá khớp - Thoát vị đĩa đệm cột sống cổ - Loãng xương - Các thăm dò và xét nghiệm cận lâm sàng về bệnh lý cơ xương khớp - Viêm khớp dạng thấp - Viêm cột sống dính khớp - Gout							
1.4	CK62726001	Chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị kết hợp hệ hô hấp	Chẩn đoán, điều trị và dự phòng những bệnh lý hệ hô hấp thường gặp bằng phương pháp y học cổ truyền và y học hiện đại. - Hen phế quản - Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	Nội Y học cổ truyền	1	5	5	15	0	5

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					(COPD) - Ung thư phổi - Xquang bệnh lý hô hấp thường gặp - Hô hấp ký							
1.5	CK62726001	Chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị kết hợp hệ Nội tiết – Huyết học	Chẩn đoán, điều trị và dự phòng những bệnh lý hệ nội tiết huyết học thường gặp bằng phương pháp y học cổ truyền và y học hiện đại. - Đái tháo đường - Thiếu máu - Bệnh lý thượng thận - Bệnh lý tuyến giáp - Cận lâm sàng về nội tiết huyết học.	Nội Y học cổ truyền	1	5	5	15	2	3

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
2.1	CK607260	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị hệ thần kinh	- Khám lâm sàng thần kinh theo y học hiện đại - Những hội chứng thần kinh thường gặp - Khám và làm bệnh án liệt nửa người - Khám và làm bệnh án liệt hạ chi - Khám và làm bệnh án liệt tứ chi - Khám và làm bệnh án Đau vai sau liệt nửa người - Khám làm bệnh án Đau nhức do tổn thương thần kinh: đau sau Zona, đau dây thần kinh V - Khám và làm bệnh án Đau do cảm thụ đau bị kích thích: đau thần kinh toạ, đau vai gáy	Nội Y học cổ truyền	1	5	5	15	2	3
						Đơn vị điều trị ban ngày	2	10	5	15	3	7

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
2.2	CK607260	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị bệnh ngoài da	Chẩn đoán, điều trị và dự phòng những bệnh lý ngoài da thường gặp bằng phương pháp y học cổ truyền và y học hiện đại. - Chàm - Mề đay - Vảy nến - Bệnh lý nang lông, trứng cá - Zona - Viêm da dị ứng - Viêm mô tế bào	Trung tâm U máu	1	5	3	9	1	4
2.3	CK607260	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị hệ cơ xương khớp	- Khám hệ thống dây chằng – gân – cơ – xương – khớp theo y học hiện đại - Khám và làm bệnh án bệnh viêm khớp dạng thấp - Khám và làm bệnh án bệnh viêm khớp	Nội Y học cổ truyền	1	5	5	15	1	4

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					Gout - Khám và làm bệnh án bệnh loãng xương - Khám và làm bệnh án bệnh thoái hoá khớp - Khám và làm bệnh án bệnh lý gân cơ - Trình tình huống lâm sàng							
3.1	NT62726001	Nội trú	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị hệ thần kinh	- Khám lâm sàng thần kinh - Chẩn đoán cận lâm sàng các bệnh lý thần kinh - Bệnh học và điều trị đột quỵ - Đau vai sau đột quỵ - Bệnh học và điều trị bệnh thần kinh ngoại biên	Điều trị ban ngày	1	5	5	15	1	4
3.2	NT62726001	Nội trú	Y học cổ truyền	Dưỡng sinh nâng	- Cơ sở khoa học của phương pháp	Điều trị ban ngày	1	5	5	15	0	5

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
				cao và bảo vệ sức khoẻ	dưỡng sinh. Ứng dụng của phép thư giãn và vấn đề chống stress - Tính chất và ứng dụng của phép thở 4 thời. Các nguyên tắc lớn để tập thể dục dưỡng sinh - Phổ biến dưỡng sinh vào cộng đồng - Nguyên tắc thực trị - Yếu tố dinh dưỡng, vai trò của các chất thiết yếu - Vấn đề nhin ăn, phương pháp giảm cân - Các phương pháp xoa bóp - Tác dụng của xoa bóp theo y học cổ truyền và y học hiện đại - Ứng dụng dưỡng							

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					sinh, xoa bóp, thực dưỡng trong chăm sóc béo phì, đái tháo đường, tâm căn suy nhược, hen, tăng huyết áp							
3.3	NT62726001	Nội trú	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị kết hợp hệ tiêu hoá gan mật	Chẩn đoán, điều trị và dự phòng những bệnh lý hệ tiêu hoá – gan mật thường gặp bằng phương pháp kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại. - Bệnh trào ngược dạ dày – thực quản (GERD: Gastroeosophageal reflus disease) - Loét dạ dày – tá tràng - Viêm dạ dày mạn tính - Các bệnh gan mạn tính: các tổn thương gan do thuốc, bệnh	Nội Y học cổ truyền	1	5	5	15	1	4

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					gan mỡ do rượu và không do rượu, viêm gan tự miễn - Viêm gan do siêu vi B và C - Xơ gan - Viêm đại tràng mạn tính - Hội chứng đại tràng kích ứng							
3.4	NT62726001	Nội trú	Y học cổ truyền	Kỹ năng châm cứu	Thực hành kỹ năng châm cứu: - Châm bổ, châm tả - Điện châm - Đầu châm - Nhĩ châm - Nhu châm - Mai hoa châm - Châm cứu cải tiến	Châm cứu dưỡng sinh	2	10	5	15	2	8
4.1	8720115	Cao học	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị hệ thần kinh	- Khám lâm sàng thần kinh - Chẩn đoán cận lâm sàng các bệnh lý thần kinh	Đơn vị điều trị ban ngày	1	5	5	15	2	3

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					- Bệnh học và điều trị đột quỵ - Đau vai sau đột quỵ - Bệnh học và điều trị bệnh thần kinh ngoại biên							
4.2	8720115	Cao học	Y học cổ truyền	Thần kinh sinh học	- Thực hành việc phân tích các vấn đề sức khoẻ liên quan: đau, rối loạn vận động.	Đơn vị điều trị ban ngày	1	5	5	15	1	4
4.3	8720115	Cao học	Y học cổ truyền	Dưỡng sinh nâng cao và bảo vệ sức khoẻ	- Cơ sở khoa học của phương pháp dưỡng sinh. Ứng dụng của phép thư giãn và vấn đề chống stress - Tính chất và ứng dụng của phép thở 4 thời. Các nguyên tắc lớn để tập thể dục dưỡng sinh - Phổ biến dưỡng sinh vào cộng đồng	Đơn vị điều trị ban ngày	1	5	5	15	1	4

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					- Nguyên tắc thực trị - Yếu tố dinh dưỡng, vai trò của các chất thiết yếu - Vấn đề nhin ăn, phương pháp giảm cân - Các phương pháp xoa bóp - Tác dụng của xoa bóp theo y học cổ truyền và y học hiện đại - Ứng dụng dưỡng sinh, xoa bóp, thực dưỡng trong chăm sóc béo phì, đái tháo đường, tâm căn suy nhược, hen, tăng huyết áp							
4.4	8720115	Cao học	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị kết hợp Nội tổng quát	Chẩn đoán, điều trị và dự phòng những bệnh lý hệ tiêu hoá – gan mật thường gặp bằng phương pháp	Nội Y học cổ truyền	1	5	5	15	2	3

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
				2 (tiêu hoá gan mật)	kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại. - Bệnh trào ngược dạ dày – thực quản (GERD: Gastroeosophageal reflux disease) - Loét dạ dày – tá tràng - Viêm dạ dày mạn tính - Các bệnh gan mạn tính: các tổn thương gan do thuốc, bệnh gan mỡ do rượu và không do rượu, viêm gan tự miễn - Viêm gan do siêu vi B và C - Xơ gan - Viêm đại tràng mạn tính - Hội chứng đại tràng kích ứng							

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
Tổng cộng							**20**	**100**	**83**	**249**	**22**	**78**
ĐẠI HỌC												
5.1	7720115	Đại học	Y học cổ truyền	Châm cứu học 1	- Lộ trình và vận dụng hệ thống kinh Phế – Đại trường, Tâm – Tiểu trường, Thận – - Bàng quang, Tâm bào – Tam tiêu, Can – Đởm - Lộ trình và vận dụng hệ thống Kỳ kinh Bát mạch	Điều trị ban ngày	2	20	10	30	10	10

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					- Vận dụng hệ thống kinh lạc vào chẩn đoán (trình bệnh án, tình huống) - Xác định huyệt vùng đầu mặt - Xác định huyệt tay, chân, ngực bụng, lưng. - Ôn tập hệ kinh lạc và 160 huyệt.	Châm cứu – Dưỡng sinh	1	10	5	15	5	5
5.2	7720115	Đại học	Y học cổ truyền	Nội cơ sở y học cổ truyền	Xác định trên người bệnh các triệu chứng y học cổ truyền: - Hàn – Nhiệt, Hư – Thực, Biểu – Lý, Âm – Dương. - Phong – Hàn, Thử – Thấp, Táo – Hoả. - Háo suyễn – Khái thấu, Nuy – Trúng phong. - Hung tý, Chính xung – Tâm quý, Thất miên, Tiết tả - Ly tật.	Nội Y học cổ truyền	1	10	5	15	0	10

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					Hoàng đản – Cổ chướng. - Huyễn vựng – Đầu thống, Hiếp thống – Phúc thống - Tiêu khát – Thuỷ thũng, Hư lao – Tý chứng – Phát nhiệt.							
5.3	7720115	Đại học	Y học cổ truyền	Nội cơ sở 2 (Triệu chứng học Y học cổ truyền)	Triệu chứng bát cương - Triệu chứng học bệnh ngoại cảm - Chứng Háo – Suyễn, Khái – Thấu, chứng Đàm ẩm - Hoàng đản, Cổ chướng, Hiếp thống - Vị quản thống, Phúc thống, Tâm thống, Tâm quý - Tiêu khát, Thuỷ thũng, Phát nhiệt - Tiết tả, Tiện bí, Ẩu thổ, Ách nghịch	Nội Y học cổ truyền	1	10	5	15	0	10

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					- Trúng phong, Nuy chứng, Thất miên, Kiện vong - Hư lao, Phì bạn							
5.4	7720115	Đại học	Y học cổ truyền	Bệnh học Y học cổ truyền	- Chẩn đoán, biện luận bệnh học ngoại cảm lục dâm. - Chẩn đoán, biện luận bệnh học ngoại cảm thương hàn. - Chẩn đoán, biện luận bệnh học ngoại cảm ôn bệnh. - Bệnh của các tạng phủ: Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận, Bàng Quang, Đại trường, Tiểu trường, Vị, Tam tiêu. - Khám trên bệnh nhân, nghiên cứu trường hợp, trình bệnh án.	Nội Y học cổ truyền	2	10	5	15	0	10

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
5.5	7720115	Đại học	Y học cổ truyền	Tiền lâm sàng châm cứu	- Hướng dẫn xác định các vũng Nhĩ châm trên loa tai. - Hướng dẫn xác định các vùng của Đầu châm. - Hướng dẫn xác định các đường gõ Mai hoa châm. Kỹ thuật gõ Mai hoa châm. - Kiến tập Châm tê.	Châm cứu – Dưỡng sinh	1	10	5	15	0	10
5.6	7720115	Đại học	Y học cổ truyền	Châm cứu học 2	- Kỹ thuật châm – Kỹ thuật cứu – Thủ thuật bổ tả. - Điện châm và ứng dụng điều trị. - Đầu châm và ứng dụng điều trị. - Nhĩ châm và ứng dụng điều trị. - Mai hoa châm và ứng dụng điều trị. - Trình bệnh án, giải	Châm cứu – Dưỡng sinh	1	10	5	15	0	10
						Điều trị ban ngày	2	20	10	30	5	15

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					quyết tình huống lâm sàng.							
5.7	7720115	Đại học	Y học cổ truyền	Châm cứu ứng dụng	- Bệnh cảnh liệt mặt - Bệnh cảnh hội chứng liệt nửa người - Bệnh cảnh đau thần kinh toạ - Bệnh cảnh đau cổ gáy - Bệnh cảnh đau khớp khuỷu - Bệnh cảnh đau khớp cổ tay - Bệnh cảnh đau lưng - Bệnh cảnh đau khớp háng - Bệnh cảnh đau khớp gối - Bệnh cảnh đau khớp cổ chân	Nội Y học cổ truyền	1	10	5	15	0	10
						Điều trị ban ngày	1	10	10	30	5	5

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
5.8	7720115	Đại học	Y học cổ truyền	Điều trị nội khoa kết hợp	Điều trị nội khoa kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại các bệnh lý: - Tăng huyết áp, bệnh mạch vành, rối loạn lipid máu, xơ vữa động mạch. - Viêm đại tràng mãn, xơ gan, loét dạ dày tá tràng. - Hen phế quản, Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính, viêm phổi, áp xe phổi. - Rối loạn cương dương. - Viêm cầu thận cấp và mãn, viêm ống thận mô kẽ, hội chứng thận hư, bệnh cầu thận cấp và mãn. - Thiếu máu thiếu sắt, xuất huyết giảm tiểu cầu.	Y học cổ truyền	1	10	5	15	0	10

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					- Tai biến mạch máu não, viêm đa dây thần kinh, suy tĩnh mạch chi dưới mạn tính. - Loãng xương, viêm khớp dạng thấp - Gout, béo phì, đái tháo đường. - Bại não, bệnh lý thần kinh toạ, suy nhược mạn.							
5.9	7720115	Đại học	Y học cổ truyền	Ngũ quan y học cổ truyền	- Bệnh lý nhãn khoa: giải phẫu sinh lý, chẩn đoán và điều trị theo y học cổ truyền. - Bệnh học Tỵ khoa theo y học cổ truyền. - Viêm mũi thường và viêm mũi dị ứng. - Bệnh học nhĩ khoa y học cổ truyền. - Bệnh lý hầu khoa, răng miệng theo y học	Y học cổ truyền	1	10	5	15	0	10

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					cổ truyền. - Viêm họng cấp – mạn. - Viêm kết mạc – Chắp – Lẹo. - Bệnh Aphthous niêm mạc miệng. - Nhọt ống tai – tai ù – tai điếc. - Viêm xoang cấp mạn.							
6.1	52720201	Đại học (Liên thông)	Y học cổ truyền	Châm cứu ứng dụng	- Bệnh cảnh liệt mặt - Bệnh cảnh hội chứng liệt nửa người. - Bệnh cảnh đau cổ gáy - Bệnh cảnh đau khớp khuỷu - Bệnh cảnh đau khớp cổ tay - Bệnh cảnh đau lưng - Bệnh cảnh đau thần kinh toạ	Nội y học cổ truyền	1	10	5	15	0	10

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
					- Bệnh cảnh đau khớp háng - Bệnh cảnh đau khớp gối - Bệnh cảnh đau khớp cổ chân							
Tổng cộng							**16**	**160**	**80**	**240**	**30**	**125**

ĐẠI HỌC Y DƯỢC TPHCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Phụ lục 2

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

1. Đại học / Y đa khoa (Y6) / Bệnh lý ngoại tổng quát

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Hoàng Danh Tấn	Bác sĩ Chuyên khoa II	Ngoại tổng quát	001427/BYT-CCHN	Ngoại tổng quát	7	Bệnh lý ngoại tổng quát	- Viêm túi thừa – ruột thừa - Viêm phúc mạc - Thủng tạng rỗng - Thoát vị bẹn nghẹt - Tắc ruột - Viêm túi mật - Đa chấn thương – vết thương - Thoát vị thành bụng - Ung thư dạ dày - Hẹp môn vị - Ung thư đại trực tràng - Trĩ – Rò hậu môn - Ung thư quanh bóng	Khoa Ngoại Tiêu hóa	73
2	Võ Duy Long	Tiến sĩ Bác sĩ	Ngoại Tiêu hóa	003216/BYT-CCHN	Ngoại tổng quát	10	Bệnh lý ngoại tổng quát		Khoa Ngoại Tiêu hóa	73
3	Nguyễn Hữu Thịnh	Tiến sĩ Bác sĩ	Ngoại tổng quát	1448/BYT-CCHN	Ngoại tổng quát	13	Bệnh lý ngoại tổng quát		Khoa Ngoại Tiêu hóa	73
4	Nguyễn Vũ Tuấn Anh	Thạc sĩ Bác sĩ	Ngoại tổng quát	24478/BYT-CCHN	Ngoại tổng quát	5	Bệnh lý ngoại tổng quát		Khoa Ngoại Tiêu hóa	73
5	Trần Đức Huy	Thạc sĩ Bác sĩ	Ngoại tổng quát	26843/BYT-CCHN	Ngoại tổng quát	3	Bệnh lý ngoại tổng quát		Khoa Ngoại Tiêu hóa	73

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
6	Ung Văn Việt	Tiến sĩ Bác sĩ	Ngoại tổng quát	001500/BYT-CCHN	Ngoại tổng quát	14	Bệnh lý ngoại tổng quát	Vater - Ung thư tế bào gan nguyên phát - Ung thư đường mật - Sỏi đường mật - Áp xe gan - Làm bệnh án / người bệnh	Khoa Ngoại Tiêu hóa	73
7	Lê Quan Anh Tuấn	Bác sĩ Chuyên khoa I	Ngoại tổng quát	001490/BYT-CCHN	Ngoại tổng quát	18	Bệnh lý ngoại tổng quát		Khoa Ngoại Gan-Mật-Tụy	74
8	Trần Công Duy Long	Tiến sĩ Bác sĩ	Ngoại tổng quát	001361/BYT-CCHN	Ngoại tổng quát	15	Bệnh lý ngoại tổng quát		Khoa Ngoại Gan-Mật-Tụy	74
9	Lê Tiến Đạt	Bác sĩ Chuyên khoa I	Ngoại tổng quát	24779/BYT-CCHN	Ngoại tổng quát	5	Bệnh lý ngoại tổng quát		Khoa Ngoại Gan-Mật-Tụy	74
10	Đặng Quốc Việt	Thạc sĩ Bác sĩ	Ngoại tổng quát	26836/BYT-CCHN	Ngoại tổng quát	5	Bệnh lý ngoại tổng quát		Khoa Ngoại Gan-Mật-Tụy	74
11	Phạm Hồng Phú	Thạc sĩ Bác sĩ	Ngoại tổng quát	029967/BYT-CCHN	Ngoại tổng quát	2	Bệnh lý ngoại tổng quát		Khoa Ngoại Gan-Mật-Tụy	74
12	Nguyễn Đức Thuận	Thạc sĩ Bác sĩ	Ngoại tổng quát	001456/BYT-CCHN	Ngoại tổng quát	10	Bệnh lý ngoại tổng quát		Khoa Ngoại Gan-Mật-Tụy	74
13	Phạm Minh Hải	Thạc sĩ Bác sĩ	Ngoại tổng quát	001296/BYT-CCHN	Ngoại tổng quát	9	Bệnh lý ngoại tổng quát		Khoa Ngoại Gan-Mật-Tụy	74

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
14	Nguyễn Trung Tín	Phó Giáo sư Tiến sĩ Bác sĩ	Ngoại tổng quát	001464/BYT-CCHN	Ngoại tổng quát	21	Bệnh lý ngoại tổng quát		Khoa Hậu môn – Trực tràng	37
15	Lê Châu Hoàng Quốc Chương	Thạc sĩ Bác sĩ	Ngoại tổng quát	001253/BYT-CCHN	Ngoại tổng quát	13	Bệnh lý ngoại tổng quát		Khoa Hậu môn – Trực tràng	37
16	Trần Thị Hoàng Ngâu	Thạc sĩ Bác sĩ	Ngoại tổng quát	033658/BYT-CCHN	Ngoại khoa	2	Bệnh lý ngoại tổng quát		Khoa Hậu môn – Trực tràng	37
17	Võ Thị Mỹ Ngọc	Bác sĩ Chuyên khoa II	Ngoại tổng quát	2647/HCM-CCHN	Ngoại tổng quát	4	Bệnh lý ngoại tổng quát		Khoa Hậu môn – Trực tràng	37

2. Đại học / Y đa khoa (Y4) / Gây mê hồi sức

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Phan Văn Dũng	Bác sĩ	Gây mê hồi sức	001268/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	12	Gây mê hồi sức	- Lịch sử phát triển của ngành gây mê hồi sức. - Cách tổ chức một khoa gây mê hồi sức. - Kỹ thuật đặt nội khí quản. - Các thuốc thường dùng trong gây mê hồi sức. - Thăm khám tiền mê. Chuẩn bị người bệnh trước mổ. - Các phương pháp chống đau sau phẫu thuật. - Chăm sóc người bệnh sau gây mê và phẫu thuật. - Tìm hiểu về các tai biến và biến chứng của gây mê.	Khoa Gây mê – Hồi sức	10
2	Nguyễn Thị Phương Dung	Thạc sĩ Bác sĩ	Gây mê hồi sức	001263/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	13	Gây mê hồi sức		Khoa Gây mê – Hồi sức	10
3	Dương Thị Nhị	Thạc sĩ Bác sĩ	Gây mê hồi sức	26846/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	5	Gây mê hồi sức		Khoa Gây mê – Hồi sức	10

3. Đại học / Y đa khoa (Y5) / Ngoại Thần kinh

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Nguyễn Minh Anh	Tiến sĩ Bác sĩ	Ngoại Thần kinh	001227/BYT-CCHN	Ngoại Thần kinh	12	Ngoại Thần kinh	- Cấp cứu chấn thương. - Cấp cứu không chấn thương. - Các bệnh lý thần kinh thường gặp khác.	Khoa Ngoại Thần kinh	36
2	Đỗ Hồng Hải	Thạc sĩ Bác sĩ	Ngoại Thần kinh	01619/BYT-CCHN	Ngoại Thần kinh	2	Ngoại Thần kinh		Khoa Ngoại Thần kinh	36
3	Trần Quốc Tuấn	Bác sĩ Chuyên khoa I	Ngoại Thần kinh	001494/BYT-CCHN	Ngoại Thần kinh	7	Ngoại Thần kinh		Khoa Ngoại Thần kinh	36
4	Lê Viết Thắng	Thạc sĩ Bác sĩ	Ngoại Thần kinh	24479/BYT-CCHN	Ngoại Thần kinh	4	Ngoại Thần kinh		Khoa Ngoại Thần kinh	36

4. Đại học / Y đa khoa (Y5) / Thực hành tai mũi họng

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Phạm Kiên Hữu	Giáo sư Tiến sĩ Bác sĩ	Tai mũi họng	001333/BYT-CCHN	Tai mũi họng	14	Thực hành tai mũi họng	- Khám tai mũi họng. - Khám một trường hợp khó thở thanh quản. - Nhét meche mũi trước. - Nhét sonde foley mũi sau - Khám một trường hợp có khối u vùng cổ.	Khoa Tai Mũi Họng	35
2	Lý Xuân Quang	Thạc sĩ Bác sĩ	Tai mũi họng	001408/BYT-CCHN	Tai mũi họng	12	Thực hành tai mũi họng		Khoa Tai Mũi Họng	35

5. Đại học / Y đa khoa (Y5) / Thần kinh

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Minh	Bác sĩ Chuyên khoa II	Thần kinh	001377/BYT-CCHN	Nội Thần kinh	24	Thần kinh	- Hướng dẫn làm bệnh án thần kinh. - Chức năng cao cấp vỏ não. - Đánh giá tư thế dáng bộ. - Khám vận động. - Khám 12 dây thần kinh sọ. - Khám phản xạ - Khám cảm giác.	Khoa Thần kinh	74
2	Nguyễn Bá Thắng	Tiến sĩ Bác sĩ	Thần kinh	001705/BYT-CCHN	Nội Thần kinh	18	Thần kinh		Khoa Thần kinh	74
3	Đinh Huỳnh Tố Hương	Thạc sĩ Bác sĩ	Thần kinh	001633/BYT-CCHN	Nội Thần kinh	10	Thần kinh		Khoa Thần kinh	74

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								- Khám dấu kích thích màng não và dấu kích thích rễ thần kinh. - Khám người bệnh hôn mê. - Trình bệnh án (liệt trung ương và liệt ngoại biên): Chẩn đoán đến hội chứng và vị trí tổn thương. - Định vị tổn thương trong bệnh thần kinh. - Hướng dẫn lâm sàng - Hôn mê. - CT-scan não trong tai biến mạch máu não. - Trình bệnh án tai biến mạch máu não. - Trình bệnh án động kinh. - Giải đáp thắc mắc - Làm bệnh án thi - Thi		

6. Đại học / Y đa khoa (Y5) / Chấn thương chỉnh hình và phục hồi chức năng

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Bùi Hồng Thiên Khanh	Phó Giáo sư Tiến sĩ Bác sĩ	Chấn thương chỉnh hình	1340/BYT-CCHN	Chấn thương chỉnh hình	20	Chấn thương chỉnh hình và phục hồi chức năng	- Tham gia trực tại bệnh viện và trình ca lâm sàng trong đêm trực. - Nghiên cứu trường hợp (case study) (gồm hướng dẫn thăm khám tại giường bệnh, thảo luận nhóm trong phòng học). - Thực hành theo bảng kiểm. - Kiến tập thủ thuật (phải có bảng kiểm và hướng dẫn theo bảng kiểm).	Khoa Chấn thương chỉnh hình	37
2	Nguyễn Thành Nhân	Thạc sĩ Bác sĩ	Chấn thương chỉnh hình	001393/BYT-CCHN	Chấn thương chỉnh hình	11	Chấn thương chỉnh hình và phục hồi chức năng		Khoa Chấn thương chỉnh hình	37
3	Lê Tường Viễn	Bác sĩ Chuyên khoa I	Chấn thương chỉnh hình	1498/BYT-CCHN	Chấn thương chỉnh hình	11	Chấn thương chỉnh hình và phục hồi chức năng		Khoa Chấn thương chỉnh hình	37

7. Đại học / Y đa khoa (Y4) / Nội tiết

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Trần Quang Nam	Tiến sĩ Bác sĩ	Nội tiết	7777/HCM-CCHN	Nội tiết	24	Nội tiết	*Bệnh đái tháo đường:* - Chẩn đoán bệnh đái tháo đường và biến chứng cấp, mạn. - Điều trị đái tháo đường không biến chứng: chế độ ăn, tập luyện, thuốc hạ đường huyết uống, Insulin. - Chẩn đoán và điều trị hôn mê hạ đường huyết. *Bệnh tuyến giáp:* - Khám lâm sàng hội chứng cường giáp. - Chẩn đoán và điều trị bệnh Basedow không biến chứng. - Biến chứng sử dụng Corticoids.	Khoa Nội tổng hợp	20
2	Trần Viết Thắng	Thạc sĩ Bác sĩ	Nội tiết	001430/BYT-CCHN	Nội tổng quát	9	Nội tiết		Khoa Nội tổng hợp	20
3	Mã Tùng Phát	Bác sĩ Chuyên khoa I	Nội tiết	0033028/HCM-CCHN	Nội tiết	7	Nội tiết		Khoa Nội tổng hợp	20

8. Đại học / Y đa khoa (Y4) / Bệnh học nội

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Bùi Thế Dũng	Bác sĩ Chuyên khoa I	Tim mạch	001267/BYT-CCHN	Nội tổng quát	12	Bệnh học nội	- Hướng dẫn học lâm sàng sinh viên Y4 - Phân tích ECG trong rối loạn nhịp - Trình ca lâm sàng: Bệnh mạch vành - Trình ca lâm sàng: Viêm nội tâm mạc nhiễm trùng - Tiếp cận người bệnh khó thở trong suy tim - Phân tích X quang bệnh tim mạch - Trình ca lâm sàng: bệnh án tim mạch - Tiếp cận người bệnh đau ngực cấp - Phân tích ECG trong bệnh mạch vành mạn - Trình ca lâm sàng: nhồi máu cơ tim cấp ST chênh lên - Trình ca lâm sàng: bệnh án tim mạch - Suy tim trong thực hành lâm sàng - Trình ca lâm sàng: Bệnh van tim - Phân tích ECG trong	Khoa Nội Tim mạch	37
2	Lương Cao Sơn	Bác sĩ Chuyên khoa I	Lão khoa	001417/BYT-CCHN	Nội Tim mạch	11	Bệnh học nội		Khoa Nội Tim mạch	37
3	Vũ Hoàng Vũ	Bác sĩ Chuyên khoa I	Tim mạch	001505/BYT-CCHN	Nội tổng quát	11	Bệnh học nội		Khoa Tim mạch can thiệp	35
4	Trần Hòa	Thạc sĩ Bác sĩ	Tim mạch	001317/BYT-CCHN	Nội tổng quát	9	Bệnh học nội		Khoa Tim mạch can thiệp	35

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								nhồi máu cơ tim cấp - Trình ca lâm sàng: Cơn đau thắt ngực ổn định - Trình ca lâm sàng: Tăng huyết áp		
5	Bùi Hữu Hoàng	Phó Giáo sư Tiến sĩ Bác sĩ	Nội Tiêu hóa	001320/BYT-CCHN	Nội Tiêu hóa	14	Bệnh học nội	- Biện luận cận lâm sàng: Xuất huyết tiêu hóa trên - Trình ca lâm sàng: vấn đề Gan to - Biện luận cận lâm sàng: Xơ gan (lần 2) - Trình ca lâm sàng: vấn đề viêm tụy cấp - Ôn lại các hội chứng lâm sàng đã học năm thứ 3 - Trình ca lâm sàng: vấn đề Vàng da - Trình ca lâm sàng: Xơ gan - Trình ca lâm sàng: vấn đề Báng bụng - Trình ca lâm sàng: vấn đề Đau thượng vị cấp	Khoa Tiêu hóa	37
6	Võ Ngọc Quốc Minh	Thạc sĩ Bác sĩ	Nội Tiêu hóa	001376/BYT-CCHN	Nội tổng quát	14	Bệnh học nội		Khoa Tiêu hóa	37
7	Huỳnh Ngọc Phương Thảo	Thạc sĩ Bác sĩ	Tiết niệu	001710/BYT-CCHN	Nội tổng quát	11	Bệnh học nội	- Trình ca lâm sàng: nhiễm trùng tiểu và bế tắc đường tiểu - Trình ca lâm sàng: hội chứng thận hư nguyên phát - Trình ca lâm sàng: viêm thận lupus	Khoa Nội thận – Thận nhân tạo	13

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								- Trình ca lâm sàng: bệnh thận đái tháo đường - Mười hội chứng chính trong thận học - Trình ca lâm sàng: Suy thận mạn - Trình ca lâm sàng: Suy thận cấp 1 - Trình ca lâm sàng: Suy thận cấp 2 - Trình ca lâm sàng: Suy thận cấp/suy thận mạn		
8	Lê Tiến Dũng	Phó Giáo sư Tiến sĩ Bác sĩ	Nội tổng quát	3586/HCM-CCHN	Nội chung	28	Bệnh học nội	- Phân tích X quang phổi - Trình ca lâm sàng: Viêm phổi lần 1.	Khoa Hô hấp	37
9	Âu Thanh Tùng	Thạc sĩ Bác sĩ	Hô hấp	001495/BYT-CCHN	Nội tổng quát	12	Bệnh học nội	- Trình ca lâm sàng: COPD. - Trình ca lâm sàng: Hen suyễn. - Trình ca lâm sàng: Viêm phổi lần 2. - Trình ca lâm sàng: Tràn dịch màng phổi. - Trình ca lâm sàng: ho-viêm phế quản mạn. - Phân tích khí máu động mạch. - Phân tích hô hấp ký và phế thân ký. - Trình ca lâm sàng: Ho	Khoa Hô hấp	37

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								ra máu. - Trình ca lâm sàng: Giãn phế quản.		

9. Đại học / Y đa khoa (Y6) / Điều trị nội

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Bùi Thế Dũng	Bác sĩ Chuyên khoa I	Tim mạch	001267/BYT-CCHN	Nội tổng quát	12	Điều trị nội	- Điện tâm đồ cơ bản trong bệnh lý tim mạch - Hẹp van hai lá - Hội chứng vành cấp không ST chênh lên - Hướng dẫn lâm sàng bệnh án nội khoa - Nhồi máu cơ tim cấp có ST chênh - Suy tim - Tăng huyết áp	Khoa Nội Tim mạch	37
2	Lương Cao Sơn	Bác sĩ Chuyên khoa I	Lão khoa	001417/BYT-CCHN	Nội Tim mạch	11	Điều trị nội		Khoa Nội Tim mạch	37
3	Vũ Hoàng Vũ	Bác sĩ Chuyên khoa I	Tim mạch	001505/BYT-CCHN	Nội tổng quát	11	Điều trị nội		Khoa Tim mạch can thiệp	35
4	Trần Hòa	Thạc sĩ Bác sĩ	Tim mạch	001317/BYT-CCHN	Nội tổng quát	9	Điều trị nội		Khoa Tim mạch can thiệp	35
5	Bùi Hữu Hoàng	Phó Giáo sư Tiến sĩ Bác sĩ	Nội Tiêu hóa	001320/BYT-CCHN	Nội Tiêu hóa	14	Điều trị nội	- Trình bệnh Abcès gan - Viêm tuỵ cấp	Khoa Tiêu hóa	37

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
6	Võ Ngọc Quốc Minh	Thạc sĩ Bác sĩ	Nội Tiêu hóa	001376/BYT-CCHN	Nội tổng quát	14	Điều trị nội	- Xơ gan và biến chứng - X-quang ngực thẳng trong bệnh lý tim mạch	Khoa Tiêu hóa	37
7	Huỳnh Ngọc Phương Thảo	Thạc sĩ Bác sĩ	Tiết niệu	001710/BYT-CCHN	Nội tổng quát	11	Điều trị nội	- Bệnh thận đái tháo đường - Hội chứng thận hư - Nhiễm trùng tiểu - Suy thận cấp - Suy thận mạn - Tiếp cận chẩn đoán và điều trị bệnh thận	Khoa Nội thận – Thận nhân tạo	13
8	Lê Tiến Dũng	Phó Giáo sư Tiến sĩ Bác sĩ	Nội tổng quát	3586/HCM-CCHN	Nội chung	28	Điều trị nội	- Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính - Hen phế quản - Ho ra máu - Phù phổi cấp - Tràn dịch màng phổi - Viêm phổi	Khoa Hô hấp	37
9	Âu Thanh Tùng	Thạc sĩ Bác sĩ	Hô hấp	001495/BYT-CCHN	Nội tổng quát	12	Điều trị nội		Khoa Hô hấp	37

10. Đại học / Y đa khoa (Y5) / Y học gia đình

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Phạm Lê An	Phó Giáo sư Tiến sĩ Bác sĩ	Y học gia đình	001226/BYT-CCHN	Y học gia đình	14	Y học gia đình	- Hướng dẫn cách làm bệnh án và tiếp cận người bệnh tại phòng khám ngoại trú - Trình bệnh (ca lâm sàng): + Tăng huyết áp + Đái tháo đường + Hen/COPD + Bệnh khớp + Lão khoa + HIV + Tâm thần - Tư vấn kế hoạch hóa gia đình tại phòng khám ngoại trú - Trình bệnh (ca lâm sàng): + IMCI + Cấp cứu	Phòng khám Y học gia đình – khoa Khám bệnh	
2	Phan Chung Thùy Lynh	Thạc sĩ Bác sĩ	Y học gia đình	001531/BYT-CCHN	Y học gia đình	10				
3	Lê Thanh Toàn	Tiến sĩ Bác sĩ	Y học gia đình	001466/BYT-CCHN	Y học gia đình	10				
4	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thạc sĩ Bác sĩ	Y học gia đình	001390/BYT-CCHN	Y học gia đình	10				

11. Đại học / Điều dưỡng / Chuyên khoa tự chọn: Phòng mổ

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Võ Thị Thanh Loan	Cử nhân	Điều dưỡng	4254/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	16	Chuyên khoa tự chọn: Phòng mổ	- Nhận định về vai trò, quyền hạn, trách nhiệm Điều dưỡng phòng mổ. - Quy trình chuyển người bệnh từ khoa ngoại – phòng mổ. - Quy trình tiếp nhận người bệnh từ khoa hồi sức – khoa ngoại tiêu hóa. - Thu thập các thông tin, thăm khám, báo cáo nhận định các vấn đề về sức khỏe của người bệnh được phân công. - Lập kế hoạch theo dõi và quản lý các nguy cơ trong mổ cho người bệnh. - Rửa tay ngoại khoa, mặc áo choàng vô khuẩn, mang găng vô khuẩn và phụ giúp ê kíp mổ mặc áo, mang găng. - Nhận biết các loại dụng cụ trong phòng mổ. - Thực hiện vai trò điều dưỡng vòng ngoài, điều dưỡng vòng trong. - Lập kế hoạch tổ chức và sắp xếp phòng mổ.	Khoa Gây mê – Hồi sức	10
2	Đặng Minh Hương	Cử nhân	Điều dưỡng	4249/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	22				
3	Lê Thị Kim Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	4240/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	24				
4	Trần Thị Linh Phượng	Cử nhân	Điều dưỡng	1052/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	10				

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								- Quản lý môi trường. - Quản lý dụng cụ. - Ghi chép hồ sơ.		

12. Đại học / Điều dưỡng / Thực tế tốt nghiệp

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Châu	Cử nhân	Điều dưỡng	3971/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	21	Thực tế tốt nghiệp	*Học tập tại khoa:* - Nhận định chức năng, nhiệm vụ của khoa, vai trò của người điều dưỡng. - Thực hành công việc chăm sóc người bệnh toàn diện và độc lập tại các khoa Nội – khoa Ngoại – khoa Hồi sức cấp cứu. - Tiếp nhận người bệnh vào khoa, tư vấn hướng dẫn người bệnh và thân nhân người bệnh đến khám chữa bệnh. *Quản lý hồ sơ lưu trữ:* - Học tập được công tác quản lý lưu trữ và sử dụng hồ sơ.	Khoa Cấp cứu	17
2	Lê Thị Anh Hoa	Cử nhân	Điều dưỡng	3968/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	24	Thực tế tốt nghiệp		Khoa Cấp cứu	17

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								- Cấu trúc các khoa phòng tại nơi thực tập *Tiệt khuẩn:* - Ứng dụng nguyên tắc, phương pháp, quy trình vô khuẩn, tiệt khuẩn. - Đánh giá quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn tại khoa thực tập. *Phòng khám:* - Học tập được chức năng, nhiệm vụ phòng khám, quy trình tiếp nhận người bệnh và chức năng của điều dưỡng phòng khám. *Mô hình tổ chức Bệnh viện:* - Học tập được mô hình tổ chức. - Sắp xếp, cấu trúc các khoa phòng tại nơi thực tập.		

13. Đại học / Điều dưỡng / Quản lý điều dưỡng

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Châu	Cử nhân	Điều dưỡng	3971/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	21	Quản lý điều dưỡng	- Phân tích sơ đồ tổ chức của đơn vị thực tập. - Nhận xét kiểu lãnh đạo tại khoa thực tập - Ứng dụng kiến thức quản lý: + Nhận định và đánh giá mô hình chăm sóc, nhân lực tại khoa thực tập. + Quản lý trang thiết bị, vật tư tiêu hao. - Quan sát công việc hằng ngày của điều dưỡng trưởng khoa, lập bảng mô tả công việc của điều dưỡng trưởng khoa nơi thực tập. - So sánh chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng trưởng khoa trên thực tế và quy định của Bộ Y Tế. - Nhận xét và phân tích việc kiểm soát nhiễm khuẩn tại khoa. - Viết bản thu hoạch và bản đề xuất ý kiến xây dựng khoa.	Khoa Cấp cứu	17
2	Lê Thị Anh Hoa	Cử nhân	Điều dưỡng	3968/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	24	Quản lý điều dưỡng		Khoa Cấp cứu	17

14. Đại học / Điều dưỡng / Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Nguyễn Phương Biên Thùy	Cử nhân	Điều dưỡng	4083/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	20	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	- Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh sau mổ hệ tiết niệu / cơ xương khớp. - Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà, nhân viên y tế và thầy cô bạn bè. - Thực hiện hiệu quả các can thiệp điều dưỡng đáp ứng nhu cầu của người bệnh trước hoặc sau mổ hệ hệ tiết niệu / cơ xương khớp - Phân tích diễn tiến và tiên lượng bệnh của người bệnh sau mổ hệ tiết niệu dựa trên chứng cứ, sinh lý bệnh, kết quả xét nghiệm chuyên khoa. - Quản lý thuốc thuộc chuyên khoa chấn thương chỉnh hình: kháng sinh, thuốc kháng viêm giảm đau, thuốc lợi tiểu qua các đường dùng cho người bệnh an toàn. - Quản lý vết thương (vô trùng, sạch, nhiễm, vết thương mạn tính) mổ nội	Khoa Chấn thương chỉnh hình	37

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								soi, mổ hở, chăm sóc dẫn lưu chuyên biệt trong hệ niệu: Chăm sóc dẫn lưu bể thận, dẫn lưu niệu quản, dẫn lưu bàng quang, niệu đạo, Retzzuit, lỗ mở niệu quản ra da, dẫn lưu hệ cơ xương khớp. - Thực hiện kế hoạch giáo dục sức khỏe cho người bệnh sau mổ hệ niệu / cơ xương khớp và người nhà bệnh nhân - Lập và hướng dẫn kế hoạch xuất viện cho người bệnh và thân nhân. - Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh sau mổ hệ niệu: sỏi niệu, chấn thương thận - niệu đạo, u xơ tuyến tiền liệt, u thận, bàng quang / trước và sau mổ xương, bó bột, kéo tạ, khung cố định ngoài, ghép da.		

15. Đại học / Điều dưỡng / Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Thị Thu Hà	Cử nhân	Điều dưỡng	4083/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	20	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	- Nhận định về vai trò, quyền hạn, trách nhiệm Điều dưỡng tại khoa người cao tuổi. - Thực hiện quy trình tiếp nhận người bệnh vào khoa. - Thu thập các thông tin, thăm khám, báo cáo nhận định các vấn đề về sức khỏe của người bệnh cao tuổi được phân công. - Phân tích các thông tin, sự thay đổi của các thông số sinh lý trong những tình huống bệnh thường gặp ở người cao tuổi. - Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh tại khoa nội khớp: bệnh gout, viêm khớp, thoái hóa khớp, loãng xương. - Quản lý việc dùng thuốc cho người cao tuổi: thuốc kháng viêm, giảm đau. - Thực hiện các can thiệp chăm sóc đáp ứng nhu cầu của người bệnh cao tuổi tại khoa nội khớp.	Khoa Lão – Chăm sóc giảm nhẹ	30

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								- Thực hiện các đường cho thuốc, lấy bệnh phẩm xét nghiệm, cung cấp dinh dưỡng, nâng đỡ, trợ giúp vận động.		

16. Đại học / Điều dưỡng / Chăm sóc cho người bệnh cần được phục hồi chức năng

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Phan Nguyễn Thị Loan	Cử nhân	Vật lý trị liệu	4323/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	13	Chăm sóc cho người bệnh cần được phục hồi chức năng	- Chăm sóc vật lý trị liệu – phục hồi chức năng (VLTL- PHCN) cho người có vấn đề về hô hấp. - Chăm sóc VLTL – PHCN trước và sau phẫu thuật. - Chăm sóc VLTL-PHCN cho các trường hợp nằm lâu tại giường. - Chăm sóc VLTL - PHCN cho người liệt nửa người. - Chăm sóc VLTL-PHCN cho bệnh nhân chấn thương cơ xương khớp.	Khoa Phục hồi chức năng	
2	Phan Thị Diễm Ca	Cử nhân	Vật lý trị liệu	4321/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	8				
3	Trần Trung Hiếu	Cử nhân	Vật lý trị liệu	11480/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	6				

17. Đại học / Điều dưỡng (liên thông) / Thực tế tốt nghiệp

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Phạm Thúy Trinh	Cử nhân	Điều dưỡng	4068/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	12	Thực tế tốt nghiệp	*Học tập tại khoa:* - Nhận định chức năng, nhiệm vụ của khoa, vai trò của người điều dưỡng. - Thực hành công việc chăm sóc người bệnh toàn diện và độc lập tại các khoa Nội – khoa Ngoại – khoa Hồi sức cấp cứu. - Tiếp nhận người bệnh vào khoa, tư vấn hướng dẫn người bệnh và thân nhân người bệnh đến khám chữa bệnh *Quản lý hồ sơ lưu trữ:* - Học tập được công tác quản lý lưu trữ và sử dụng hồ sơ. - Cấu trúc các khoa phòng tại nơi thực tập. *Tiệt khuẩn:* - Ứng dụng nguyên tắc, phương pháp, quy trình vô khuẩn, tiệt khuẩn. - Đánh giá quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn tại khoa thực tập. *Phòng khám:* - Học tập được chức	Khoa Ngoại Gan – Mật – Tụy	74

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								năng, nhiệm vụ phòng khám, quy trình tiếp nhận người bệnh và chức năng của điều dưỡng phòng khám. *Mô hình tổ chức Bệnh viện:* - Học tập được mô hình tổ chức. - Sắp xếp, cấu trúc các khoa phòng tại nơi thực tập.		

18. Đại học / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Thực hành bệnh viện 3

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Trần Thị Bích Thủy	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4265/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	20	Thực hành bệnh viện 3	- Đặt và rút nội khí quản. - Đặt và rút mask thanh quản. - Đánh giá người bệnh trước mổ, phân loại bệnh. - Lập kế hoạch và chọn lựa phương pháp vô cảm cho từng người bệnh. - Xử trí khi độ mê không	Khoa Gây mê – Hồi sức	10
2	Ngô Thị Bạch Huệ	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4267/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	14			Khoa Gây mê – Hồi sức	10

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								đảm bảo. - Theo dõi người bệnh, phát hiện các tai biến, biến chứng trong gây mê – phẫu thuật - Phụ nhân viên xử trí các tai biến trong mổ. - Thử phản ứng chéo trước truyền máu. - Truyền máu: chuẩn bị, theo dõi, viết phiếu truyền máu. - Lấy máu động mạch xét nghiệm. - Gây tê đám rối thần kinh cánh tay. - Gây tê chi dưới. - Gây tê tủy sống. - Gây tê ngoài màng cứng. - Gây tê khoang xương cùng. - Chuyển giao người bệnh qua phòng hồi tỉnh. - Đặt CVP, IBP.		

19. Đại học / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Thực hành bệnh viện 4

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Trần Thị Bích Thủy	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4265/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	20	Thực hành bệnh viện 4	- Chuẩn bị, thực hiện và theo dõi người bệnh gây mê nội khí quản. - Lập kế hoạch hồi sức người bệnh trước mổ. - Chăm sóc và theo dõi người bệnh ở phòng hồi tỉnh. - Phát hiện các tai biến sau khi gây mê – phẫu thuật. - Duy trì mê qua mask thanh quản - Dùng bơm tiêm điện để duy trì mê tĩnh mạch. - Gây tê đơn giản: niêm mạc hoặc tê vùng nách. - Gây tê chi dưới. - Gây tê tủy sống. - Gây mê hồi sức một số phẫu thuật đơn giản. - Đặt nội phế quản.	Khoa Gây mê – Hồi sức	10
2	Ngô Thị Bạch Huệ	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4267/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	14			Khoa Gây mê – Hồi sức	10

20. Đại học / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Thực hành bệnh viện 5

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Trần Thị Bích Thủy	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4265/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	20	Thực hành bệnh viện 5	- Phân loại bệnh – lập kế hoạch và chọn lựa phương pháp vô cảm thích hợp. - Tiến hành gây mê một ca thông thường (chuẩn bị, gây mê, theo dõi, chăm sóc hậu phẫu). - Chuẩn bị, theo dõi và xử trí các tình huống thông thường trong một ca gây tê, gây mê. - Phụ Bác sĩ xử trí các tai biến trong và sau gây mê – phẫu thuật. - Lập kế hoạch hồi sức người bệnh sau phẫu thuật. - Chăm sóc và theo dõi người bệnh ở phòng hồi tỉnh. - Phát hiện các tai biến sau khi gây mê – phẫu thuật.	Khoa Gây mê – Hồi sức	10
2	Ngô Thị Bạch Huệ	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4267/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	14			Khoa Gây mê – Hồi sức	10

21. Đại học / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Thực hành bệnh viện - Gây mê hồi sức chuyên khoa phụ sản

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Trần Thị Bích Thủy	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4265/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	20	Thực hành bệnh viện - Gây mê hồi sức chuyên khoa phụ sản	- Phân loại bệnh – lập kế hoạch và chọn lựa phương pháp vô cảm thích hợp - Tiến hành gây mê một ca thông thường (chuẩn bị, gây mê, theo dõi, chăm sóc hậu phẫu) - Chuẩn bị, theo dõi và xử trí các tình huống thông thường trong một ca gây tê, gây mê. - Phụ Bác sĩ xử trí các tai biến trong và sau gây mê – phẫu thuật. - Lập kế hoạch hồi sức sau phẫu thuật cho sản phụ mổ lấy thai. - Chăm sóc và theo dõi người bệnh ở phòng hồi tỉnh. - Phát hiện các tai biến sau khi gây mê – phẫu thuật. - Tham gia xử trí một số bệnh cấp cứu sản khoa (nhau tiền đạo, thai ngồi tử cung vỡ, sa dây rốn, tim thai suy cấp). - Tiến hành gây mê mổ nội soi ổ bụng cắt u buồng	Khoa Phụ sản	4
2	Ngô Thị Bạch Huệ	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4267/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	14			Khoa Phụ sản	4

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								trứng (chuẩn bị, gây mê, theo dõi, chăm sóc hậu phẫu). - Tiến hành gây tê mổ cắt tử cung qua ngả âm đạo (chuẩn bị, gây tê, theo dõi, chăm sóc hậu phẫu).		

22. Đại học / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Thực hành bệnh viện - Gây mê hồi sức chuyên khoa ngoại tổng quát

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Trần Thị Bích Thủy	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4265/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	20	Thực hành bệnh viện - Gây mê hồi sức chuyên khoa ngoại tổng quát	- Phân loại bệnh – lập kế hoạch và chọn lựa phương pháp vô cảm thích hợp - Tiến hành gây mê 1 ca thông thường (chuẩn bị, gây mê, theo dõi, chăm sóc hậu phẫu) - Chuẩn bị, theo dõi và xử trí các tình huống thông thường trong một ca gây tê, gây mê. - Phụ Bác sĩ xử trí các tai biến trong và sau gây mê – phẫu thuật. - Lập kế hoạch hồi sức	Khoa Gây mê – Hồi sức	10
2	Ngô Thị Bạch Huệ	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4267/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	14			Khoa Gây mê – Hồi sức	10

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								sau phẫu thuật. - Chăm sóc và theo dõi người bệnh ở phòng hồi tỉnh. - Phát hiện các tai biến sau khi gây mê – phẫu thuật. - Tham gia xử trí một số bệnh cấp cứu ngoại tổng quát. - Tiến hành gây mê mổ cấp cứu bệnh về gan, mật, tụy. - Tham gia gây mê (tê) mổ cấp cứu bệnh ung thư đường tiêu hóa.		

23. Đại học / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Thực hành bệnh viện - Gây mê hồi sức trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình – thần kinh

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Trần Thị Bích Thủy	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4265/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	20	Thực hành bệnh viện - Gây mê hồi	- Phân loại bệnh – lập kế hoạch và chọn lựa phương pháp vô cảm thích hợp.	Khoa Gây mê – Hồi sức	10

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
2	Ngô Thị Bạch Huệ	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4267/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	14	sức trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình – thần kinh	- Tiến hành gây mê một ca thông thường (chuẩn bị, gây mê, theo dõi, chăm sóc hậu phẫu). - Chuẩn bị, theo dõi và xử trí các tình huống thông thường trong một ca gây tê, gây mê. - Phụ Bác sĩ xử trí các tai biến trong và sau gây mê – phẫu thuật. - Lập kế hoạch hồi sức sau phẫu thuật. - Chăm sóc và theo dõi người bệnh ở phòng hồi tỉnh. - Phát hiện các tai biến sau khi gây mê – phẫu thuật - Tham gia xử trí một số bệnh cấp cứu ngoại chỉnh hình – thần kinh. - Tiến hành gây mê mổ u não, lấy máu tụ trong não, dập não, vá sọ. - Tham gia gây mê (tê) mổ thay khớp háng, đóng đinh nội tủy, kết hợp xương.	Khoa Gây mê – Hồi sức	10

24. Đại học / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Thực tập tốt nghiệp 1

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Trần Thị Bích Thủy	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4265/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	20	Thực tập tốt nghiệp 1	- Đảm nhận gây mê những trường hợp thông thường theo sự phân công của Điều dưỡng trưởng khoa. - Dự giao ban và chấp hành những quy chế bàn giao người bệnh và các phiên làm việc. - Theo dõi và xử lý các dấu hiệu và triệu chứng của một số bệnh thường gặp trong phạm vi điều dưỡng Gây mê hồi sức. - Áp dụng quy trình chăm sóc để lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh trước, trong và sau mổ. - Thực hiện y lệnh sử dụng thuốc đúng nguyên tắc và đúng quy trình kỹ thuật. - Ghi chép hồ sơ điều dưỡng và các sổ sách quản lý được phân công. - Tham gia quản lý khoa phòng: vệ sinh, trật tự, an toàn trong phạm vi được phân công. Thực hiện các	Khoa Gây mê – Hồi sức	10
2	Ngô Thị Bạch Huệ	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4267/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	14			Khoa Gây mê – Hồi sức	10

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								chế độ vệ sinh tại khoa phòng. - Tham gia trực gác tại khoa.		

25. Đại học / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Thực tập tốt nghiệp 2

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Trần Thị Bích Thủy	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4265/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	20	Thực tập tốt nghiệp 2	- Nắm vững các quy trình kỹ thuật gây mê hồi sức chuyên khoa: ngoại tổng quát, ngoại niệu, sản, nhi, chấn thương chỉnh hình, thần kinh, lồng ngực mạch máu. - Thực hiện gây mê hồi sức những chuyên khoa theo sự phân công của Điều dưỡng trưởng khoa. - Kiến tập công tác quản lý dược chất, trang thiết bị gây mê hồi sức. - Sinh viên viết bảng thu hoạch vào cuối đợt thực tập tốt nghiệp, tự nhận xét và có sự đóng góp ý kiến khoa	Khoa Gây mê – Hồi sức	10
2	Ngô Thị Bạch Huệ	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4267/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	14			Khoa Gây mê – Hồi sức	10

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								phòng và giảng viên hướng dẫn.		

26. Đại học / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Thực hành bệnh viện – Gây mê hồi sức cơ bản

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Trần Thị Bích Thủy	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4265/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	20	Thực hành bệnh viện – Gây mê hồi sức cơ bản	*Thực hiện nội quy:* - Chuyên cần - Chấp hành nội quy - Nguyên tắc vô trùng của khu phẫu thuật *Thực hiện kỹ thuật:* - Gắn phương tiện kiểm báo trong gây mê hồi sức. - Phân tích điện tim trong gây mê hồi sức. - Vận hành máy gây mê và các hệ thống trong gây mê hô hấp. - Ghi chép phiếu gây mê. - Chuẩn bị phương tiện – dụng cụ cần thiết trước khi gây mê (tê).	Khoa Gây mê – Hồi sức	10
2	Ngô Thị Bạch Huệ	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4267/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	14			Khoa Gây mê – Hồi sức	10

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								- Đón và chuẩn bị người bệnh trước gây mê (tê). - Thực hiện thăm khám và báo cáo tiền mê. - Đặt tư thế người bệnh trong gây mê và phẫu thuật. - Thực hiện cho thở oxy. - Kiến tập cấp cứu ngưng hô hấp – tuần hoàn. - Kỹ thuật cầm mask. - Kỹ thuật đặt nội khí quản. - Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch. - Kỹ thuật gây mê hô hấp. - Kỹ thuật tiền mê. - Đặt tư thế người bệnh trong gây tê.		

27. Đại học / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Thực hành bệnh viện – Gây mê hồi sức chuyên khoa và bệnh lý

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Trần Thị Bích Thủy	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4265/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	20	Thực hành bệnh viện – Gây mê hồi sức chuyên khoa và bệnh lý	*Thực hiện nội quy:* - Chuyên cần - Chấp hành nội quy *Thực hiện kỹ thuật:* - Phân loại bệnh – lập kế hoạch và chọn lựa phương pháp vô cảm thích hợp. - Chuẩn bị, thực hiện và theo dõi người bệnh gây mê nội khí quản. - Lập kế hoạch hồi sức người bệnh trước mổ. - Tiến hành duy trì mê qua mask thanh quản. - Thực hiện kỹ thuật gây tê đơn giản. - Thực hiện kỹ thuật gây tê tủy sống. - Kiến tập kỹ thuật đặt nội phế quản. - Kiến tập kỹ thuật thông khí một phổi. - Tiến hành gây mê hồi sức một số phẫu thuật đơn giản. - Theo dõi và xử trí các tình huống thông thường trong một ca gây tê, gây mê.	Khoa Gây mê – Hồi sức	10
2	Ngô Thị Bạch Huệ	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4267/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	14			Khoa Gây mê – Hồi sức	10

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								- Phụ giúp Bác sĩ xử trí các tai biến trong gây mê.		

28. Đại học (liên thông) / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Thực hành bệnh viện 3

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Trần Thị Bích Thủy	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4265/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	20	Thực hành bệnh viện 3	- Phân loại bệnh – lập kế hoạch và chọn lựa phương pháp vô cảm thích hợp. - Tiến hành gây mê một ca thông thường (chuẩn bị, gây mê, theo dõi, chăm sóc hậu phẫu). - Chuẩn bị, theo dõi và xử trí các tình huống thông thường trong một ca gây tê, gây mê. - Phụ Bác sĩ xử trí các tai biến trong và sau gây mê – phẫu thuật. - Lập kế hoạch hồi sức người bệnh sau phẫu thuật. - Chăm sóc và theo dõi người bệnh ở phòng hồi tỉnh - Phát hiện các tai biến sau	Khoa Gây mê – Hồi sức	10
2	Ngô Thị Bạch Huệ	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4267/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	14			Khoa Gây mê – Hồi sức	10

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								khi gây mê – phẫu thuật.		

29. Đại học (liên thông) / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Gây mê hồi sức trong phẫu thuật ngoại tổng quát

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Trần Thị Bích Thủy	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4265/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	20	Gây mê hồi sức trong phẫu thuật ngoại tổng quát	- Phân loại bệnh – lập kế hoạch và chọn lựa phương pháp vô cảm thích hợp. - Tiến hành gây mê một ca thông thường (chuẩn bị, gây mê, theo dõi, chăm sóc hậu phẫu). - Chuẩn bị, theo dõi và xử trí các tình huống thông thường trong một ca gây tê, gây mê. - Phụ Bác sĩ xử trí các tai biến trong và sau gây mê – phẫu thuật. - Lập kế hoạch hồi sức sau phẫu thuật. - Chăm sóc và theo dõi người bệnh ở phòng hồi tỉnh. - Phát hiện các tai biến sau khi gây mê – phẫu thuật.	Khoa Gây mê – Hồi sức	10
2	Ngô Thị Bạch Huệ	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4267/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	14			Khoa Gây mê – Hồi sức	10

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								- Tham gia xử trí một số bệnh cấp cứu ngoại khoa. - Tiến hành gây mê mổ nội soi ổ bụng cắt ruột thừa, đoạn đại trực tràng - Tham gia gây mê hồi sức mổ ung thư thực quản.		

30. Đại học (liên thông) / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Thực tập tốt nghiệp

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Trần Thị Bích Thủy	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4265/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	20	Thực tập tốt nghiệp	- Nắm vững các quy trình kỹ thuật gây mê hồi sức chuyên khoa: ngoại tổng quát, ngoại niệu, chấn thương chỉnh hình, thần kinh, lồng ngực mạch máu. - Thực hiện gây mê hồi sức các chuyên khoa theo sự phân công của Điều dưỡng trưởng khoa. - Kiến tập công tác quản lý dược chất, trang thiết bị gây mê hồi sức. - Sinh viên viết bảng thu hoạch vào cuối đợt thực tập	Khoa Gây mê – Hồi sức	10
2	Ngô Thị Bạch Huệ	Cử nhân	Gây mê hồi sức	4267/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	14			Khoa Gây mê – Hồi sức	10

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								tốt nghiệp, tự nhận xét và có sự đóng góp ý kiến khoa phòng và giảng viên hướng dẫn.		

31. Đại học / Điều dưỡng chuyên ngành Hộ sinh / Chăm sóc sức khỏe người bệnh nội khoa

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Nguyễn Thị Lệ Thanh	Cử nhân	Điều dưỡng	4126/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	11	Chăm sóc sức khỏe người bệnh nội khoa	- Đón tiếp, nhận định tình trạng hiện tại người bệnh điều trị tại khoa nội. - Thực hiện các kỹ thuật vô khuẩn, phòng chống nhiễm khuẩn: + Xử lý chất thải: phân loại đúng và quản lý rác thải tại khoa. + Thực hiện cách ly và phòng chống lây nhiễm trong chăm sóc người bệnh truyền nhiễm. + Chuẩn bị giường và thay vải trải gường cho người bệnh. + Vệ sinh vùng phụ cận. - Thực hiện các kỹ thuật đáp ứng nhu cầu cơ bản cho người bệnh: + Giúp vệ sinh cá nhân cho người bệnh và hướng dẫn vệ sinh cho thân nhân. + Chăm sóc ngừa loét ép. + Đo và nhận định dấu sinh hiệu: mạch, nhiệt	Khoa Nội tổng hợp	20

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								độ, huyết áp, nhịp thở. + Giúp người bệnh ăn qua sonde. + Thụt tháo. - Thực hiện các kỹ thuật hỗ trợ điều trị: + Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ cho một xe tiêm thuốc. + Phát thuốc và giúp người bệnh uống thuốc. + Thực hiện các kỹ thuật đưa thuốc vào cơ thể qua các đường: tiêm bắp, tiêm dưới da, tiêm tĩnh mạch, truyền dịch … + Lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm. + Cho người bệnh thở oxy. + Thực hiện đo điện tim. - Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh tại khoa nội. - Tư vấn và giáo dục sức khoẻ cho người bệnh và thân nhân. - Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc khoa nội.		

32. Đại học / Điều dưỡng chuyên ngành Hộ sinh / Chăm sóc người bệnh hồi sức và chăm sóc tích cực sản phụ khoa

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Phan Tiết Hạnh	Cử nhân	Điều dưỡng	4246/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	18	Chăm sóc người bệnh hồi sức và chăm sóc tích cực sản phụ khoa	- Tiếp nhận sản phụ, bệnh nhân từ phòng mổ sang phòng Hồi sức. + Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản: tiêm truyền tĩnh mạch, tiêm bắp, thay băng vết mổ, đặt và rút ống thông tiểu, truyền máu, đo ECG… + Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc sản phụ, người bệnh sau mổ: lau bệnh, súc miệng, chải đầu, rửa âm hộ…. - Theo dõi, lập kế hoạch chăm sóc và chăm sóc sản phụ sau mổ lấy thai. - Theo dõi, lập kế hoạch chăm sóc và chăm sóc người bệnh sau mổ phụ khoa.	Khoa Phụ sản	7

33. Đại học / Kỹ thuật hình ảnh y học / Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 1 (phần sọ não, cột sống, cơ xương khớp)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Văn Hậu	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	3890BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	24	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 1 (phần sọ não, cột sống, cơ xương khớp)	- Đại cương về cộng hưởng từ: + Lịch sử phát triển + Nguyên lý cơ bản + Khái niệm thời gian thư giãn + Các chuỗi xung cơ bản + Các thông số hình ảnh + Ảnh giả: nguyên nhân và cách khắc phục + Các loại chất tương phản sử dụng trong cộng hưởng từ - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ sọ não - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ vùng cổ - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ cột sống ngực - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ vùng thắt lưng - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ cơ xương khớp	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2	Trần Hồng Việt	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4646/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				
3	Nguyễn Hưng Thịnh	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4637/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				

34. Đại học / Kỹ thuật hình ảnh y học / Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 2 (phần bụng, chậu, tim mạch, tuyến vú)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Văn Hậu	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	3890BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	24	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 2 (phần bụng, chậu, tim mạch, tuyến vú)	- Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ bụng (gan, mật, tuỵ, lách, thận - tiết niệu...) - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ chậu (sinh dục, sản phụ khoa, đại-trực tràng ...) - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ mạch máu - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ tim, mạch vành - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ tuyến vú - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ chức năng và cộng hưởng từ phổ, tưới máu não	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2	Trần Hồng Việt	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4646/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				
3	Nguyễn Hưng Thịnh	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4637/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				

35. Đại học / Kỹ thuật hình ảnh y học / Triệu chứng học hình ảnh cộng hưởng từ

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Văn Hậu	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	3890BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	24	Triệu chứng học hình ảnh cộng hưởng từ	- Triệu chứng học cộng hưởng từ (CHT) các bệnh lý sọ não: + Nhồi máu não, xuất huyết não + Chấn thương sọ não + U và di căn + Viêm não + Các dây thần kinh sọ + Bệnh lý hốc mắt - Triệu chứng học CHT động mạch và tĩnh mạch (MRA-MRV). - Triệu chứng học CHT cột sống – đĩa đệm. - Triệu chứng học CHT các bệnh lý tim, mạch vành. - Triệu chứng học CHT các bệnh lý vùng bụng, chậu: + Gan + Đường mật + Lách + Tụy + Thận và thượng thận + Ống tiêu hóa + Hệ sinh dục + Thành bụng và các khoang phúc mạc - Triệu chứng học CHT các	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2	Trần Hồng Việt	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4646/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				
3	Nguyễn Hưng Thịnh	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4637/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								bệnh lý cơ xương khớp, tuyến vú. - Triệu chứng học CHT tưới máu não, chức năng và CHT phổ.		

36. Đại học / Kỹ thuật hình ảnh y học / Kỹ thuật hình ảnh cập nhật

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Văn Hậu	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	3890BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	24	Kỹ thuật hình ảnh cập nhật	- Kỹ thuật chụp PET- CT - Kỹ thuật chụp SPECT - Hình ảnh học can thiệp (sinh thiết dưới hướng dẫn của CT-Scan, siêu âm) - Nội soi đại tràng ảo	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2	Trần Hồng Việt	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4646/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				
3	Nguyễn Hưng Thịnh	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4637/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				

37. Đại học / Kỹ thuật hình ảnh y học / Thực hành bệnh viện 4 (Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Văn Hậu	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	3890BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	24	Thực hành bệnh viện 4 (Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ)	- Kỹ thuật chụp sọ não. - Kỹ thuật chụp cột sống - Kỹ thuật chụp ngực, bụng, chậu - Kỹ thuật chụp các chi - Kỹ thuật chụp mạch máu - Kỹ thuật chụp tim, mạch vành (kiến tập)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2	Trần Hồng Việt	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4646/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				
3	Nguyễn Hưng Thịnh	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4637/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				

38. Đại học / Kỹ thuật hình ảnh y học / Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính cơ bản

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Văn Hậu	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	3890BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	24	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính cơ bản	- Chăm sóc người bệnh: + Giao tiếp người bệnh + Chuẩn bị người bệnh + Chất tương phản - Quy trình chụp cắt lớp vi tính (CT-Scan) hệ thần kinh: + CT-Scan sọ (-/+ chấn thương) + CT-Scan xoang + CT-Scan xương chủm	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2	Trần Hồng Việt	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4646/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				
3	Nguyễn Hưng Thịnh	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4637/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								+ CT-Scan mạch máu sọ - Quy trình chụp CT-Scan ngực: + CT-Scan ngực thường quy + CT-Scan động mạch chủ ngực - Quy trình chụp CT-Scan bụng chậu: + CT-Scan bụng chậu thường quy + CT-Scan gan + CT-Scan tụy + CT-Scan thận + CT-Scan động mạch chủ bụng – chậu - Quy trình chụp CT-Scan cơ xương: + CT-Scan chi trên + CT-Scan chi dưới - Hậu xử lý: + Tái tạo hình ảnh + Đánh giá chất lượng hình ảnh		

39. Đại học / Kỹ thuật hình ảnh y học / Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ cơ bản

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Văn Hậu	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	3890BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	24	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ cơ bản	- Các thông số chụp kỹ thuật chụp cộng hưởng từ - Các chuỗi xung cộng hưởng từ: nguyên lý và ứng dụng - An toàn trong chụp cộng hưởng từ - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ sọ não - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ cột sống - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ cơ xương khớp - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ ngực, bụng, chậu	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2	Trần Hồng Việt	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4646/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				
3	Nguyễn Hưng Thịnh	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4637/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				

40. Đại học / Kỹ thuật hình ảnh y học / Triệu chứng học hình ảnh cắt lớp vi tính + Triệu chứng học hình ảnh cộng hưởng từ

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Văn Hậu	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	3890BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	24	Triệu chứng học hình ảnh cắt lớp vi tính + Triệu chứng học hình ảnh cộng hưởng từ	- Triệu chứng học cộng hưởng từ (CHT) và cắt lớp vi tính (CLVT) các bệnh lý sọ não + Nhồi máu não, xuất huyết não + Chấn thương sọ não + U và di căn + Viêm não + Các dây thần kinh sọ + Bệnh lý hốc mắt - Triệu chứng học CHT động mạch và tĩnh mạch (MRA-MRV). - Triệu chứng học CHT cột sống – đĩa đệm. - Triệu chứng học CHT và CLVT các bệnh lý tim, mạch vành. - Triệu chứng học CHT và CLVT các bệnh lý vùng bụng, chậu. + Gan + Đường mật + Lách + Tụy + Thận và thượng thận + Ống tiêu hóa	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2	Trần Hồng Việt	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4646/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				
3	Nguyễn Hưng Thịnh	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4637/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								+ Hệ sinh dục + Thành bụng và các khoang phúc mạc - Triệu chứng học CHT tuyến vú và CLVT các bệnh lý cơ xương khớp. - Triệu chứng học CHT tưới máu não, chức năng và CHT phổ. - Triệu chứng học CLVT các bệnh lý vùng ngực: + Thành ngực + Trung thất		

41. Đại học / Kỹ thuật hình ảnh y học / Thực hành bệnh viện (Kỹ thuật chụp X quang cắt lớp vi tính)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Văn Hậu	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	3890BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	24	Thực hành bệnh viện (Kỹ thuật chụp X quang cắt lớp vi tính)	- Chuẩn bị người bệnh - Kỹ thuật tiêm - Kỹ thuật chụp CT-Scan sọ, xoang, ống tai, mạch máu sọ, cảnh - Kỹ thuật chụp CT-Scan	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
2	Trần Hồng Việt	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4646/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7		hầu, cổ - Kỹ thuật chụp CT-Scan cột sống - Kỹ thuật chụp CT-Scan ngực, mạch máu vùng ngực - Kỹ thuật chụp CT-Scan bụng chậu: gan, tụy, thận, mạch máu - Kỹ thuật chụp CT-Scan các chi - Các phương pháp giảm liều xạ trên CT-Scan - Các kỹ thuật hậu xử lý: tái tạo 3D, in phim. - Quản lý dữ liệu		
3	Nguyễn Hưng Thịnh	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4637/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				

42. Đại học / Kỹ thuật hình ảnh y học / Thực hành bệnh viện (Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Văn Hậu	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	3890BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	24	Thực hành bệnh viện (Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ)	- Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ (CHT) sọ não. - Kỹ thuật chụp CHT cột sống - Kỹ thuật chụp CHT ngực, bụng, chậu - Kỹ thuật chụp CHT cơ xương khớp - Kỹ thuật chụp CHT mạch máu	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2	Trần Hồng Việt	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4646/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				
3	Nguyễn Hưng Thịnh	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4637/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				

43. Đại học / Kỹ thuật hình ảnh y học / Thực tập tốt nghiệp

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Văn Hậu	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	3890BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	24	Thực tập tốt nghiệp	*Kỹ thuật chụp X quang thông thường:* - Kỹ thuật chụp chi trên - Kỹ thuật chụp chi dưới - Kỹ thuật chụp cột sống - Kỹ thuật chụp tim phổi - Kỹ thuật chụp đầu mặt, xoang - Kỹ thuật chụp bụng, khung chậu - Kỹ thuật chụp răng *Kỹ thuật chụp X quang đặc biệt:* - Kỹ thuật chụp thực quản - Kỹ thuật chụp dạ dày - Kỹ thuật đại tràng - Kỹ thuật chụp UIV *Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính:* - Kỹ thuật chụp sọ, xoang - Kỹ thuật chụp ngực - Kỹ thuật chụp bụng, chậu - Kỹ thuật chụp cột sống, các chi - Kỹ thuật chụp mạch máu - Kỹ thuật chụp tim, mạch vành (kiến tập) *Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ:*	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2	Trần Hồng Việt	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4646/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				
3	Nguyễn Hưng Thịnh	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4637/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								- Kỹ thuật chụp sọ não - Kỹ thuật chụp cột sống - Kỹ thuật chụp ngực, bụng, chậu - Kỹ thuật chụp các chi - Kỹ thuật chụp mạch máu - Kỹ thuật chụp tim, mạch vành (kiến tập) *Y học hạt nhân và xạ trị:* - Các kỹ thuật xạ hình (gan, thận, tuyến giáp, xương...) - Các kỹ thuật xạ trị (gan, thận, tuyến giáp, xương...)		

44. Đại học (liên thông) / Kỹ thuật hình ảnh y học / Triệu chứng học hình ảnh cắt lớp vi tính

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Văn Hậu	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	3890BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	24	Triệu chứng học hình ảnh cắt lớp vi tính	- Triệu chứng học cắt lớp vi tính các bệnh lý sọ não + Chấn thương sọ não + Xuất huyết não + Nhồi máu não + U và di căn + Viêm não + Bệnh lý hốc mắt + Bệnh lý xương mặt và các xoang - Triệu chứng học cắt lớp vi tính các bệnh lý vùng ngực: + Thành ngực + Trung thất + Phổi – màng phổi - Triệu chứng học cắt lớp vi tính các bệnh lý tim, mạch vành. - Triệu chứng học cắt lớp vi tính các bệnh lý vùng bụng: + Gan + Đường mật + Lách + Tụy + Thận và thượng thận + Ống tiêu hóa	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2	Trần Hồng Việt	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4646/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				
3	Nguyễn Hưng Thịnh	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4637/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								+ Hệ sinh dục + Thành bụng và các khoang phúc mạc - Triệu chứng học cắt lớp vi tính các bệnh lý cột sống, các chi. - Triệu chứng học cắt lớp vi tính các bệnh lý mạch máu.		

45. Đại học (liên thông) / Kỹ thuật hình ảnh y học / Triệu chứng học hình ảnh cộng hưởng từ

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Văn Hậu	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	3890BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	24	Triệu chứng học hình ảnh cộng hưởng từ	- Triệu chứng học cộng hưởng từ (CHT) các bệnh lý sọ não: + Nhồi máu não, xuất huyết não + Chấn thương sọ não + U và di căn + Viêm não + Các dây thần kinh sọ + Bệnh lý hốc mắt - Triệu chứng học CHT động mạch và tĩnh mạch	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2	Trần Hồng Việt	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4646/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				
3	Nguyễn Hưng Thịnh	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4637/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								(MRA-MRV). - Triệu chứng học CHT cột sống – đĩa đệm. - Triệu chứng học CHT các bệnh lý tim, mạch vành. - Triệu chứng học CHT các bệnh lý vùng bụng, chậu: + Gan + Đường mật + Lách + Tụy + Thận và thượng thận + Ống tiêu hóa + Hệ sinh dục + Thành bụng và các khoang phúc mạc - Triệu chứng học CHT các bệnh lý cơ xương khớp, tuyến vú - Triệu chứng học CHT tưới máu não, chức năng và CHT phổ.		

46. Đại học (liên thông) / Kỹ thuật hình ảnh y học / Kỹ thuật hình ảnh cập nhật

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Văn Hậu	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	3890BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	24	Kỹ thuật hình ảnh cập nhật	- Kỹ thuật chụp PET- CT - Kỹ thuật chụp SPECT - Hình ảnh học can thiệp (sinh thiết dưới hướng dẫn của CT scan, siêu âm) - Nội soi đại tràng ảo	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2	Trần Hồng Việt	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4646/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				
3	Nguyễn Hưng Thịnh	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4637/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				

47. Đại học (liên thông) / Kỹ thuật hình ảnh y học / Thực hành bệnh viện 4 (cộng hưởng từ)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Văn Hậu	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	3890BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	24	Thực hành bệnh viện 4 (cộng hưởng từ)	- Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ (CHT) sọ não. - Kỹ thuật chụp CHT cột sống - Kỹ thuật chụp CHT ngực, bụng, chậu - Kỹ thuật chụp CHT các chi - Kỹ thuật chụp CHT mạch máu - Kỹ thuật chụp CHT tim,	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2	Trần Hồng Việt	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4646/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				
3	Nguyễn Hưng Thịnh	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4637/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								mạch vành (kiến tập)		

48. Đại học (liên thông) / Kỹ thuật hình ảnh y học / Triệu chứng học hình ảnh cắt lớp vi tính + Triệu chứng học hình ảnh cộng hưởng từ

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Văn Hậu	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	3890BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	24	Triệu chứng học hình ảnh cắt lớp vi tính + Triệu chứng học hình ảnh cộng hưởng từ	- Triệu chứng học cộng hưởng từ (CHT) và cắt lớp vi tính các bệnh lý sọ não: + Nhồi máu não, xuất huyết não + Chấn thương sọ não + U và di căn + Viêm não + Các dây thần kinh sọ + Bệnh lý hốc mắt - Triệu chứng học CHT động mạch và tĩnh mạch (MRA-MRV). - Triệu chứng học CHT cột sống – đĩa đệm. - Triệu chứng học CHT và cắt lớp vi tính các bệnh lý tim, mạch vành. - Triệu chứng học CHT và cắt lớp vi tính các bệnh lý	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2	Trần Hồng Việt	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4646/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				
3	Nguyễn Hưng Thịnh	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4637/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								vùng bụng, chậu: + Gan + Đường mật + Lách + Tụy + Thận và thượng thận + Ống tiêu hóa + Hệ sinh dục + Thành bụng và các khoang phúc mạc - Triệu chứng học CHT tuyến vú và cắt lớp vi tính các bệnh lý cơ xương khớp. - Triệu chứng học CHT tưới máu não, chức năng và CHT phổ. - Triệu chứng học cắt lớp vi tính các bệnh lý vùng ngực: + Thành ngực + Trung thất		

49. Đại học (liên thông) / Kỹ thuật hình ảnh y học / Kỹ thuật hình ảnh cập nhật

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Văn Hậu	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	3890BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	24	Kỹ thuật hình ảnh cập nhật	*Phần 1: X Quang cắt lớp vi tính:* - Kỹ thuật chụp nội soi đại tràng ảo - Kỹ thuật chụp XQuang cắt lớp vi tính 2 nguồn /mức năng lượng và các ứng dụng - Kỹ thuật chụp X quang cắt lớp vi tính hướng dẫn sinh thiết *Phần 2: Cộng hưởng từ:* - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ bó sợi thần kinh (Tractography, Diffusion Tensor Imaging-DTI) - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ tưới máu (perfusion) - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ chức năng (fMRI) - Kỹ thuật cộng hưởng từ phổ (spectroscopy)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2	Trần Hồng Việt	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4646/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				
3	Nguyễn Hưng Thịnh	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4637/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				

50. Đại học (liên thông) / Kỹ thuật hình ảnh y học / Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính và chụp cộng hưởng từ tim mạch

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Văn Hậu	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	3890BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	24	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính và chụp cộng hưởng từ tim mạch	*Phần 1: Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính tim mạch:* - Giải phẫu tim, mạch vành - Chuẩn bị người bệnh chụp cắt lớp vi tính tim mạch - Quy trình chụp cắt lớp vi tính tim mạch - Tái tạo hình ảnh - Nhận biết một số bệnh lý tim, mạch vành thường gặp *Phần 2: Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ tim mạch* - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ động mạch (động mạch chủ, động mạch chi …) - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ các bệnh lý tim - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ mạch vành - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ tưới máu cơ tim, đánh giá cơ tim	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2	Trần Hồng Việt	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4646/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				
3	Nguyễn Hưng Thịnh	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4637/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				

51. Đại học (liên thông) / Kỹ thuật hình ảnh y học / Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ thần kinh - cơ xương khớp

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Văn Hậu	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	3890BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	24	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ thần kinh - cơ xương khớp	- Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ sọ não nâng cao: mạch máu não, tưới máu, tuyến yên, chức năng, ... - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ sọ não, tủy sống trẻ em - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ xương khớp chi trên chuyên sâu - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ xương khớp chi dưới chuyên sâu - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ khớp động - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ cơ	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2	Trần Hồng Việt	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4646/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				
3	Nguyễn Hưng Thịnh	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4637/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				

52. Đại học (liên thông) / Kỹ thuật hình ảnh y học / Thực hành học phần bổ sung

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Văn Hậu	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	3890BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	24	Thực hành học phần bổ sung	- Chụp cắt lớp vi tính động mạch não, động mạch cảnh - Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi - Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực - Chụp cắt lớp vi tính tĩnh mạch phổi - Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ bụng chậu - Chụp cắt lớp vi tính mạc treo - Chụp cắt lớp vi tính ruột non - Chụp cắt lớp vi tính đại tràng nội soi ảo - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ sọ não - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ cột sống - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ khớp gối	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2	Trần Hồng Việt	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4646/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				
3	Nguyễn Hưng Thịnh	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	4637/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7				

53. Đại học / Kỹ thuật phục hồi chức năng (vật lý trị liệu) / Thực tập lâm sàng vật lý trị liệu Tim mạch – Hô hấp

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Phan Nguyễn Thị Loan	Cử nhân	Vật lý trị liệu	4323/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	13	Thực tập lâm sàng vật lý trị liệu Tim mạch – Hô hấp	- Kỹ năng giao tiếp, hướng dẫn, giáo dục sức khoẻ cho người bệnh, thân nhân người bệnh. - Các kỹ thuật khám và lượng giá vật lý trị liệu cho các trường hợp bệnh hô hấp, tim mạch. - Thiết lập mục tiêu và chương trình điều trị vật lý trị liệu cho các trường hợp bệnh hô hấp, tim mạch. - Sự an toàn cho người bệnh, kỹ năng thực hiện các kỹ thuật vật lý trị liệu trong lượng giá và điều trị người bệnh. - Hướng dẫn người bệnh và thân nhân người bệnh phương pháp dự phòng y học và chương trình tập tại nhà.	Khoa Phục hồi chức năng	
2	Phan Thị Diễm Ca	Cử nhân	Vật lý trị liệu	4321/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	8				
3	Trần Trung Hiếu	Cử nhân	Vật lý trị liệu	11480/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	6				

54. Đại học / Kỹ thuật phục hồi chức năng (vật lý trị liệu) / Thực tế tốt nghiệp 1

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Phan Nguyễn Thị Loan	Cử nhân	Vật lý trị liệu	4323/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	13	Thực tế tốt nghiệp 1	- Tiếp nhận người bệnh, khám lượng giá chức năng và làm hồ sơ điều trị vật lý trị liệu (VLTL) những trường hợp bệnh thông thường theo sự phân công của Kỹ thuật viên trưởng. - Thiết lập mục tiêu và kế hoạch chương trình điều trị thích hợp với người bệnh. - Thực hiên đúng các bước quy trình kỹ thuật. - Ghi chép hồ sơ VLTL và các sổ sách quản lý được phân công. - Tham gia quản lý khoa phòng: vệ sinh, trật tự, an toàn trong phạm vi được phân công. Thực hiện các chế độ vệ sinh tại khoa phòng. - Tham dự các buổi thuyết giảng tại bệnh viện. - Sinh viên viết bảng thu hoạch vào cuối đợt thực tập tốt nghiệp, tự nhận xét và có sự đóng góp ý kiến của khoa phòng và giáo viên hướng dẫn.	Khoa Phục hồi chức năng	
2	Phan Thị Diễm Ca	Cử nhân	Vật lý trị liệu	4321/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	8				
3	Trần Trung Hiếu	Cử nhân	Vật lý trị liệu	11480/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	6				

55. Đại học / Kỹ thuật phục hồi chức năng (vật lý trị liệu) / Thực tế tốt nghiệp 2

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Phan Nguyễn Thị Loan	Cử nhân	Vật lý trị liệu	4323/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	13	Thực tế tốt nghiệp 2	- Tiếp nhận người bệnh, khám lượng giá chức năng và làm hồ sơ điều trị vật lý trị liệu (VLTL) những trường hợp bệnh thông thường theo sự phân công của Kỹ thuật viên trưởng. - Thiết lập mục tiêu và kế hoạch chương trình điều trị thích hợp với người bệnh. - Thực hiên đúng các bước quy trình kỹ thuật. - Ghi chép hồ sơ VLTL và các sổ sách quản lý được phân công. - Tham gia quản lý khoa phòng: vệ sinh, trật tự, an toàn trong phạm vi được phân công. Thực hiện các chế độ vệ sinh tại khoa phòng. - Tham dự các buổi thuyết giảng tại bệnh viện. - Sinh viên viết bảng thu hoạch vào cuối đợt thực tập tốt nghiệp, tự nhận xét và có sự đóng góp ý kiến của khoa phòng và giáo viên hướng dẫn.	Khoa Phục hồi chức năng	
2	Phan Thị Diễm Ca	Cử nhân	Vật lý trị liệu	4321/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	8				
3	Trần Trung Hiếu	Cử nhân	Vật lý trị liệu	11480/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	6				

56. Đại học (liên thông) / Kỹ thuật phục hồi chức năng (Hoạt động trị liệu) / Thực tập lâm sàng 3

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Phan Nguyễn Thị Loan	Cử nhân	Vật lý trị liệu	4323/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	13	Thực tập lâm sàng 3	- Định hướng lâm sàng và ôn lại các kỹ năng cơ bản - Lượng giá người bệnh - Thiết lập mục tiêu - Lập kế hoạch can thiệp, thực hiện và đánh giá - Thực hành trên người bệnh dưới sự giám sát của giảng viên trong các trường hợp: chỉnh hình, phẫu thuật, thần kinh, bệnh nội khoa và lão khoa - Ghi chép phản hồi - Thảo luận nhóm có giám sát	Khoa Phục hồi chức năng	
2	Phan Thị Diễm Ca	Cử nhân	Vật lý trị liệu	4321/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	8				
3	Trần Trung Hiếu	Cử nhân	Vật lý trị liệu	11480/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	6				

57. Đại học (liên thông) / Kỹ thuật phục hồi chức năng (Hoạt động trị liệu) / Thực tế tốt nghiệp

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Phan Nguyễn Thị Loan	Cử nhân	Vật lý trị liệu	4323/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	13	Thực tế tốt nghiệp	- Lượng giá hoạt động trị liệu cho người bệnh tại bệnh viện/Trung tâm Phục hồi chức năng - Điều trị hoạt động trị liệu cho người bệnh tại Bệnh viện/Trung tâm Phục hồi chức năng - Ghi chép, lưu trữ và quản lý hồ sơ hoạt động trị liệu	Khoa Phục hồi chức năng	
2	Phan Thị Diễm Ca	Cử nhân	Vật lý trị liệu	4321/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	8				
3	Trần Trung Hiếu	Cử nhân	Vật lý trị liệu	11480/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	6				

58. Đại học / Kỹ thuật phục hồi chức năng (Hoạt động trị liệu) / Thực tập lâm sàng 3

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Phan Nguyễn Thị Loan	Cử nhân	Vật lý trị liệu	4323/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	13	Thực tập lâm sàng 3	- Định hướng lâm sàng và ôn lại các kỹ năng cơ bản - Lượng giá người bệnh - Thiết lập mục tiêu - Lập kế hoạch can thiệp, thực hiện và đánh giá - Thực hành trên người bệnh dưới sự giám sát của giảng viên trong các trường hợp: chỉnh hình, phẫu thuật, thần kinh, bệnh nội khoa và lão khoa - Ghi chép phản hồi - Thảo luận nhóm có giám sát	Khoa Phục hồi chức năng	
2	Phan Thị Diễm Ca	Cử nhân	Vật lý trị liệu	4321/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	8				
3	Trần Trung Hiếu	Cử nhân	Vật lý trị liệu	11480/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	6				

59. Đại học / Kỹ thuật phục hồi chức năng (Vật lý trị liệu) / Thực tập lâm sàng vật lý trị liệu cơ xương

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Phan Nguyễn Thị Loan	Cử nhân	Vật lý trị liệu	4323/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	13	Thực tập lâm sàng vật lý trị liệu cơ xương	- Vật lý trị liệu (VLTL) gãy xương chi trên - VLTL gãy xương chi dưới - VLTL chấn thương cột sống - VLTL trật khớp - VLTL thay khớp hông, thay khớp gối - VLTL các trường hợp viêm gân cơ - VLTL tổn thương mô mềm - VLTL vẹo cột sống	Khoa Phục hồi chức năng	
2	Phan Thị Diễm Ca	Cử nhân	Vật lý trị liệu	4321/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	8				
3	Trần Trung Hiếu	Cử nhân	Vật lý trị liệu	11480/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	6				

60. Đại học / Kỹ thuật phục hồi chức năng (Vật lý trị liệu) / Thực tập lâm sàng vật lý trị liệu thần kinh – cơ

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Phan Nguyễn Thị Loan	Cử nhân	Vật lý trị liệu	4323/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	13	Thực tập lâm sàng vật lý trị liệu thần kinh – cơ	- VLTL tai biến mạch máu não - VLTL bệnh Parkinson - VLTL liệt hạ chi, liệt tứ chi - VLTL chấn thương sọ não - VLTL liệt thần kinh VII ngoại biên - VLTL bại não - VLTL tổn thương thần kinh ngoại biên	Khoa Phục hồi chức năng	
2	Phan Thị Diễm Ca	Cử nhân	Vật lý trị liệu	4321/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	8				
3	Trần Trung Hiếu	Cử nhân	Vật lý trị liệu	11480/BYT-CCHN	Vật lý trị liệu	6				

61. Đại học (liên thông) / Kỹ thuật xét nghiệm y học / Thực tập tốt nghiệp

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Nguyễn Tấn Hiệp	Thạc sĩ	Công nghệ sinh học	0033753/BYT-CCHN	Xét nghiệm	12	Thực tập tốt nghiệp	- Tìm hiểu sơ đồ tổ chức, quản lý phòng Xét nghiệm của bệnh viện. - Thiết kế tối ưu việc phân luồng và quản lý công việc trong phòng xét nghiệm. - Cải thiện vấn đề thanh trùng, kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện - Phòng tránh, xử lý tình huống phơi nhiễm các mầm bệnh đối với nhân viên y tế. - Giới thiệu tính năng, nguyên lý hoạt động, quy trình vận hành, cài đặt, bảo trì các máy móc xét nghiệm hiện có tại bệnh viện. - Thực tập các công việc thuộc lĩnh vực hành chính tổ chức của phòng xét nghiệm. - Thực tập các xét nghiệm sinh hóa từ cơ bản đến chuyên sâu, hiện đang được thực hiện tại bệnh viện. - Thực tập các xét nghiệm huyết học từ cơ bản đến chuyên sâu, hiện đang được thực hiện tại bệnh viện. - Thực tập các xét nghiệm vi sinh từ cơ bản đến chuyên	Khoa Xét nghiệm	
2	Nguyễn Phương Thảo	Cử nhân	Hóa học	037155/BYT-CCHN	Xét nghiệm	21				

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								sâu, hiện đang được thực hiện tại bệnh viện. - Làm báo cáo kết thúc đợt thực tập.		

62. Đại học / Điều dưỡng / Thực tập tốt nghiệp

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1.	Lê Châu	Cử nhân	Điều dưỡng	3971/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	21	Thực tập tốt nghiệp	- Thực hành nâng cao, tiếp thu cập nhật kiến thức mới, phù hợp kiến thức, thái độ, kỹ năng dựa vào chuẩn năng lực điều dưỡng: + Tiếp nhận người bệnh đến khám và điều trị + Lập kế hoạch chăm sóc + Phụ và thực hiện các thủ thuật điều dưỡng tại khoa + Lấy các mẫu bệnh phẩm + …	Khoa Cấp cứu	17
2.	Hồ Thị Quỳnh Duyên	Cử nhân	Điều dưỡng	3922/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	13			Khoa Hồi sức tích cực	31
3.	Võ Thị Thanh Loan	Cử nhân	Điều dưỡng	4254/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	16			Khoa Gây mê – Hồi sức	10

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
4.	Lê Thị Thu Hà	Cử nhân	Điều dưỡng	4083/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	20			Khoa Lão – Chăm sóc giảm nhẹ	30
5.	Võ Thị Diễm Thúy	Cử nhân	Điều dưỡng	4107/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	14			Khoa Tim mạch can thiệp	35
6.	Nguyễn Thị Lệ Thanh	Cử nhân	Điều dưỡng	4126/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	11			Khoa Nội Tổng hợp	20
7.	Nguyễn Phương Biên Thùy	Cử nhân	Điều dưỡng	4083/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	20			Khoa Chấn thương chỉnh hình	37
8.	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Cử nhân	Điều dưỡng	4069/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	13			Khoa Lồng ngực – Mạch máu	37
9.	Phạm Thúy Trinh	Cử nhân	Điều dưỡng	4068/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số	12			Khoa Ngoại Gan – Mật –	74

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
					41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005				Tụy	
10.	Võ Thị Thanh Tuyền	Cử nhân	Điều dưỡng	4085/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	17			Khoa Ngoại Tiêu hóa	73
11.	Nguyễn Thị Bích Dung	Cử nhân	Điều dưỡng	4130/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	14			Khoa Tiêu hóa	37
12.	Phạm Thị Thanh Tâm	Cử nhân	Điều dưỡng	4142/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	20			Khoa Hô hấp	37
13.	Huỳnh Thị Bích Hà	Cử nhân	Điều dưỡng	4297/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	18			Khoa Tai Mũi Họng	35
14.	Trần Hoài Phương	Cử nhân	Điều dưỡng	4125/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	10			Khoa Thần kinh	74

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
15.	Lê Thị Hồng Nhung	Cử nhân	Điều dưỡng	4038/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	22			Khoa Hậu môn – Trực tràng	37
16.	Nguyễn Thị Thùy Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	4031/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	8			Khoa Hậu môn – Trực tràng	37
17.	Võ Thị Mai Ca	Cử nhân	Điều dưỡng	4288/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	12			Khoa Phẫu thuật tim mạch	41

63. Sau Đại học / Thạc sĩ / Kỹ thuật xét nghiệm y học / Thực tế hóa sinh tại bệnh viện

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Nguyễn Thị Băng Sương	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Hóa sinh	001697/BYT-CCHN	Xét nghiệm	19	Thực tế hóa sinh tại bệnh viện	- Quản lý phòng xét nghiệm bệnh viện:	Khoa Xét nghiệm	

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
2	Đoàn Thanh Hải	Bác sĩ Chuyên khoa II	Huyết học	001297/ BYT-CCHN	Xét nghiệm	27		+ Quan sát cơ sở + Quan sát quy trình tại cơ sở - Thiết lập quy trình phòng xét nghiệm tuyến tỉnh: - Nội kiểm: + Tham gia thực hiện mỗi ngày + Phân tích số liệu + Nguyên nhân + Hành động khắc phục - Ngoại kiểm: + Phân tích số liệu + Nguyên nhân + Hành động khắc phục - Thực tập xét nghiệm máy sinh hóa tự động: + Nguyên tắc vận hành máy + Quy trình vận hành - Thực tập xét nghiệm bệnh đái tháo đường, gan, tim mạch, thận… - Thực tập xét nghiệm máy Ion đồ: + Nguyên tắc vận hành máy + Quy trình vận hành		
3	Nguyễn Tấn Hiệp	Thạc sĩ	Công nghệ sinh học	0033753/BYT-CCHN	Xét nghiệm	12				
4	Đinh Quốc Long	Thạc sĩ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	004845/BYT-CCHN	Xét nghiệm	8				

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								- Thực tập xét nghiệm các bệnh rối loạn chất điện giải. - Thực tập xét nghiệm máy miễn dịch tự động + Nguyên tắc vận hành máy + Quy trình vận hành - Thực tập xét nghiệm các bệnh tuyến nội tiết, ung thư.		

64. Cao đẳng / Điều dưỡng / Thực tập tốt nghiệp

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1.	Lê Châu	Cử nhân	Điều dưỡng	3971/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	21	Thực tập tốt nghiệp	- Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc người bệnh (NB) đúng quy trình: + Đón tiếp NB đến khám và điều trị + Trợ giúp Bác sĩ khám bệnh + Vận chuyển NB + Chuẩn bị giường đón NB, thay vải trải giường có NB nằm	Khoa Cấp cứu	17
2.	Hồ Thị Quỳnh Duyên	Cử nhân	Điều dưỡng	3922/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	13			Khoa Hồi sức tích cực	31

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
3.	Võ Thị Thanh Loan	Cử nhân	Điều dưỡng	4254/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	16		+ Vệ sinh cá nhân NB (vệ sinh răng miệng, vệ sinh da, tắm NB tại giường) + Đo dấu hiệu sinh tồn + Tiêm trong da, test lấy da + Tiêm dưới da + Tiêm bắp + Tiêm tĩnh mạch + Truyền dịch + Truyền máu + Giúp NB uống thuốc, nhỏ thuốc mắt, mũi, tai + Cho NB ăn qua ống thông dạ dày, hỗ trợ ăn bằng đường miệng + Đo lượng dịch vào, ra của NB + Chăm sóc và dự phòng loét ép + Băng, thay băng vết thương, cắt chỉ + Lấy bệnh phẩm xét nghiệm + Thụt tháo + Đặt sonde dạ dày, hút dịch dạ dày, tá tràng + Rửa dạ dày	Khoa Gây mê – Hồi sức	10
4.	Lê Thị Thu Hà	Cử nhân	Điều dưỡng	4083/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	20			Khoa Lão – Chăm sóc giảm nhẹ	30
5.	Võ Thị Diễm Thúy	Cử nhân	Điều dưỡng	4107/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	14			Khoa Tim mạch can thiệp	35
6.	Nguyễn Thị Lệ Thanh	Cử nhân	Điều dưỡng	4126/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	11			Khoa Nội Tổng hợp	20
7.	Nguyễn Phương Biên Thùy	Cử nhân	Điều dưỡng	4083/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	20			Khoa Chấn thương chỉnh hình	37
8.	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Cử nhân	Điều dưỡng	4069/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số	13			Khoa Lồng ngực – Mạch máu	37

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
					41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005			+ Cho NB thở oxy + Chăm sóc các loại ống dẫn lưu		
9.	Phạm Thúy Trinh	Cử nhân	Điều dưỡng	4068/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	12		+ Xử lý chất thải tại khoa, phòng + Các tư thế NB trong nghỉ ngơi và trị liệu thông thường + Chuẩn bị NB chụp phim các loại + Chuẩn bị NB siêu âm chẩn đoán + Cân và đo chiều cao cho NB + Chăm sóc theo dõi NB thở máy + Theo dõi NB trên monitoring + Chăm sóc NB hấp hối tử vong + Chuẩn bị dụng cụ, phụ Bác sĩ (BS) đặt nội khí quản, khai khí quản + Phụ BS chọc dò màng phổi, màng bụng, tủy sống + Phụ BS khâu vết thương phần mềm + Phụ BS đo CVP + Phụ BS đo ECG	Khoa Ngoại Gan – Mật – Tụy	74
10.	Võ Thị Thanh Tuyền	Cử nhân	Điều dưỡng	4085/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	17			Khoa Ngoại Tiêu hóa	73
11.	Nguyễn Thị Bích Dung	Cử nhân	Điều dưỡng	4130/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	14			Khoa Tiêu hóa	37
12.	Phạm Thị Thanh Tâm	Cử nhân	Điều dưỡng	4142/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	20			Khoa Hô hấp	37
13.	Trần Hoài Phương	Cử nhân	Điều dưỡng	4125/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	10			Khoa Thần kinh	74

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
14.	Võ Thị Mai Ca	Cử nhân	Điều dưỡng	4288/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	12		+ Chuẩn bị NB làm các xét nghiệm về đường tiêu hóa + Hút thông đường hô hấp trên, dưới + Chăm sóc canuyn khí, ống nội khí quản trên NB + Tiêm insulin + Thông tiểu thường, liên tục + Súc rửa bàng quang + Tiêm tĩnh mạch bằng bơm tiêm điện + Chăm sóc NB có hậu môn nhân tạo + Chăm sóc các ống dẫn lưu ổ bụng - Thực hiện các thủ tục hành chính chuyên môn trong khoa: + Sắp xếp, dán hồ sơ bệnh án + Ghi chép phiếu theo dõi chức năng sống + Ghi được phiếu chăm sóc + Ghi được phiếu truyền dịch + Ghi được phiếu thử phản ứng thuốc	Khoa Phẫu thuật tim mạch	41

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								+ Tiếp nhận NB vào khoa + Liên hệ đưa NB đi làm xét nghiệm + Hoàn thành các thủ tục chuyển khoa và bàn giao NB cho khoa mới + Làm thủ tục xuất viện + Họp hội đồng NB hàng tuần - Nhận định NB để xác định, gọi tên vấn đề chăm sóc, lập kế hoạch chăm sóc và can thiệp theo quy trình điều dưỡng (4 bước) - Thu thập thông tin để thiết kế và trình bày được hệ thống tổ chức mô hình làm việc của hệ điều dưỡng và mô tả chức năng, nhiệm vụ của người Điều dưỡng - Giao tiếp hiệu quả và thiết lập được mối quan hệ tốt với các đối tượng liên quan - Học tập các chuyên đề.		

ĐẠI HỌC Y DƯỢC TPHCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Phụ lục 2

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

1. Sau đại học / Chuyên khoa cấp II / Y học cổ truyền / Bệnh học và điều trị hệ thần kinh

1.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Trịnh Thị Diệu Thường	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	001746/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	12	Bệnh học và điều trị hệ thần kinh	- Chẩn đoán và điều trị bệnh lý u thần kinh theo y học hiện đại. - Chẩn đoán và điều trị bệnh lý u thần kinh theo y học cổ truyền - Đại cương bệnh lý tiểu não - Chẩn đoán và điều trị bệnh lý tiểu não	Nội y học cổ truyền	5

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								- Đại cương về bệnh lý rối loạn tri giác mạn tính - Chẩn đoán và điều trị bệnh lý rối loạn tri giác mạn tính		

1.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Sau đại học / Chuyên khoa cấp II / Y học cổ truyền / Bệnh học và điều trị hệ thần kinh)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng học	01	
2	Máy tính (laptop)	01	
3	Máy chiếu	01	
4	Màn chiếu	01	
5	Bảng viết lớn	01	
6	Giường bệnh	05	
7	Đèn đọc Xquang	01	

2. *Sau đại học / Chuyên khoa cấp II / Y học cổ truyền / Bệnh học và điều trị kết hợp hệ tiêu hoá gan mật*

2.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Nguyễn Thị Sơn	Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	002273/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	33	Bệnh học và điều trị kết hợp tiêu hoá gan mật	Chẩn đoán, điều trị và dự phòng những bệnh lý hệ tiêu hoá gan mật thường gặp bằng phương pháp y học cổ truyền và y học hiện đại. - Viêm gan - Xơ gan - Bệnh lý đại tràng - Các thăm dò và xét nghiệm cận lâm sàng về gan mật - Bệnh lý dạ dày – tá tràng – GERD - Bệnh lý tuyến tuỵ	Nội y học cổ truyền	5

2.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Sau đại học / Chuyên khoa cấp II / Y học cổ truyền / Bệnh học và điều trị kết hợp hệ tiêu hoá gan mật)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng họp giao ban	01	
2	Máy tính (laptop)	01	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
3	Máy chiếu	01	
4	Màn chiếu	01	
5	Bảng viết lớn	01	
6	Giường bệnh	05	

3. Sau đại học / Chuyên khoa cấp II / Y học cổ truyền / Bệnh học và điều trị kết hợp hệ cơ xương khớp

3.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Nguyễn Thị Bay	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	002259/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	38	Bệnh học và điều trị hệ cơ xương khớp	Chẩn đoán, điều trị và dự phòng những bệnh lý hệ cơ xương khớp thường gặp bằng phương pháp y học cổ truyền và y học hiện đại. - Thoái hoá khớp - Thoát vị đĩa đệm cột sống cổ - Loãng xương - Các thăm dò và xét nghiệm cận lâm sàng về bệnh lý cơ xương khớp - Viêm khớp dạng thấp - Viêm cột sống dính khớp - Gout	Nội y học cổ truyền	05

3.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Sau đại học / Chuyên khoa cấp II / Y học cổ truyền / Bệnh học và điều trị kết hợp hệ cơ xương khớp)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng học	01	
2	Máy tính (laptop)	01	
3	Máy chiếu	01	
4	Màn chiếu	01	
5	Bảng viết lớn	01	
6	Giường bệnh	05	
7	Đèn đọc Xquang	01	

4. Sau đại học / Chuyên khoa cấp II / Y học cổ truyền / Bệnh học và điều trị hệ hô hấp

4.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học/ học phần /tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lưu Thị Hiệp	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	005043/HCM-CCHN	Y học cổ truyền	38	Bệnh học và điều trị hệ hô hấp	Chẩn đoán, điều trị và dự phòng những bệnh lý hệ hô hấp thường gặp bằng phương pháp y học cổ truyền và y học hiện đại. - Hen phế quản - Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)	Nội y học cổ truyền	5

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học/ học phần /tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								- Ung thư phổi - Xquang bệnh lý hô hấp thường gặp - Hô hấp ký		

4.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Sau đại học / Chuyên khoa cấp II / Y học cổ truyền / Bệnh học và điều trị kết hợp hệ hô hấp)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng học	01	
2	Máy tính (laptop)	01	
3	Máy chiếu	01	
4	Màn chiếu	01	
5	Bảng viết lớn	01	
6	Giường bệnh	05	
7	Đèn đọc Xquang	01	

5. Sau đại học / Chuyên khoa cấp II / Y học cổ truyền / Bệnh học và điều trị kết hợp hệ nội tiết - huyết học

5.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Nguyễn Thị Bay	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	002259/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	38	Bệnh học và điều trị hệ nội tiết - huyết học	Chẩn đoán, điều trị và dự phòng những bệnh lý hệ nội tiết huyết học thường gặp bằng phương pháp y học cổ truyền và y học hiện đại. - Đái tháo đường - Thiếu máu - Bệnh lý thượng thận - Bệnh lý tuyến giáp - Cận lâm sàng về nội tiết huyết học	Nội y học cổ truyền	05

5.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Sau đại học / Chuyên khoa cấp II / Y học cổ truyền / Bệnh học và điều trị kết hợp hệ nội tiết huyết học)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng học	01	
2	Máy tính (laptop)	01	
3	Máy chiếu	01	
4	Màn chiếu	01	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
5	Bảng viết lớn	01	
6	Giường bệnh	05	
7	Đèn đọc Xquang	01	

6. Sau đại học / Chuyên khoa cấp I / Y học cổ truyền / Bệnh học và điều trị hệ thần kinh

6.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Phan Quan Chí Hiếu	Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	002264/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	40	Bệnh học và điều trị hệ thần kinh	- Khám lâm sàng thần kinh theo y học hiện đại - Những hội chứng thần kinh thường gặp - Khám và làm bệnh án liệt nửa người - Khám và làm bệnh án liệt hạ chi - Khám và làm bệnh án liệt tứ chi - Khám và làm bệnh án Đau vai sau liệt nửa người - Khám làm bệnh án Đau nhức do tổn thương thần kinh: đau	Đơn vị điều trị ban ngày	5
2	Lưu Thị Hiệp	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	005043/HCM-CCHN	Y học cổ truyền	38				
3	Trịnh Thị Diệu Thường	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	001746/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	12			Nội Y học cổ truyền	5

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								sau Zona, đau dây thần kinh V - Khám và làm bệnh án Đau do cảm thụ đau bị kích thích: đau thần kinh toạ, đau vai gáy		

6.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Sau đại học / Chuyên khoa cấp I / Y học cổ truyền / Bệnh học và điều trị hệ thần kinh)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng họp giao ban	01	
2	Máy tính (laptop)	01	
3	Máy chiếu	01	
4	Màn chiếu	01	
5	Bảng viết lớn	01	
6	Giường bệnh	10	
7	Đèn đọc Xquang	01	

7. Sau đại học / Chuyên khoa cấp I / Y học cổ truyền / Bệnh học và điều trị bệnh ngoài da

7.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Nguyễn Thị Bay	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	002259/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	38	Bệnh học và điều trị bệnh ngoài da	Chẩn đoán, điều trị và dự phòng những bệnh lý ngoài da thường gặp bằng phương pháp y học cổ truyền và y học hiện đại. - Chàm - Mề đay - Vảy nến - Bệnh lý nang lông, trứng cá - Zona - Viêm da dị ứng - Viêm mô tế bào	Trung tâm u máu	3

7.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Sau đại học / Chuyên khoa cấp I / Y học cổ truyền / Bệnh học và điều trị bệnh ngoài da)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng họp giao ban	01	
2	Máy tính (laptop)	01	
3	Máy chiếu	01	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
4	Màn chiếu	01	
5	Bảng viết lớn	01	
6	Giường bệnh	03	
7	Đèn đọc Xquang	01	
8	Máy soi da	01	
9	Máy điều trị ánh sáng xanh	03	

8. Sau đại học / Chuyên khoa cấp I / Y học cổ truyền / Bệnh học và điều trị hệ cơ xương khớp

8.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Nguyễn Thị Bay	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	002259/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	38	Bệnh học và điều trị hệ cơ xương khớp	- Khám hệ thống dây chằng – gân – cơ – xương – khớp theo y học hiện đại - Khám và làm bệnh án bệnh viêm khớp dạng thấp - Khám và làm bệnh án bệnh viêm khớp Gout - Khám và làm bệnh án bệnh loãng xương - Khám và làm bệnh án	Nội y học cổ truyền	5

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								bệnh thoái hoá khớp - Khám và làm bệnh án bệnh lý gân cơ - Trình tình huống lâm sàng		

8.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Sau đại học/Chuyên khoa cấp I/Y học cổ truyền/Bệnh học và điều trị hệ cơ xương khớp)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng học	01	
2	Máy tính (laptop)	01	
3	Máy chiếu	01	
4	Màn chiếu	01	
5	Bảng viết lớn	01	
6	Giường bệnh	05	
7	Đèn đọc Xquang	01	

9. Sau đại học / Bác sĩ nội trú / Y học cổ truyền / Bệnh học và điều trị hệ thần kinh

9.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Phan Quan Chí Hiếu	Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	002264/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	40	Bệnh học và điều trị hệ thần kinh	- Khám lâm sàng thần kinh - Chẩn đoán cận lâm sàng các bệnh lý thần kinh - Bệnh học và điều trị đột quỵ - Đau vai sau đột quỵ - Bệnh học và điều trị bệnh thần kinh ngoại biên	Đơn vị điều trị ban ngày	5

9.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Sau đại học / Bác sĩ nội trú / Y học cổ truyền / Bệnh học và điều trị hệ thần kinh)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng học	01	
2	Máy tính (laptop)	01	
3	Máy chiếu	01	
4	Màn chiếu	01	
5	Bảng viết lớn	01	
6	Giường bệnh	05	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
7	Đèn đọc Xquang	01	

10. Sau đại học / Bác sĩ nội trú / Y học cổ truyền / Dưỡng sinh nâng cao và bảo vệ sức khoẻ

10.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Huỳnh Tấn Vũ	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	003210/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	24	Dưỡng sinh nâng cao và bảo vệ sức khoẻ	- Cơ sở khoa học của phương pháp dưỡng sinh. Ứng dụng của phép thư giãn và vấn đề chống stress - Tính chất và ứng dụng của phép thở 4 thời. Các nguyên tắc lớn để tập thể dục dưỡng sinh - Phổ biến dưỡng sinh vào cộng đồng - Nguyên tắc thực trị - Yếu tố dinh dưỡng, vai trò của các chất thiết yếu - Vấn đề nhin ăn, phương pháp giảm cân - Các phương pháp xoa bóp - Tác dụng của xoa bóp theo y học cổ truyền và y học hiện đại	Đơn vị điều trị ban ngày	5

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								- Ứng dụng dưỡng sinh, xoa bóp, thực dưỡng trong chăm sóc béo phì, đái tháo đường, tâm căn suy nhược, hen, tăng huyết áp.		

10.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Sau đại học / Bác sĩ nội trú / Y học cổ truyền / Dưỡng sinh nâng cao và bảo vệ sức khoẻ)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng học	01	
2	Máy tính (laptop)	01	
3	Máy chiếu	01	
4	Màn chiếu	01	
5	Bảng viết lớn	01	
6	Giường bệnh	05	
7	Đèn đọc Xquang	01	

11. Sau đại học / Bác sĩ nội trú / Y học cổ truyền / Bệnh học và điều trị kết hợp hệ tiêu hoá gan mật

11.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Nguyễn Thị Sơn	Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	002273/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	33	Bệnh học và điều trị kết hợp tiêu hoá gan mật	Chẩn đoán, điều trị và dự phòng những bệnh lý hệ tiêu hoá – gan mật thường gặp bằng phương pháp kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại. - Bệnh trào ngược dạ dày – thực quản (GERD: Gastroeosophageal reflux disease) - Loét dạ dày – tá tràng - Viêm dạ dày mạn tính - Các bệnh gan mạn tính: các tổn thương gan do thuốc, bệnh gan mỡ do rượu và không do rượu, viêm gan tự miễn - Viêm gan do siêu vi B và C - Xơ gan - Viêm đại tràng mạn tính - Hội chứng đại tràng kích ứng	Nội y học cổ truyền	5

11.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Sau đại học / Bác sĩ nội trú / Y học cổ truyền / Bệnh học và điều trị kết hợp hệ tiêu hoá gan mật)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng họp giao ban	01	
2	Máy tính (laptop)	01	
3	Máy chiếu	01	
4	Màn chiếu	01	
5	Bảng viết lớn	01	
6	Giường bệnh	05	

12. Sau đại học / Bác sĩ nội trú / Y học cổ truyền / Kỹ năng châm cứu

12.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Trịnh Thị Diệu Thường	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	001746/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	12	Kỹ năng châm cứu	Thực hành kỹ năng châm cứu: - Châm bổ, châm tả - Điện châm - Đầu châm - Nhĩ châm - Nhu châm - Mai hoa châm - Châm cứu cải tiến.	Châm cứu dưỡng sinh	5
2	Phan Quan Chí Hiếu	Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	002264/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	40				

12.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Sau đại học / Bác sĩ nội trú / Y học cổ truyền / Kỹ năng châm cứu)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng họp giao ban	01	
2	Máy tính (laptop)	01	
3	Máy chiếu	01	
4	Màn chiếu	01	
5	Bảng viết lớn	01	
6	Giường bệnh	05	
7	Dụng cụ châm cứu: kim, máy điện châm, nhu châm, nhĩ châm…	10	

13. Sau đại học / Cao học / Y học cổ truyền / Bệnh học và điều trị hệ thần kinh

13.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Phan Quan Chí Hiếu	Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	002264/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	40	Bệnh học và điều trị hệ thần kinh	- Khám lâm sàng thần kinh - Chẩn đoán cận lâm sàng các bệnh lý thần kinh - Bệnh học và điều trị đột quỵ	Đơn vị điều trị ban ngày	5

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								- Đau vai sau đột quỵ - Bệnh học và điều trị bệnh thần kinh ngoại biên		

13.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Sau đại học / Cao học / Y học cổ truyền / Bệnh học và điều trị hệ thần kinh)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng học	01	
2	Máy tính (laptop)	01	
3	Máy chiếu	01	
4	Màn chiếu	01	
5	Bảng viết lớn	01	
6	Giường bệnh	05	
7	Đèn đọc Xquang	01	

14. Sau đại học / Cao học / Y học cổ truyền / Thần kinh sinh học

14.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Phan Quan Chí Hiếu	Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	002264/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	40	Thần kinh sinh học	- Thực hành việc phân tích các vấn đề sức khoẻ liên quan: đau, rối loạn vận động.	Đơn vị điều trị ban ngày	5

14.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Sau đại học / Cao học / Y học cổ truyền / Thần kinh sinh học)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng học	01	
2	Máy tính (laptop)	01	
3	Máy chiếu	01	
4	Màn chiếu	01	
5	Bảng viết lớn	01	
6	Giường bệnh	05	
7	Đèn đọc Xquang	01	

15. Sau đại học / Cao học / Y học cổ truyền / Dưỡng sinh nâng cao và bảo vệ sức khoẻ

15.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Huỳnh Tấn Vũ	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	003210/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	24	Dưỡng sinh nâng cao và bảo vệ sức khoẻ	- Cơ sở khoa học của phương pháp dưỡng sinh. Ứng dụng của phép thư giãn và vấn đề chống stress - Tính chất và ứng dụng của phép thở 4 thời. Các nguyên tắc lớn để tập thể dục dưỡng sinh - Phổ biến dưỡng sinh vào cộng đồng - Nguyên tắc thực trị - Yếu tố dinh dưỡng, vai trò của các chất thiết yếu - Vấn đề nhin ăn, phương pháp giảm cân - Các phương pháp xoa bóp - Tác dụng của xoa bóp theo y học cổ truyền và y học hiện đại - Ứng dụng dưỡng	Đơn vị điều trị ban ngày	5

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								sinh, xoa bóp, thực dưỡng trong chăm sóc béo phì, đái tháo đường, tâm căn suy nhược, hen, tăng huyết áp.		

15.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Sau đại học / Cao học / Y học cổ truyền / Dưỡng sinh nâng cao và bảo vệ sức khoẻ)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng học	01	
2	Máy tính (laptop)	01	
3	Máy chiếu	01	
4	Màn chiếu	01	
5	Bảng viết lớn	01	
6	Giường bệnh	05	
7	Đèn đọc Xquang	01	

16. Sau đại học / Cao học / Y học cổ truyền / Bệnh học và điều trị kết hợp Nội tổng quát 2 (tiêu hoá gan mật)

16.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Nguyễn Thị Sơn	Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	002273/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	33	Bệnh học và điều trị kết hợp Nội tổng quát 2 (tiêu hoá gan mật)	Chẩn đoán, điều trị và dự phòng những bệnh lý hệ tiêu hoá – gan mật thường gặp bằng phương pháp kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại. - Bệnh trào ngược dạ dày – thực quản (GERD: Gastroeosophageal reflux disease) - Loét dạ dày – tá tràng - Viêm dạ dày mạn tính - Các bệnh gan mạn tính: các tổn thương gan do thuốc, bệnh gan mỡ do rượu và không do rượu, viêm gan tự miễn - Viêm gan do siêu vi B và C - Xơ gan - Viêm đại tràng mạn tính - Hội chứng đại tràng kích ứng	Nội y học cổ truyền	5

16.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Sau đại học / Cao học / Y học cổ truyền / Bệnh học và điều trị kết hợp Nội tổng quát 2 (tiêu hoá gan mật))

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng họp giao ban	01	
2	Máy tính (laptop)	01	
3	Máy chiếu	01	
4	Màn chiếu	01	
5	Bảng viết lớn	01	
6	Giường bệnh	05	

17. Đại học / Bác sĩ / Y học cổ truyền / Châm cứu học 1

17.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Trịnh Thị Diệu Thường	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	001746/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	12	Châm cứu học 1	- Lộ trình và vận dụng hệ thống kinh Phế – Đại trường, Tâm – Tiểu trường, Thận – Bàng quang, Tâm bào – Tam tiêu, Can – Đởm	Châm cứu dưỡng sinh	5
2	Phạm Thị Bình Minh	Thạc sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	033093/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	7		- Lộ trình và vận dụng hệ thống Kỳ kinh Bát mạch	Đơn vị điều trị ban ngày	10

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								- Vận dụng hệ thống kinh lạc vào chẩn đoán (trình bệnh án, tình huống)		
3	Kiều Xuân Thy	Thạc sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	031220/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	5		- Xác định huyệt vùng đầu mặt - Xác định huyệt tay, chân, ngực bụng, lưng. - Ôn tập hệ kinh lạc và 160 huyệt.		

17.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Đại học / Bác sĩ / Y học cổ truyền / Châm cứu học 1)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng họp giao ban	02	
2	Máy tính (laptop)	02	
3	Máy chiếu	02	
4	Màn chiếu	02	
5	Bảng viết lớn	02	
6	Giường bệnh	15	

18. Đại học / Bác sĩ / Y học cổ truyền / Nội cơ sở Y học cổ truyền

18.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Nguyễn Thị Sơn	Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	002273/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	33	Nội cơ sở y học cổ truyền	Xác định trên người bệnh các triệu chứng y học cổ truyền: - Hàn – Nhiệt, Hư – Thực, Biểu – Lý, Âm – Dương. - Phong – Hàn, Thử – Thấp, Táo – Hoả. - Háo suyễn – Khái thấu, Nuy – Trúng phong. - Hung tý, Chính xung – Tâm quý, Thất miên, Tiết tả - Lỵ tật. Hoàng đản – Cổ chướng. - Huyễn vựng – Đầu thống, Hiếp thống – Phúc thống - Tiêu khát – Thuỷ thũng, Hư lao – Tý chứng – Phát nhiệt.	Nội y học cổ truyền	5

18.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Đại học / Bác sĩ / Y học cổ truyền / Nội cơ sở y học cổ truyền)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng họp giao ban	01	
2	Máy tính (laptop)	01	
3	Máy chiếu	01	
4	Màn chiếu	01	
5	Bảng viết lớn	01	
6	Giường bệnh	05	

19. Đại học / Bác sĩ / Y học cổ truyền / Nội cơ sở 2 (triệu chứng học y học cổ truyền)

19.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Nguyễn Thị Sơn	Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	002273/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	33	Nội cơ sở 2 (triệu chứng học y học cổ truyền)	- Triệu chứng bát cương - Triệu chứng học bệnh ngoại cảm - Chứng Háo – Suyễn, Khái – Thấu, chứng Đàm ẩm - Hoàng đản, Cổ chướng, Hiếp thống	Nội y học cổ truyền	5

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								- Vị quản thống, Phúc thống, Tâm thống, Tâm quý - Tiêu khát, Thuỷ thũng, Phát nhiệt - Tiết tả, Tiện bí, Ẩu thổ, Ách nghịch - Trúng phong, Nuy chứng, Thất miên, Kiện vong - Hư lao, Phì bạn		

19.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Đại học / Bác sĩ / Y học cổ truyền / Nội cơ sở 2 (triệu chứng học y học cổ truyền))

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng họp giao ban	01	
2	Máy tính (laptop)	01	
3	Máy chiếu	01	
4	Màn chiếu	01	
5	Bảng viết lớn	01	
6	Giường bệnh	05	

20. Đại học / Bác sĩ / Y học cổ truyền / Bệnh học y học cổ truyền

20.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Nguyễn Thị Sơn	Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	002273/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	33	Bệnh học y học cổ truyền	- Chẩn đoán, biện luận bệnh học ngoại cảm lục dâm. - Chẩn đoán, biện luận bệnh học ngoại cảm thương hàn. - Chẩn đoán, biện luận bệnh học ngoại cảm ôn bệnh. - Bệnh của các tạng phủ: Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận, Bàng Quang, Đại trường, Tiểu trường, Vị, Tam tiêu. - Khám trên bệnh nhân, nghiên cứu trường hợp, trình bệnh án.	Nội y học cổ truyền	5
2	Trần Thu Nga	Thạc sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	033096/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	10				

20.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Đại học / Bác sĩ / Y học cổ truyền / Bệnh học y học cổ truyền)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng họp giao ban	01	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
2	Máy tính (laptop)	01	
3	Máy chiếu	01	
4	Màn chiếu	01	
5	Bảng viết lớn	01	
6	Giường bệnh	05	

21. Đại học / Bác sĩ / Y học cổ truyền / Tiền lâm sàng châm cứu

21.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)=

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Trịnh Thị Diệu Thường	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	001746/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	12	Tiền lâm sàng châm cứu	- Hướng dẫn xác định các vũng Nhĩ châm trên loa tai. - Hướng dẫn xác định các vùng của Đầu châm. - Hướng dẫn xác định các đường gõ Mai hoa châm. Kỹ thuật gõ Mai hoa châm. - Kiến tập Châm tê.	Châm cứu dưỡng sinh	5

21.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Đại học / Bác sĩ / Y học cổ truyền / Tiền lâm sàng châm cứu)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng họp giao ban	01	
2	Máy tính (laptop)	01	
3	Máy chiếu	01	
4	Màn chiếu	01	
5	Bảng viết lớn	01	
6	Giường bệnh	05	

22. Đại học / Bác sĩ / Y học cổ truyền / Châm cứu học 2

22.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Trịnh Thị Diệu Thường	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	001746/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	12	Châm cứu học 2	- Kỹ thuật châm – Kỹ thuật cứu – Thủ thuật bổ tả.	Châm cứu dưỡng sinh	5
2	Phạm Thị Bình Minh	Thạc sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	033093/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	7		- Điện châm và ứng dụng điều trị. - Đầu châm và ứng dụng điều trị.	Đơn vị điều trị ban ngày	10
3	Kiều Xuân Thy	Thạc sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	031220/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	5		- Nhĩ châm và ứng dụng điều trị.		

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								- Mai hoa châm và ứng dụng điều trị. - Trình bệnh án, giải quyết tình huống lâm sàng.		

22.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Đại học / Bác sĩ / Y học cổ truyền / Châm cứu học 2)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng họp giao ban	02	
2	Máy tính (laptop)	02	
3	Máy chiếu	02	
4	Màn chiếu	02	
5	Bảng viết lớn	02	
6	Giường bệnh	15	

23. Đại học / Bác sĩ / Y học cổ truyền / Châm cứu ứng dụng

23.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Trịnh Thị Diệu Thường	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	001746/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	12	Châm cứu ứng dụng	- Bệnh cảnh liệt mặt - Bệnh cảnh hội chứng liệt nửa người - Bệnh cảnh đau thần kinh toạ	Châm cứu dưỡng sinh	5
2	Kiều Xuân Thy	Thạc sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	031220/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	5		- Bệnh cảnh đau cổ gáy - Bệnh cảnh đau khớp khuỷu - Bệnh cảnh đau khớp cổ tay - Bệnh cảnh đau lưng - Bệnh cảnh đau khớp háng - Bệnh cảnh đau khớp gối - Bệnh cảnh đau khớp cổ chân	Đơn vị điều trị ban ngày	10

23.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Đại học / Bác sĩ / Y học cổ truyền / Châm cứu ứng dụng)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng họp giao ban	02	
2	Máy tính (laptop)	02	
3	Máy chiếu	02	
4	Màn chiếu	02	
5	Bảng viết lớn	02	
6	Giường bệnh	15	

24. Đại học / Bác sĩ / Y học cổ truyền / Điều trị nội khoa kết hợp

24.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Nguyễn Thị Sơn	Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	002273/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	33	Điều trị nội khoa kết hợp	Điều trị nội khoa kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại các bệnh lý: - Tăng huyết áp, bệnh mạch vành, rối loạn lipid máu, xơ vữa động mạch. - Viêm đại tràng mạn, xơ gan, loét dạ dày tá tràng.	Nội y học cổ truyền	5

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								- Hen phế quản, Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, viêm phổi, áp xe phổi. - Rối loạn cương dương. - Viêm cầu thận cấp và mạn, viêm ống thận mô kẽ, hội chứng thận hư, bệnh cầu thận cấp và mạn. - Thiếu máu thiếu sắt, xuất huyết giảm tiểu cầu. - Tai biến mạch máu não, viêm đa dây thần kinh, suy tĩnh mạch chi dưới mạn tính. - Loãng xương, viêm khớp dạng thấp - Gout, béo phì, đái tháo đường. - Bại não, bệnh lý thần kinh toạ, suy nhược mạn.		

24.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Đại học / Bác sĩ / Y học cổ truyền / Điều trị nội khoa kết hợp)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng họp giao ban	01	
2	Máy tính (laptop)	01	
3	Máy chiếu	01	
4	Màn chiếu	01	
5	Bảng viết lớn	01	
6	Giường bệnh	05	

25. Đại học / Bác sĩ / Y học cổ truyền / Ngũ quan y học cổ truyền

25.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Nguyễn Thị Sơn	Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	002273/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	33	Ngũ quan y học cổ truyền	- Bệnh lý nhãn khoa: giải phẫu sinh lý, chẩn đoán và điều trị theo y học cổ truyền. - Bệnh học Tỵ khoa theo YHCT. - Viêm mũi thường và viêm mũi dị ứng. - Bệnh học nhĩ khoa	Nội y học cổ truyền	5

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								y học cổ truyền. - Bệnh lý hầu khoa, răng miệng theo y học cổ truyền. - Viêm họng cấp – mạn. - Viêm kết mạc – Chắp – Lẹo. - Bệnh Aphthous niêm mạc miệng. - Nhọt ống tai – tai ù – tai điếc. - Viêm xoang cấp mạn.		

25.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Đại học / Bác sĩ / Y học cổ truyền / Ngũ quan y học cổ truyền)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng họp giao ban	01	
2	Máy tính (laptop)	01	
3	Máy chiếu	01	
4	Màn chiếu	01	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
5	Bảng viết lớn	01	
6	Giường bệnh	05	

26. Đại học / Bác sĩ liên thông / Y học cổ truyền / Châm cứu ứng dụng

26.1. Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Trịnh Thị Diệu Thường	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Y học cổ truyền	001746/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	12	Châm cứu ứng dụng	- Bệnh cảnh liệt mặt - Bệnh cảnh hội chứng liệt nửa người. - Bệnh cảnh đau cổ gáy - Bệnh cảnh đau khớp khuỷu - Bệnh cảnh đau khớp cổ tay - Bệnh cảnh đau lưng - Bệnh cảnh đau thần kinh toạ - Bệnh cảnh đau khớp háng - Bệnh cảnh đau khớp gối - Bệnh cảnh đau khớp cổ chân	Nội Y học cổ truyền	5

26.2. Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa trên chương trình thực hành)

(Đại học / Bác sĩ liên thông / Y học cổ truyền / Châm cứu ứng dụng)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng họp giao ban	02	
2	Máy tính (laptop)	02	
3	Máy chiếu	02	
4	Màn chiếu	02	
5	Bảng viết lớn	02	
6	Giường bệnh	05	

ĐẠI HỌC Y DƯỢC TPHCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Phụ lục 3
DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

1. Đại học / Y đa khoa (Y6) / Bệnh lý ngoại tổng quát

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng giao ban	3	
2	Máy vi tính cố định	3	
3	Máy chiếu	2	
4	Màn chiếu	2	
5	Tivi 55 inch	1	
6	Huyết áp kế cơ	22	
7	Máy đo huyết áp điện tử	10	
8	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	3	
9	Máy đo SpO2	14	
10	Máy đo điện tim 3 cần	4	
11	Giường bệnh	184	
12	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	5	

2. Đại học / Y đa khoa (Y4) / Gây mê hồi sức

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Bàn mổ	10	
6.	Máy điện tim 3 cần	1	
7.	Hệ thống máy gây mê	7	
8.	Máy gây mê kèm giúp thở người lớn/ trẻ em	12	
9.	Monitor theo dõi người bệnh trong phẫu thuật (5 thông số, 6 thông số, ≥ 8 thông số kèm khí mê)	29	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
10.	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO2 (EtCO2)	7	
11.	Máy đo SpO2	3	
12.	Đo áp lực nội khí quản	1	
13.	Máy giúp thở	1	

3. Đại học / Y đa khoa (Y5) / Ngoại Thần kinh

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng giao ban	1	
2	Máy vi tính cố định	1	
3	Máy chiếu	1	
4	Màn chiếu	1	
5	Giường bệnh	36	
6	Máy đo điện tim 3 cần	1	
7	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số	1	
8	Máy đo SpO2	2	
9	Máy đo áp lực nội sọ	1	
10	Máy đo huyết áp điện tử	6	
11	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	
12	Đèn đọc phim (loại 3 phim)	1	

4. Đại học / Y đa khoa (Y5) / Thực hành tai mũi họng

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng giao ban	1	
2	Máy vi tính cố định	1	
3	Máy chiếu	1	
4	Màn chiếu	1	
5	Dàn máy nội soi	1	
6	Máy đo thính lực	1	
7	Máy đo nhĩ lượng	1	
8	Giường bệnh	35	
9	Máy đo điện tim 3 cần	1	
10	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	1	
11	Máy đo SpO2	2	
12	Huyết áp kế cơ	3	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
13	Máy đo huyết áp điện tử	1	
14	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	2	
15	Máy phun khí dung	12	

5. Đại học / Y đa khoa (Y5) / Thần kinh

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Giường bệnh	74	
6.	Máy đo điện tim 3 cần	1	
7.	Máy đo điện tim 6 cần	1	
8.	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số	4	
9.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	2	
10.	Monitor theo dõi bệnh nhân	2	
11.	Máy đo SpO2	6	
12.	Máy đo điện não di động	1	
13.	Máy đo điện não video 86 kênh	1	
14.	Máy đo điện cơ 4 kênh	1	
15.	Máy đo điện cơ di động	1	
16.	Máy đo điện cơ	1	
17.	Máy huyết áp điện tử cảm ứng	1	
18.	Huyết áp kế cơ	11	
19.	Máy đo huyết áp điện tử	3	
20.	Âm thoa	3	
21.	Búa thử phản xạ	1	
22.	Đèn đặt nội khí quản	4	
23.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	3	
24.	Đèn đọc phim (loại 3 phim)	1	

6. Đại học / Y đa khoa (Y5) / Chấn thương chỉnh hình và phục hồi chức năng

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Giường bệnh	37	
6.	Máy đo điện tim 3 cần	1	
7.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	1	
8.	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số	1	
9.	Máy đo SpO2	4	
10.	Âm thoa	1	
11.	Búa phản xạ	1	
12.	Huyết áp kế cơ	3	
13.	Máy đo huyết áp điện tử	2	
14.	Máy hút dịch vết thương	5	
15.	Khung kéo tạ	1	
16.	Khung kê chân inox	3	
17.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	

7. Đại học / Y đa khoa (Y4) / Nội tiết

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Giường bệnh	20	
6.	Máy thử đường huyết	3	
7.	Máy thử keton	1	
8.	Máy đo điện tim 3 cần	1	
9.	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số	1	
10.	Máy đo SpO2	3	
11.	Âm thoa	1	
12.	Búa phản xạ	1	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
13.	Huyết áp kế cơ	5	
14.	Máy đo huyết áp điện tử	1	
15.	Máy hút dịch vết thương	1	
16.	Máy doppler mạch máu	3	
17.	Đèn soi mắt BETA 200	1	
18.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	2	

8. Đại học / Y đa khoa (Y4) / Bệnh học nội

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	4	
2.	Máy vi tính cố định	4	
3.	Máy chiếu	4	
4.	Màn chiếu	4	
5.	Giường bệnh	159	
6.	Máy thử đường huyết	3	K. Nội Tổng hợp
7.	Máy thử keton	1	K. Nội Tổng hợp
8.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. Nội Tổng hợp
9.	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số	1	K. Nội Tổng hợp
10.	Máy đo SpO2	3	K. Nội Tổng hợp
11.	Âm thoa	1	K. Nội Tổng hợp
12.	Búa phản xạ	1	K. Nội Tổng hợp
13.	Huyết áp kế cơ	5	K. Nội Tổng hợp
14.	Máy đo huyết áp điện tử	1	K. Nội Tổng hợp
15.	Máy hút dịch vết thương	1	K. Nội Tổng hợp
16.	Máy doppler mạch máu	3	K. Nội Tổng hợp
17.	Đèn soi mắt BETA 200	1	K. Nội Tổng hợp
18.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	2	K. Nội Tổng hợp
19.	Monitor theo dõi bệnh nhân	5	K. Nội Tim mạch
20.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	1	K. Nội Tim mạch
21.	Máy đo điện tim 3/6 cần	1	K. Nội Tim mạch
22.	Máy theo dõi điện tim 24 giờ (Holter ECG)	1	K. Nội Tim mạch
23.	Máy thu nhận tín hiệu điện tim 24h	6	K. Nội Tim mạch
24.	Máy theo dõi huyết áp 24h	3	K. Nội Tim mạch

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
25.	Máy siêu âm màu doppler tim mạch 3 đầu dò GE VIVID T8 (máy siêu âm doppler màu chuyên tim gắng sức)	1	K. Nội Tim mạch
26.	Máy đo điện tim gắng sức	1	K. Nội Tim mạch
27.	Bộ đèn đặt nội khí quản	2	K. Nội Tim mạch
28.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	3	K. Nội Tim mạch
29.	Huyết áp kế cơ	8	K. Nội Tim mạch
30.	Máy đo SpO2	4	K. Nội Tim mạch
31.	Monitor theo dõi bệnh nhân	3	K. Tim mạch can thiệp
32.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	2	K. Tim mạch can thiệp
33.	Máy sốc tim lưỡng pha	1	K. Tim mạch can thiệp
34.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. Tim mạch can thiệp
35.	Máy giúp thở không xâm nhập chạy điện	2	K. Tim mạch can thiệp
36.	Máy giúp thở chức năng cao Puritan Bennet 840	1	K. Tim mạch can thiệp
37.	Đèn đọc phim X-Quang công nghệ LED loại 1 phim	1	K. Tim mạch can thiệp
38.	Máy đo SpO2	5	K. Tim mạch can thiệp
39.	Thiết bị đo áp lực bóng chèn khí quản	1	K. Tim mạch can thiệp
40.	Máy thử đường huyết	2	K. Tim mạch can thiệp
41.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	2	K. Tiêu hóa
42.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. Tiêu hóa
43.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	2	K. Tiêu hóa
44.	Huyết áp kế cơ	7	K. Tiêu hóa
45.	Máy đo huyết áp điện tử	2	K. Tiêu hóa
46.	Máy đo SpO2 loại cầm tay	2	K. Tiêu hóa
47.	Máy hút dịch	1	K. Tiêu hóa
48.	Máy thử đường huyết	2	K. Tiêu hóa
49.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. Hô hấp
50.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	7	K. Hô hấp
51.	Máy thở không xâm lấn 02 mức áp lực dương	1	K. Hô hấp
52.	Máy thở BiPAP không xâm nhập chạy điện	7	K. Hô hấp
53.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	3	K. Hô hấp
54.	Huyết áp kế cơ	6	K. Hô hấp
55.	Máy đo huyết áp điện tử	3	K. Hô hấp

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
56.	Máy đo SpO2 loại cầm tay	7	K. Hô hấp
57.	Máy hút dịch	2	K. Hô hấp
58.	Máy phun khí dung	10	K. Hô hấp
59.	Máy thử đường huyết	2	K. Hô hấp

9. Đại học / Y đa khoa (Y6) / Điều trị nội

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	4	
2.	Máy vi tính cố định	4	
3.	Máy chiếu	4	
4.	Màn chiếu	4	
5.	Giường bệnh	159	
6.	Máy thử đường huyết	3	K. Nội Tổng hợp
7.	Máy thử keton	1	K. Nội Tổng hợp
8.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. Nội Tổng hợp
9.	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số	1	K. Nội Tổng hợp
10.	Máy đo SpO2	3	K. Nội Tổng hợp
11.	Âm thoa	1	K. Nội Tổng hợp
12.	Búa phản xạ	1	K. Nội Tổng hợp
13.	Huyết áp kế cơ	5	K. Nội Tổng hợp
14.	Máy đo huyết áp điện tử	1	K. Nội Tổng hợp
15.	Máy hút dịch vết thương	1	K. Nội Tổng hợp
16.	Máy doppler mạch máu	3	K. Nội Tổng hợp
17.	Đèn soi mắt BETA 200	1	K. Nội Tổng hợp
18.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	2	K. Nội Tổng hợp
19.	Monitor theo dõi bệnh nhân	5	K. Nội Tim mạch
20.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	1	K. Nội Tim mạch
21.	Máy đo điện tim 3/6 cần	1	K. Nội Tim mạch
22.	Máy theo dõi điện tim 24 giờ (Holter ECG)	1	K. Nội Tim mạch
23.	Máy thu nhận tín hiệu điện tim 24h	6	K. Nội Tim mạch
24.	Máy theo dõi huyết áp 24h	3	K. Nội Tim mạch
25.	Máy siêu âm màu doppler tim mạch 3 đầu dò GE VIVID T8 (máy siêu âm doppler màu chuyên tim gắng sức)	1	K. Nội Tim mạch

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
26.	Máy đo điện tim gắng sức	1	K. Nội Tim mạch
27.	Bộ đèn đặt nội khí quản	2	K. Nội Tim mạch
28.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	3	K. Nội Tim mạch
29.	Huyết áp kế cơ	8	K. Nội Tim mạch
30.	Máy đo SpO2	4	K. Nội Tim mạch
31.	Monitor theo dõi bệnh nhân	3	K. Tim mạch can thiệp
32.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	2	K. Tim mạch can thiệp
33.	Máy sốc tim lưỡng pha	1	K. Tim mạch can thiệp
34.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. Tim mạch can thiệp
35.	Máy giúp thở không xâm nhập chạy điện	2	K. Tim mạch can thiệp
36.	Máy giúp thở chức năng cao Puritan Bennet 840	1	K. Tim mạch can thiệp
37.	Đèn đọc phim X-Quang công nghệ LED loại 1 phim	1	K. Tim mạch can thiệp
38.	Máy đo SpO2	5	K. Tim mạch can thiệp
39.	Thiết bị đo áp lực bóng chèn khí quản	1	K. Tim mạch can thiệp
40.	Máy thử đường huyết	2	K. Tim mạch can thiệp
41.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	2	K. Tiêu hóa
42.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. Tiêu hóa
43.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	2	K. Tiêu hóa
44.	Huyết áp kế cơ	7	K. Tiêu hóa
45.	Máy đo huyết áp điện tử	2	K. Tiêu hóa
46.	Máy đo SpO2 loại cầm tay	2	K. Tiêu hóa
47.	Máy hút dịch	1	K. Tiêu hóa
48.	Máy thử đường huyết	2	K. Tiêu hóa
49.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. Hô hấp
50.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	7	K. Hô hấp
51.	Máy thở không xâm lấn 02 mức áp lực dương	1	K. Hô hấp
52.	Máy thở BiPAP không xâm nhập chạy điện	7	K. Hô hấp
53.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	3	K. Hô hấp
54.	Huyết áp kế cơ	6	K. Hô hấp
55.	Máy đo huyết áp điện tử	3	K. Hô hấp
56.	Máy đo SpO2 loại cầm tay	7	K. Hô hấp
57.	Máy hút dịch	2	K. Hô hấp
58.	Máy phun khí dung	10	K. Hô hấp

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
59.	Máy thử đường huyết	2	K. Hô hấp

10. Đại học / Y đa khoa (Y5) / Y học gia đình

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Giảng đường	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	

11. Đại học / Điều dưỡng / Chuyên khoa tự chọn: Phòng mổ

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng giao ban	1	
2	Máy vi tính cố định	1	
3	Máy chiếu	1	
4	Màn chiếu	1	

12. Đại học / Điều dưỡng / Thực tế tốt nghiệP

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng giao ban	1	
2	Máy vi tính cố định	1	
3	Máy chiếu	1	
4	Màn chiếu	1	

13. Đại học / Điều dưỡng / Quản lý điều dưỡng

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Phòng giao ban	1	
2	Máy vi tính cố định	1	
3	Máy chiếu	1	
4	Màn chiếu	1	

14. Đại học / Điều dưỡng / Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Giường bệnh	37	
6.	Máy đo điện tim 3 cần	1	
7.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	1	
8.	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số	1	
9.	Máy đo SpO2	4	
10.	Âm thoa	1	
11.	Búa phản xạ	1	
12.	Huyết áp kế cơ	3	
13.	Máy đo huyết áp điện tử	2	
14.	Máy hút dịch vết thương	5	
15.	Khung kéo tạ	1	
16.	Khung kê chân inox	3	
17.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	

15. Đại học / Điều dưỡng / Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Giảng đường	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Giường bệnh	30	
6.	Máy đo điện tim 3 cần	1	
7.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	2	
8.	Máy truyền dịch Infusomat	1	
9.	Máy đo SpO2	4	
10.	Máy bơm tiêm điện	3	
11.	Bộ đèn đặt nội khí quản	1	
12.	Xe đẩy cấp cứu	1	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
13.	Huyết áp kế cơ	2	
14.	Máy đo huyết áp điện tử	2	
15.	Máy thử đường huyết	2	
16.	Máy phun khí dung	4	
17.	Máy hút đàm	1	
18.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	

16. Đại học / Điều dưỡng / Chăm sóc cho người bệnh cần được phục hồi chức năng

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Giảng đường	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Máy siêu âm điều trị đa tần 1-3Mhz	2	
6.	Hệ thống kích thích điện kết hợp đo trương lực cơ (EMG)	1	
7.	Máy kéo lưng, kéo cổ	1	
8.	Máy sóng ngắn trị liệu	1	
9.	Máy đo SpO2	1	
10.	Giường tập vật lý trị liệu	4	
11.	Ghế tập cơ đùi inox lớn	1	
12.	Gương soi sửa dáng	1	
13.	Xe đạp cải tiến có lực kháng	1	
14.	Đèn hồng ngoại	3	
15.	Đèn hồng ngoại tự động Phana	1	
16.	Bóng tập	2	
17.	Huyết áp kế cơ	1	
18.	Máy đo huyết áp điện tử	1	
19.	Xe đạp tập tại chỗ	1	
20.	Ghế tập mạnh tay chân	1	
21.	Búa phản xạ	1	
22.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	
23.	Máy điện trị liệu BTL	1	

17. Đại học / Điều dưỡng (liên thông) / Thực tế tốt nghiệp

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Giường bệnh	74	
6.	Máy bơm tiêm điện	10	
7.	Huyết áp kế cơ	11	
8.	Máy đo huyết áp điện tử	6	
9.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	6	
10.	Máy đo SpO2	4	
11.	Máy đo điện tim 3 cần	2	
12.	Xe đẩy cấp cứu	2	
13.	Máy phun khí dung	2	
14.	Máy thử đường huyết	8	
15.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	4	

18. Đại học / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Thực hành bệnh viện 3

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Bàn mổ	10	
6.	Hệ thống máy gây mê	7	
7.	Máy điện tim 3 cần	1	
8.	Máy gây mê kèm giúp thở người lớn/ trẻ em	12	
9.	Monitor theo dõi người bệnh trong phẫu thuật (5 thông số, 6 thông số, ≥ 8 thông số kèm khí mê)	29	
10.	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO2 (EtCO2)	7	
11.	Máy đo SpO2	3	
12.	Máy bơm tiêm điện	13	
13.	Máy truyền dịch	2	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
14.	Máy giúp thở	1	
15.	Máy sưởi ấm bệnh nhân	11	
16.	Xe thuốc gây mê	14	

19. Đại học / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Thực hành bệnh viện 4

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Bàn mổ	10	
6.	Hệ thống máy gây mê	7	
7.	Máy điện tim 3 cần	1	
8.	Máy gây mê kèm giúp thở người lớn/ trẻ em	12	
9.	Monitor theo dõi người bệnh trong phẫu thuật (5 thông số, 6 thông số, ≥ 8 thông số kèm khí mê)	29	
10.	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO2 (EtCO2)	7	
11.	Máy đo SpO2	3	
12.	Máy bơm tiêm điện	13	
13.	Máy truyền dịch	2	
14.	Máy giúp thở	1	
15.	Máy sưởi ấm bệnh nhân	11	
16.	Xe thuốc gây mê	14	

20. Đại học / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Thực hành bệnh viện 5

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Bàn mổ	10	
6.	Hệ thống máy gây mê	7	
7.	Máy điện tim 3 cần	1	
8.	Máy gây mê kèm giúp thở người lớn/ trẻ em	12	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
9.	Monitor theo dõi người bệnh trong phẫu thuật (5 thông số, 6 thông số, ≥ 8 thông số kèm khí mê)	29	
10.	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO2 (EtCO2)	7	
11.	Máy đo SpO2	3	
12.	Máy bơm tiêm điện	13	
13.	Máy truyền dịch	2	
14.	Máy giúp thở	1	
15.	Máy sưởi ấm bệnh nhân	11	
16.	Xe thuốc gây mê	14	

21. Đại học / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Thực hành bệnh viện - Gây mê hồi sức chuyên khoa phụ sản

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Bàn mổ	10	
6.	Hệ thống máy gây mê	7	
7.	Máy điện tim 3 cần	1	
8.	Máy gây mê kèm giúp thở người lớn/ trẻ em	12	
9.	Monitor theo dõi người bệnh trong phẫu thuật (5 thông số, 6 thông số, ≥ 8 thông số kèm khí mê)	29	
10.	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO2 (EtCO2)	7	
11.	Máy đo SpO2	3	
12.	Máy bơm tiêm điện	13	
13.	Máy truyền dịch	2	
14.	Máy giúp thở	1	
15.	Máy sưởi ấm bệnh nhân	11	
16.	Xe thuốc gây mê	14	

22. Đại học / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Thực hành bệnh viện - Gây mê hồi sức chuyên khoa ngoại tổng quát

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Bàn mổ	10	
6.	Hệ thống máy gây mê	7	
7.	Máy điện tim 3 cần	1	
8.	Máy gây mê kèm giúp thở người lớn/ trẻ em	12	
9.	Monitor theo dõi người bệnh trong phẫu thuật (5 thông số, 6 thông số, ≥ 8 thông số kèm khí mê)	29	
10.	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO2 (EtCO2)	7	
11.	Máy đo SpO2	3	
12.	Máy bơm tiêm điện	13	
13.	Máy truyền dịch	2	
14.	Máy giúp thở	1	
15.	Máy sưởi ấm bệnh nhân	11	
16.	Xe thuốc gây mê	14	

23. Đại học / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Thực hành bệnh viện - Gây mê hồi sức trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình – thần kinh

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Bàn mổ	10	
6.	Hệ thống máy gây mê	7	
7.	Máy điện tim 3 cần	1	
8.	Máy gây mê kèm giúp thở người lớn/ trẻ em	12	
9.	Monitor theo dõi người bệnh trong phẫu thuật (5 thông số, 6 thông số, ≥ 8 thông số kèm khí mê)	29	
10.	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO2 (EtCO2)	7	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
11.	Máy đo SpO2	3	
12.	Máy bơm tiêm điện	13	
13.	Máy truyền dịch	2	
14.	Máy giúp thở	1	
15.	Máy sưởi ấm bệnh nhân	11	
16.	Xe thuốc gây mê	14	

24. Đại học / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Thực tập tốt nghiệp 1

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Bàn mổ	10	
6.	Hệ thống máy gây mê	7	
7.	Máy điện tim 3 cần	1	
8.	Máy gây mê kèm giúp thở người lớn/ trẻ em	12	
9.	Monitor theo dõi người bệnh trong phẫu thuật (5 thông số, 6 thông số, ≥ 8 thông số kèm khí mê)	29	
10.	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO2 (EtCO2)	7	
11.	Máy đo SpO2	3	
12.	Máy bơm tiêm điện	13	
13.	Máy truyền dịch	2	
14.	Máy giúp thở	1	
15.	Máy sưởi ấm bệnh nhân	11	
16.	Xe thuốc gây mê	14	

25. Đại học / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Thực tập tốt nghiệp 2

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Bàn mổ	10	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
6.	Hệ thống máy gây mê	7	
7.	Máy điện tim 3 cần	1	
8.	Máy gây mê kèm giúp thở người lớn/ trẻ em	12	
9.	Monitor theo dõi người bệnh trong phẫu thuật (5 thông số, 6 thông số, ≥ 8 thông số kèm khí mê)	29	
10.	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO2 (EtCO2)	7	
11.	Máy đo SpO2	3	
12.	Máy bơm tiêm điện	13	
13.	Máy truyền dịch	2	
14.	Máy giúp thở	1	
15.	Máy sưởi ấm bệnh nhân	11	
16.	Xe thuốc gây mê	14	

26. Đại học / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Thực hành bệnh viện – Gây mê hồi sức cơ bản

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Bàn mổ	10	
6.	Hệ thống máy gây mê	7	
7.	Máy điện tim 3 cần	1	
8.	Máy gây mê kèm giúp thở người lớn/ trẻ em	12	
9.	Monitor theo dõi người bệnh trong phẫu thuật (5 thông số, 6 thông số, ≥ 8 thông số kèm khí mê)	29	
10.	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO2 (EtCO2)	7	
11.	Máy đo SpO2	3	
12.	Máy bơm tiêm điện	13	
13.	Máy truyền dịch	2	
14.	Máy giúp thở	1	
15.	Máy sưởi ấm bệnh nhân	11	
16.	Xe thuốc gây mê	14	

27. Đại học / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Thực hành bệnh viện – Gây mê hồi sức chuyên khoa và bệnh lý

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Bàn mổ	10	
6.	Hệ thống máy gây mê	7	
7.	Máy điện tim 3 cần	1	
8.	Máy gây mê kèm giúp thở người lớn/ trẻ em	12	
9.	Monitor theo dõi người bệnh trong phẫu thuật (5 thông số, 6 thông số, ≥ 8 thông số kèm khí mê)	29	
10.	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO2 (EtCO2)	7	
11.	Máy đo SpO2	3	
12.	Máy bơm tiêm điện	13	
13.	Máy truyền dịch	2	
14.	Máy giúp thở	1	
15.	Máy sưởi ấm bệnh nhân	11	
16.	Xe thuốc gây mê	14	

28. Đại học (liên thông) / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Thực hành bệnh viện 3

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Bàn mổ	10	
6.	Hệ thống máy gây mê	7	
7.	Máy điện tim 3 cần	1	
8.	Máy gây mê kèm giúp thở người lớn/ trẻ em	12	
9.	Monitor theo dõi người bệnh trong phẫu thuật (5 thông số, 6 thông số, ≥ 8 thông số kèm khí mê)	29	
10.	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO2 (EtCO2)	7	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
11.	Máy đo SpO2	3	
12.	Máy bơm tiêm điện	13	
13.	Máy truyền dịch	2	
14.	Máy giúp thở	1	
15.	Máy sưởi ấm bệnh nhân	11	
16.	Xe thuốc gây mê	14	

29. Đại học (liên thông) / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Gây mê hồi sức trong phẫu thuật ngoại tổng quát

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Bàn mổ	10	
6.	Hệ thống máy gây mê	7	
7.	Máy điện tim 3 cần	1	
8.	Máy gây mê kèm giúp thở người lớn/ trẻ em	12	
9.	Monitor theo dõi người bệnh trong phẫu thuật (5 thông số, 6 thông số, ≥ 8 thông số kèm khí mê)	29	
10.	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO2 (EtCO2)	7	
11.	Máy đo SpO2	3	
12.	Máy bơm tiêm điện	13	
13.	Máy truyền dịch	2	
14.	Máy giúp thở	1	
15.	Máy sưởi ấm bệnh nhân	11	
16.	Xe thuốc gây mê	14	

30. Đại học (liên thông) / Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức / Thực tập tốt nghiệp

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
4.	Màn chiếu	1	
5.	Bàn mổ	10	
6.	Hệ thống máy gây mê	7	
7.	Máy điện tim 3 cần	1	
8.	Máy gây mê kèm giúp thở người lớn/ trẻ em	12	
9.	Monitor theo dõi người bệnh trong phẫu thuật (5 thông số, 6 thông số, ≥ 8 thông số kèm khí mê)	29	
10.	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO2 (EtCO2)	7	
11.	Máy đo SpO2	3	
12.	Máy bơm tiêm điện	13	
13.	Máy truyền dịch	2	
14.	Máy giúp thở	1	
15.	Máy sưởi ấm bệnh nhân	11	
16.	Xe thuốc gây mê	14	

31. Đại học / Điều dưỡng chuyên ngành Hộ sinh / Chăm sóc sức khỏe người bệnh nội khoa

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Giường bệnh	20	
6.	Máy đo điện tim 3 cần	1	
7.	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số	1	
8.	Máy đo SpO2	3	
9.	Huyết áp kế cơ	5	
10.	Máy đo huyết áp điện tử	1	
11.	Máy hút dịch vết thương	1	
12.	Đèn đặt nội khí quản	1	
13.	Đèn sưởi	1	
14.	Máy phun khí dung	2	
15.	Nhiệt kế điện tử (cặp nách)	6	
16.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	2	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
17.	Xe đẩy tiêm thuốc	6	
18.	Máy làm ấm máu và dịch truyền	2	
19.	Máy thử đường huyết	5	
20.	Máy thử keton	1	

32. Đại học / Điều dưỡng chuyên ngành Hộ sinh / Chăm sóc người bệnh hồi sức và chăm sóc tích cực sản phụ khoa

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Giường bệnh	48	
6.	Máy đo điện tim 3 cần	2	
7.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	7	
8.	Monitor theo dõi sản khoa- đơn thai	3	
9.	Máy đo SpO2	7	
10.	Huyết áp kế cơ	7	
11.	Máy đo huyết áp điện tử	3	
12.	Đèn đặt nội khí quản	3	
13.	Đèn sưởi	1	
14.	Máy phun khí dung	1	
15.	Nhiệt kế điện tử (cặp nách)	2	
16.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	2	
17.	Xe đẩy tiêm thuốc	15	
18.	Máy làm ấm máu và dịch truyền	2	
19.	Máy truyền dịch (Máy đếm giọt)	5	
20.	Máy sốc tim	1	

33. Đại học / Kỹ thuật hình ảnh y học / Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 1 (phần sọ não, cột sống, cơ xương khớp)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Máy cộng hưởng từ Siemens Magnetom Avanto	1	
6.	Máy cộng hưởng từ Siemens 3 Tesla	1	
7.	Máy in phim	2	
8.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	
9.	Xe tiêm inox 2 tầng	1	
10.	Máy bơm tiêm điện	1	
11.	Máy đo huyết áp điện tử	1	

34. Đại học / Kỹ thuật hình ảnh y học / Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 2 (phần bụng, chậu, tim mạch, tuyến vú)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Máy cộng hưởng từ Siemens Magnetom Avanto	1	
6.	Máy cộng hưởng từ Siemens 3 Tesla	1	
7.	Máy in phim	2	
8.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	
9.	Xe tiêm inox 2 tầng	1	
10.	Máy bơm tiêm điện	1	
11.	Máy đo huyết áp điện tử	1	

35. Đại học / Kỹ thuật hình ảnh y học / Triệu chứng học hình ảnh cộng hưởng từ

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Máy cộng hưởng từ Siemens Magnetom Avanto	1	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
6.	Máy cộng hưởng từ Siemens 3 Tesla	1	
7.	Máy in phim	2	
8.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	
9.	Xe tiêm inox 2 tầng	1	
10.	Máy bơm tiêm điện	1	
11.	Máy đo huyết áp điện tử	1	

36. Đại học / Kỹ thuật hình ảnh y học / Kỹ thuật hình ảnh cập nhật

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Máy đo bức xạ (máy đo phóng xạ điện tử hiện số)	1	
6.	Máy spect Symbia E	1	
7.	Máy in phim AGFA	1	
8.	Máy đo liều Inspector	1	
9.	Bảng chì	1	
10.	Huyết áp kế cơ	1	
11.	Máy bơm tiêm điện	1	
12.	Hệ thống CT 64 lớp cắt	2	
13.	Hệ thống CT 128 lớp cắt	1	
14.	Máy in phim	3	
15.	Máy bơm thuốc	1	

37. Đại học / Kỹ thuật hình ảnh y học / Thực hành bệnh viện 4 (Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Máy cộng hưởng từ Siemens Magnetom Avanto	1	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
6.	Máy cộng hưởng từ Siemens 3 Tesla	1	
7.	Máy in phim	2	
8.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	
9.	Xe tiêm inox 2 tầng	1	
10.	Máy bơm tiêm điện	1	
11.	Máy đo huyết áp điện tử	1	

38. Đại học / Kỹ thuật hình ảnh y học / Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính cơ bản

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Hệ thống CT 64 lớp cắt	2	
6.	Hệ thống CT 128 lớp cắt	1	
7.	Xe tiêm inox 2 tầng	2	
8.	Máy bơm tiêm điện	1	
9.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	
10.	Đèn đọc phim (loại 4 phim)	1	
11.	Đèn đọc phim (loại 8 phim)	1	
12.	Máy in phim	3	
13.	Máy bơm thuốc	1	
14.	Huyết áp kế cơ	1	
15.	Máy đo huyết áp điện tử	1	

39. Đại học / Kỹ thuật hình ảnh y học / Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ cơ bản

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Máy cộng hưởng từ Siemens Magnetom Avanto	1	
6.	Máy cộng hưởng từ Siemens 3 Tesla	1	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
7.	Máy in phim	2	
8.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	
9.	Xe tiêm inox 2 tầng	1	
10.	Máy bơm tiêm điện	1	
11.	Máy đo huyết áp điện tử	1	

40. Đại học / Kỹ thuật hình ảnh y học / Triệu chứng học hình ảnh cắt lớp vi tính + Triệu chứng học hình ảnh cộng hưởng từ

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Máy cộng hưởng từ Siemens Magnetom Avanto	1	Phòng chụp MRI
6.	Máy cộng hưởng từ Siemens 3 Tesla	1	Phòng chụp MRI
7.	Máy in phim	2	Phòng chụp MRI
8.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	Phòng chụp MRI
9.	Xe tiêm inox 2 tầng	1	Phòng chụp MRI
10.	Máy bơm tiêm điện	1	Phòng chụp MRI
11.	Máy đo huyết áp điện tử	1	Phòng chụp MRI
12.	Hệ thống CT 64 lớp cắt	2	Phòng chụp CT-Scan
13.	Hệ thống CT 128 lớp cắt	1	Phòng chụp CT-Scan
14.	Xe tiêm inox 2 tầng	2	Phòng chụp CT-Scan
15.	Máy bơm tiêm điện	1	Phòng chụp CT-Scan
16.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	Phòng chụp CT-Scan
17.	Đèn đọc phim (loại 4 phim)	1	Phòng chụp CT-Scan
18.	Đèn đọc phim (loại 8 phim)	1	Phòng chụp CT-Scan
19.	Máy in phim	3	Phòng chụp CT-Scan
20.	Máy bơm thuốc	1	Phòng chụp CT-Scan
21.	Huyết áp kế cơ	1	Phòng chụp CT-Scan
22.	Máy đo huyết áp điện tử	1	Phòng chụp CT-Scan

41. Đại học / Kỹ thuật hình ảnh y học / Thực hành bệnh viện (Kỹ thuật chụp X quang cắt lớp vi tính)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Hệ thống CT 64 lớp cắt	2	
6.	Hệ thống CT 128 lớp cắt	1	
7.	Xe tiêm inox 2 tầng	2	
8.	Máy bơm tiêm điện	1	
9.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	
10.	Đèn đọc phim (loại 4 phim)	1	
11.	Đèn đọc phim (loại 8 phim)	1	
12.	Máy in phim	3	
13.	Máy bơm thuốc	1	
14.	Huyết áp kế cơ	1	
15.	Máy đo huyết áp điện tử	1	

42. Đại học / Kỹ thuật hình ảnh y học / Thực hành bệnh viện (Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Máy cộng hưởng từ Siemens Magnetom Avanto	1	
6.	Máy cộng hưởng từ Siemens 3 Tesla	1	
7.	Máy in phim	2	
8.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	
9.	Xe tiêm inox 2 tầng	1	
10.	Máy bơm tiêm điện	1	
11.	Máy đo huyết áp điện tử	1	

43. Đại học / Kỹ thuật hình ảnh y học / Thực tập tốt nghiệp

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	Phòng chụp MRI
6.	Máy bơm tiêm điện	1	Phòng chụp MRI
7.	Máy cộng hưởng từ Siemens 3 Tesla	1	Phòng chụp MRI
8.	Máy cộng hưởng từ Siemens Magnetom Avanto	1	Phòng chụp MRI
9.	Máy đo huyết áp điện tử	1	Phòng chụp MRI
10.	Máy in phim	2	Phòng chụp MRI
11.	Xe tiêm inox 2 tầng	1	Phòng chụp MRI
12.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	Phòng chụp CT-Scan
13.	Đèn đọc phim (loại 4 phim)	1	Phòng chụp CT-Scan
14.	Đèn đọc phim (loại 8 phim)	1	Phòng chụp CT-Scan
15.	Hệ thống CT 128 lớp cắt	1	Phòng chụp CT-Scan
16.	Hệ thống CT 64 lớp cắt	2	Phòng chụp CT-Scan
17.	Huyết áp kế cơ	1	Phòng chụp CT-Scan
18.	Máy bơm thuốc	1	Phòng chụp CT-Scan
19.	Máy bơm tiêm điện	1	Phòng chụp CT-Scan
20.	Máy đo huyết áp điện tử	1	Phòng chụp CT-Scan
21.	Máy in phim	3	Phòng chụp CT-Scan
22.	Xe tiêm inox 2 tầng	2	Phòng chụp CT-Scan
23.	Đèn đọc phim	1	Phòng chụp X quang
24.	Hệ thống CR	1	Phòng chụp X quang
25.	Hệ thống thông người bệnh HIS/RIS	1	Phòng chụp X quang
26.	Màn hình Barco (NiO 2MP-1H) 9385404951	6	Phòng chụp X quang
27.	Máy in phim	11	Phòng chụp X quang
28.	Máy nhập thông tin	1	Phòng chụp X quang
29.	Máy quét Project CS Plus	1	Phòng chụp X quang
30.	Máy X quang cao tần Quantum	1	Phòng chụp X quang
31.	Máy X quang cao tần SHIMADZU 150KV-500mA	1	Phòng chụp X quang
32.	Máy X quang COMPAX GE 150 KV-500 mA	1	Phòng chụp X quang

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
33.	Máy X quang di động Mobile Art eco	2	Phòng chụp X quang
34.	Máy X quang tăng sáng truyền hình	1	Phòng chụp X quang
35.	Máy X-quang	4	Phòng chụp X quang
36.	Tấm chắn tia	1	Phòng chụp X quang

44. Đại học (liên thông) / Kỹ thuật hình ảnh y học / Triệu chứng học hình ảnh cắt lớp vi tính

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	
6.	Đèn đọc phim (loại 4 phim)	1	
7.	Đèn đọc phim (loại 8 phim)	1	
8.	Hệ thống CT 128 lớp cắt	1	
9.	Hệ thống CT 64 lớp cắt	2	
10.	Huyết áp kế cơ	1	
11.	Máy bơm thuốc	1	
12.	Máy bơm tiêm điện	1	
13.	Máy đo huyết áp điện tử	1	
14.	Máy in phim	3	
15.	Xe tiêm inox 2 tầng	2	

45. Đại học (liên thông) / Kỹ thuật hình ảnh y học / Triệu chứng học hình ảnh cộng hưởng từ

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	
6.	Máy bơm tiêm điện	1	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
7.	Máy cộng hưởng từ Siemens 3 Tesla	1	
8.	Máy cộng hưởng từ Siemens Magnetom Avanto	1	
9.	Máy đo huyết áp điện tử	1	
10.	Máy in phim	2	
11.	Xe tiêm inox 2 tầng	1	

46. Đại học (liên thông) / Kỹ thuật hình ảnh y học / Kỹ thuật hình ảnh cập nhật

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Máy đo bức xạ (máy đo phóng xạ điện tử hiện số)	1	
6.	Máy spect Symbia E	1	
7.	Máy in phim AGFA	1	
8.	Máy đo liều Inspector	1	
9.	Bảng chì	1	
10.	Huyết áp kế cơ	1	
11.	Máy bơm tiêm điện	1	
12.	Hệ thống CT 64 lớp cắt	2	
13.	Hệ thống CT 128 lớp cắt	1	
14.	Máy in phim	3	
15.	Máy bơm thuốc	1	

47. Đại học (liên thông) / Kỹ thuật hình ảnh y học / Thực hành bệnh viện 4 (cộng hưởng từ)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	
6.	Máy bơm tiêm điện	1	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
7.	Máy cộng hưởng từ Siemens 3 Tesla	1	
8.	Máy cộng hưởng từ Siemens Magnetom Avanto	1	
9.	Máy đo huyết áp điện tử	1	
10.	Máy in phim	2	
11.	Xe tiêm inox 2 tầng	1	

48. Đại học (liên thông) / Kỹ thuật hình ảnh y học / Triệu chứng học hình ảnh cắt lớp vi tính + Triệu chứng học hình ảnh cộng hưởng từ

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	Phòng chụp MRI
6.	Máy bơm tiêm điện	1	Phòng chụp MRI
7.	Máy cộng hưởng từ Siemens 3 Tesla	1	Phòng chụp MRI
8.	Máy cộng hưởng từ Siemens Magnetom Avanto	1	Phòng chụp MRI
9.	Máy đo huyết áp điện tử	1	Phòng chụp MRI
10.	Máy in phim	2	Phòng chụp MRI
11.	Xe tiêm inox 2 tầng	1	Phòng chụp MRI
12.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	Phòng chụp CT-Scan
13.	Đèn đọc phim (loại 4 phim)	1	Phòng chụp CT-Scan
14.	Đèn đọc phim (loại 8 phim)	1	Phòng chụp CT-Scan
15.	Hệ thống CT 128 lớp cắt	1	Phòng chụp CT-Scan
16.	Hệ thống CT 64 lớp cắt	2	Phòng chụp CT-Scan
17.	Huyết áp kế cơ	1	Phòng chụp CT-Scan
18.	Máy bơm thuốc	1	Phòng chụp CT-Scan
19.	Máy bơm tiêm điện	1	Phòng chụp CT-Scan
20.	Máy đo huyết áp điện tử	1	Phòng chụp CT-Scan
21.	Máy in phim	3	Phòng chụp CT-Scan
22.	Xe tiêm inox 2 tầng	2	Phòng chụp CT-Scan

49. Đại học (liên thông) / Kỹ thuật hình ảnh y học / Kỹ thuật hình ảnh cập nhật

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	Phòng chụp MRI
6.	Máy bơm tiêm điện	1	Phòng chụp MRI
7.	Máy cộng hưởng từ Siemens 3 Tesla	1	Phòng chụp MRI
8.	Máy cộng hưởng từ Siemens Magnetom Avanto	1	Phòng chụp MRI
9.	Máy đo huyết áp điện tử	1	Phòng chụp MRI
10.	Máy in phim	2	Phòng chụp MRI
11.	Xe tiêm inox 2 tầng	1	Phòng chụp MRI
12.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	Phòng chụp CT-Scan
13.	Đèn đọc phim (loại 4 phim)	1	Phòng chụp CT-Scan
14.	Đèn đọc phim (loại 8 phim)	1	Phòng chụp CT-Scan
15.	Hệ thống CT 128 lớp cắt	1	Phòng chụp CT-Scan
16.	Hệ thống CT 64 lớp cắt	2	Phòng chụp CT-Scan
17.	Huyết áp kế cơ	1	Phòng chụp CT-Scan
18.	Máy bơm thuốc	1	Phòng chụp CT-Scan
19.	Máy bơm tiêm điện	1	Phòng chụp CT-Scan
20.	Máy đo huyết áp điện tử	1	Phòng chụp CT-Scan
21.	Máy in phim	3	Phòng chụp CT-Scan
22.	Xe tiêm inox 2 tầng	2	Phòng chụp CT-Scan

50. Đại học (liên thông) / Kỹ thuật hình ảnh y học / Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính và chụp cộng hưởng từ tim mạch

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	Phòng chụp MRI
6.	Máy bơm tiêm điện	1	Phòng chụp MRI

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
7.	Máy cộng hưởng từ Siemens 3 Tesla	1	Phòng chụp MRI
8.	Máy cộng hưởng từ Siemens Magnetom Avanto	1	Phòng chụp MRI
9.	Máy đo huyết áp điện tử	1	Phòng chụp MRI
10.	Máy in phim	2	Phòng chụp MRI
11.	Xe tiêm inox 2 tầng	1	Phòng chụp MRI
12.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	Phòng chụp CT-Scan
13.	Đèn đọc phim (loại 4 phim)	1	Phòng chụp CT-Scan
14.	Đèn đọc phim (loại 8 phim)	1	Phòng chụp CT-Scan
15.	Hệ thống CT 128 lớp cắt	1	Phòng chụp CT-Scan
16.	Hệ thống CT 64 lớp cắt	2	Phòng chụp CT-Scan
17.	Huyết áp kế cơ	1	Phòng chụp CT-Scan
18.	Máy bơm thuốc	1	Phòng chụp CT-Scan
19.	Máy bơm tiêm điện	1	Phòng chụp CT-Scan
20.	Máy đo huyết áp điện tử	1	Phòng chụp CT-Scan
21.	Máy in phim	3	Phòng chụp CT-Scan
22.	Xe tiêm inox 2 tầng	2	Phòng chụp CT-Scan

51. Đại học (liên thông) / Kỹ thuật hình ảnh y học / Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ thần kinh - cơ xương khớp

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	Phòng chụp MRI
6.	Máy bơm tiêm điện	1	Phòng chụp MRI
7.	Máy cộng hưởng từ Siemens 3 Tesla	1	Phòng chụp MRI
8.	Máy cộng hưởng từ Siemens Magnetom Avanto	1	Phòng chụp MRI
9.	Máy đo huyết áp điện tử	1	Phòng chụp MRI
10.	Máy in phim	2	Phòng chụp MRI
11.	Xe tiêm inox 2 tầng	1	Phòng chụp MRI

52. Đại học (liên thông) / Kỹ thuật hình ảnh y học / Thực hành học phần bổ sung

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	Phòng chụp MRI
6.	Máy bơm tiêm điện	1	Phòng chụp MRI
7.	Máy cộng hưởng từ Siemens 3 Tesla	1	Phòng chụp MRI
8.	Máy cộng hưởng từ Siemens Magnetom Avanto	1	Phòng chụp MRI
9.	Máy đo huyết áp điện tử	1	Phòng chụp MRI
10.	Máy in phim	2	Phòng chụp MRI
11.	Xe tiêm inox 2 tầng	1	Phòng chụp MRI
12.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	Phòng chụp CT-Scan
13.	Đèn đọc phim (loại 4 phim)	1	Phòng chụp CT-Scan
14.	Đèn đọc phim (loại 8 phim)	1	Phòng chụp CT-Scan
15.	Hệ thống CT 128 lớp cắt	1	Phòng chụp CT-Scan
16.	Hệ thống CT 64 lớp cắt	2	Phòng chụp CT-Scan
17.	Huyết áp kế cơ	1	Phòng chụp CT-Scan
18.	Máy bơm thuốc	1	Phòng chụp CT-Scan
19.	Máy bơm tiêm điện	1	Phòng chụp CT-Scan
20.	Máy đo huyết áp điện tử	1	Phòng chụp CT-Scan
21.	Máy in phim	3	Phòng chụp CT-Scan
22.	Xe tiêm inox 2 tầng	2	Phòng chụp CT-Scan

53. Đại học / Kỹ thuật phục hồi chức năng (vật lý trị liệu) / Thực tập lâm sàng vật lý trị liệu Tim mạch – Hô hấp

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Giảng đường	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Bóng tập	2	
6.	Búa phản xạ	1	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
7.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	
8.	Đèn hồng ngoại	3	
9.	Đèn hồng ngoại tự động Phana	1	
10.	Ghế tập cơ đùi inox lớn	1	
11.	Ghế tập mạnh tay chân	1	
12.	Giường tập vật lý trị liệu	4	
13.	Gương soi sửa dáng	1	
14.	Hệ thống kích thích điện kết hợp đo trương lực cơ (EMG)	1	
15.	Huyết áp kế cơ	1	
16.	Máy điện trị liệu BTL	1	
17.	Máy đo huyết áp điện tử	1	
18.	Máy đo SpO2	1	
19.	Máy kéo lưng, kéo cổ	1	
20.	Máy siêu âm điều trị đa tần 1-3Mhz	2	
21.	Máy sóng ngắn trị liệu	1	
22.	Xe đạp cải tiến có lực kháng	1	
23.	Xe đạp tập tại chỗ	1	

54. Đại học / Kỹ thuật phục hồi chức năng (vật lý trị liệu) / Thực tế tốt nghiệp 1

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Giảng đường	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Bóng tập	2	
6.	Búa phản xạ	1	
7.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	
8.	Đèn hồng ngoại	3	
9.	Đèn hồng ngoại tự động Phana	1	
10.	Ghế tập cơ đùi inox lớn	1	
11.	Ghế tập mạnh tay chân	1	
12.	Giường tập vật lý trị liệu	4	
13.	Gương soi sửa dáng	1	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
14.	Hệ thống kích thích điện kết hợp đo trương lực cơ (EMG)	1	
15.	Huyết áp kế cơ	1	
16.	Máy điện trị liệu BTL	1	
17.	Máy đo huyết áp điện tử	1	
18.	Máy đo SpO2	1	
19.	Máy kéo lưng, kéo cổ	1	
20.	Máy siêu âm điều trị đa tần 1-3Mhz	2	
21.	Máy sóng ngắn trị liệu	1	
22.	Xe đạp cải tiến có lực kháng	1	
23.	Xe đạp tập tại chỗ	1	

55. Đại học / Kỹ thuật phục hồi chức năng (vật lý trị liệu) / Thực tế tốt nghiệp 1

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Giảng đường	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Bóng tập	2	
6.	Búa phản xạ	1	
7.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	
8.	Đèn hồng ngoại	3	
9.	Đèn hồng ngoại tự động Phana	1	
10.	Ghế tập cơ đùi inox lớn	1	
11.	Ghế tập mạnh tay chân	1	
12.	Giường tập vật lý trị liệu	4	
13.	Gương soi sửa dáng	1	
14.	Hệ thống kích thích điện kết hợp đo trương lực cơ (EMG)	1	
15.	Huyết áp kế cơ	1	
16.	Máy điện trị liệu BTL	1	
17.	Máy đo huyết áp điện tử	1	
18.	Máy đo SpO2	1	
19.	Máy kéo lưng, kéo cổ	1	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
20.	Máy siêu âm điều trị đa tần 1-3Mhz	2	
21.	Máy sóng ngắn trị liệu	1	
22.	Xe đạp cải tiến có lực kháng	1	
23.	Xe đạp tập tại chỗ	1	

56. Đại học (liên thông) / Kỹ thuật phục hồi chức năng (Hoạt động trị liệu) / Thực tập lâm sàng 3

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Giảng đường	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Bóng tập	2	
6.	Búa phản xạ	1	
7.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	
8.	Đèn hồng ngoại	3	
9.	Đèn hồng ngoại tự động Phana	1	
10.	Ghế tập cơ đùi inox lớn	1	
11.	Ghế tập mạnh tay chân	1	
12.	Giường tập vật lý trị liệu	4	
13.	Gương soi sửa dáng	1	
14.	Hệ thống kích thích điện kết hợp đo trương lực cơ (EMG)	1	
15.	Huyết áp kế cơ	1	
16.	Máy điện trị liệu BTL	1	
17.	Máy đo huyết áp điện tử	1	
18.	Máy đo SpO2	1	
19.	Máy kéo lưng, kéo cổ	1	
20.	Máy siêu âm điều trị đa tần 1-3Mhz	2	
21.	Máy sóng ngắn trị liệu	1	
22.	Xe đạp cải tiến có lực kháng	1	
23.	Xe đạp tập tại chỗ	1	

57. Đại học (liên thông) / Kỹ thuật phục hồi chức năng (Hoạt động trị liệu) / Thực tế tốt nghiệp

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Giảng đường	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Bóng tập	2	
6.	Búa phản xạ	1	
7.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	
8.	Đèn hồng ngoại	3	
9.	Đèn hồng ngoại tự động Phana	1	
10.	Ghế tập cơ đùi inox lớn	1	
11.	Ghế tập mạnh tay chân	1	
12.	Giường tập vật lý trị liệu	4	
13.	Gương soi sửa dáng	1	
14.	Hệ thống kích thích điện kết hợp đo trương lực cơ (EMG)	1	
15.	Huyết áp kế cơ	1	
16.	Máy điện trị liệu BTL	1	
17.	Máy đo huyết áp điện tử	1	
18.	Máy đo SpO2	1	
19.	Máy kéo lưng, kéo cổ	1	
20.	Máy siêu âm điều trị đa tần 1-3Mhz	2	
21.	Máy sóng ngắn trị liệu	1	
22.	Xe đạp cải tiến có lực kháng	1	
23.	Xe đạp tập tại chỗ	1	

58. Đại học / Kỹ thuật phục hồi chức năng (Hoạt động trị liệu) / Thực tập lâm sàng 3

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Giảng đường	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Bóng tập	2	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
6.	Búa phản xạ	1	
7.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	
8.	Đèn hồng ngoại	3	
9.	Đèn hồng ngoại tự động Phana	1	
10.	Ghế tập cơ đùi inox lớn	1	
11.	Ghế tập mạnh tay chân	1	
12.	Giường tập vật lý trị liệu	4	
13.	Gương soi sửa dáng	1	
14.	Hệ thống kích thích điện kết hợp đo trương lực cơ (EMG)	1	
15.	Huyết áp kế cơ	1	
16.	Máy điện trị liệu BTL	1	
17.	Máy đo huyết áp điện tử	1	
18.	Máy đo SpO2	1	
19.	Máy kéo lưng, kéo cổ	1	
20.	Máy siêu âm điều trị đa tần 1-3Mhz	2	
21.	Máy sóng ngắn trị liệu	1	
22.	Xe đạp cải tiến có lực kháng	1	
23.	Xe đạp tập tại chỗ	1	

59. Đại học / Kỹ thuật phục hồi chức năng (Vật lý trị liệu) / Thực tập lâm sàng vật lý trị liệu cơ xương

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Giảng đường	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Bóng tập	2	
6.	Búa phản xạ	1	
7.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	
8.	Đèn hồng ngoại	3	
9.	Đèn hồng ngoại tự động Phana	1	
10.	Ghế tập cơ đùi inox lớn	1	
11.	Ghế tập mạnh tay chân	1	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
12.	Giường tập vật lý trị liệu	4	
13.	Gương soi sửa dáng	1	
14.	Hệ thống kích thích điện kết hợp đo trương lực cơ (EMG)	1	
15.	Huyết áp kế cơ	1	
16.	Máy điện trị liệu BTL	1	
17.	Máy đo huyết áp điện tử	1	
18.	Máy đo SpO2	1	
19.	Máy kéo lưng, kéo cổ	1	
20.	Máy siêu âm điều trị đa tần 1-3Mhz	2	
21.	Máy sóng ngắn trị liệu	1	
22.	Xe đạp cải tiến có lực kháng	1	
23.	Xe đạp tập tại chỗ	1	

60. Đại học / Kỹ thuật phục hồi chức năng (Vật lý trị liệu) / Thực tập lâm sàng vật lý trị liệu thần kinh – cơ

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Giảng đường	1	
2.	Máy vi tính cố định	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màn chiếu	1	
5.	Bóng tập	2	
6.	Búa phản xạ	1	
7.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	1	
8.	Đèn hồng ngoại	3	
9.	Đèn hồng ngoại tự động Phana	1	
10.	Ghế tập cơ đùi inox lớn	1	
11.	Ghế tập mạnh tay chân	1	
12.	Giường tập vật lý trị liệu	4	
13.	Gương soi sửa dáng	1	
14.	Hệ thống kích thích điện kết hợp đo trương lực cơ (EMG)	1	
15.	Huyết áp kế cơ	1	
16.	Máy điện trị liệu BTL	1	

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
17.	Máy đo huyết áp điện tử	1	
18.	Máy đo SpO2	1	
19.	Máy kéo lưng, kéo cổ	1	
20.	Máy siêu âm điều trị đa tần 1-3Mhz	2	
21.	Máy sóng ngắn trị liệu	1	
22.	Xe đạp cải tiến có lực kháng	1	
23.	Xe đạp tập tại chỗ	1	

61. Đại học (liên thông) / Kỹ thuật xét nghiệm y học / Thực tập tốt nghiệp

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Máy Cell-Dyn Sapphire	1	Phân tích huyết học tự động
2	Máy Advia 2120i	1	Phân tích huyết học tự động
3	Máy Sysmex XN-9000	1	Phân tích huyết học tự động
4	Máy STA® EVOLUTION	1	Phân tích đông máu tự động
5	Máy Therma^{NE}	1	Phân tích máu lắng tự động
6	Máy ACL TOP 700	1	Phân tích đông máu tự động
7	Máy ORTHO AutoVue®Innova	1	Phân tích miễn dịch huyết học
8	Máy Điện di Minicap Flexpiercing	1	Điện di Hemoglobine
9	Máy Rotem® delta	1	Phân tích Đàn hồi cục máu
10	Diana-Grifols	1	Phân tích miễn dịch huyết học
11	WADIANA GRIFOLS	1	Phân tích miễn dịch huyết học
12	Máy Sysmex XN-1000	1	Phân tích huyết học tự động
13	Máy lắc tiểu cầu (Agitator TA-3)	1	Lắc tiểu cầu
14	Máy Cobas 8000-(MPA-E702-E602)	1	Phân tích sinh hóa - miễn dịch tự động
15	Máy Cobas MD E601	1	Phân tích miễn dịch tự động
16	Máy Architect SH-MD Ci16200	1	Phân tích sinh hóa - miễn dịch tự động
17	Máy Architect i2000SR	1	Phân tích miễn dịch tự động
18	Máy Versacell XP1-XP2	1	Phân tích miễn dịch tự động
19	Máy Beckman Coulter AU5822	1	Phân tích sinh hóa tự động
20	Máy Beckman Coulter AU5810	1	Phân tích sinh hóa tự động
21	Máy UniCel DxI 800	1	Phân tích miễn dịch tự động
22	Máy ABL80 FLEX-2	1	Phân tích đo khí máu

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
23	Máy AVL 9180	1	Phân tích Ion đồ
24	Máy TOSOH HLC-723G8	1	Phân tích HbA1C
25	Máy Premier Hb9210	1	Phân tích HbA1C
26	Máy µTAS WAKO i30	1	Phân tích miễn dịch tự động
27	Máy RIDA qLine	1	Lắc, ủ, scan kết quả
28	Máy Cobas u 601	1	Phân tích nước tiểu tự động
29	Máy CLINITEK Novus	1	Phân tích nước tiểu tự động
30	Máy CLINITEK Novus	1	Phân tích nước tiểu tự động
31	Máy BC ROBO-8000 RFID	1	Hệ thống dán nhãn tự động
32	Máy ATELLICA UAS 800	1	Phân tích cặn lắng nước tiểu hoàn toàn tự động
33	Máy Architect i2000SR	1	Phân tích miễn dịch tự động
34	Kính hiển vi 2 đường truyền quang	1	Soi Vi sinh, ký sinh trùng, tế bào
35	Kính hiển vi 3 đường truyền quang	1	Soi Vi sinh, ký sinh trùng, tế bào
36	Phòng học	1	
37	Máy tính (laptop)	1	
38	Máy chiếu	1	
39	Màn chiếu	1	
40	Bảng viết	1	

62. Đại học / Điều dưỡng / Thực tập tốt nghiệp

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	15	
2.	Giảng đường	1	
3.	Máy vi tính cố định	16	
4.	Máy chiếu	16	
5.	Màn chiếu	16	
6.	Giường bệnh	625	
7.	Đèn sưởi hồng ngoại	1	K. Tim mạch can thiệp
8.	Máy bơm tiêm điện	10	K. Tim mạch can thiệp
9.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. Tim mạch can thiệp
10.	Máy đo SpO2	5	K. Tim mạch can thiệp
11.	Máy giúp thở chức năng cao Puritan Bennet 840	1	K. Tim mạch can thiệp
12.	Máy giúp thở không xâm nhập chạy điện	2	K. Tim mạch can thiệp

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
13.	Máy hút đàm	1	K. Tim mạch can thiệp
14.	Máy phun khí dung	5	K. Tim mạch can thiệp
15.	Máy sốc tim lưỡng pha	1	K. Tim mạch can thiệp
16.	Máy thử đường huyết	2	K. Tim mạch can thiệp
17.	Máy ủ ấm dây truyền (máy làm ấm máu)	1	K. Tim mạch can thiệp
18.	Monitor theo dõi bệnh nhân	3	K. Tim mạch can thiệp
19.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	2	K. Tim mạch can thiệp
20.	Thiết bị đo áp lực bóng chèn khí quản	1	K. Tim mạch can thiệp
21.	Thiết bị nệm chống loét	11	K. Tim mạch can thiệp
22.	Xe đẩy cấp cứu	2	K. Tim mạch can thiệp
23.	Xe tiêm thuốc	4	K. Tim mạch can thiệp
24.	Đèn soi mắt BETA 200	1	K. Nội Tổng hợp
25.	Huyết áp kế cơ	5	K. Nội Tổng hợp
26.	Máy bơm tiêm điện	4	K. Nội Tổng hợp
27.	Máy đếm giọt Infusomat	1	K. Nội Tổng hợp
28.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. Nội Tổng hợp
29.	Máy đo huyết áp điện tử	1	K. Nội Tổng hợp
30.	Máy đo SpO2	3	K. Nội Tổng hợp
31.	Máy doppler mạch máu	3	K. Nội Tổng hợp
32.	Máy hút dịch vết thương	1	K. Nội Tổng hợp
33.	Máy làm ấm máu và dịch truyền	2	K. Nội Tổng hợp
34.	Máy phun khí dung	2	K. Nội Tổng hợp
35.	Máy thử đường huyết	3	K. Nội Tổng hợp
36.	Máy thử keton	1	K. Nội Tổng hợp
37.	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số	1	K. Nội Tổng hợp
38.	Nhiệt kế điện tử (cặp nách)	6	K. Nội Tổng hợp
39.	Xe tiêm cấp cứu	1	K. Nội Tổng hợp
40.	Xe tiêm thuốc	5	K. Nội Tổng hợp
41.	Đèn sưởi hồng ngoại	1	K. Tiêu hóa
42.	Huyết áp kế cơ	7	K. Tiêu hóa
43.	Máy bơm tiêm điện	6	K. Tiêu hóa
44.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. Tiêu hóa
45.	Máy đo huyết áp điện tử	2	K. Tiêu hóa
46.	Máy đo SpO2 loại cầm tay	2	K. Tiêu hóa

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
47.	Máy hút dịch	1	K. Tiêu hóa
48.	Máy làm ấm máu và dịch truyền	1	K. Tiêu hóa
49.	Máy phun khí dung	4	K. Tiêu hóa
50.	Máy thử đường huyết	2	K. Tiêu hóa
51.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	2	K. Tiêu hóa
52.	Xe tiêm thuốc	6	K. Tiêu hóa
53.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. Hô hấp
54.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	7	K. Hô hấp
55.	Máy thở không xâm lấn 02 mức áp lực dương	1	K. Hô hấp
56.	Máy thở BiPAP không xâm nhập chạy điện	7	K. Hô hấp
57.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	3	K. Hô hấp
58.	Huyết áp kế cơ	6	K. Hô hấp
59.	Máy đo huyết áp điện tử	3	K. Hô hấp
60.	Máy đo SpO2 loại cầm tay	7	K. Hô hấp
61.	Máy hút dịch	2	K. Hô hấp
62.	Máy phun khí dung	10	K. Hô hấp
63.	Máy thử đường huyết	2	K. Hô hấp
64.	Đèn sưởi hồng ngoại	2	K. Cấp cứu
65.	Hệ thống máy giúp thở di động	2	K. Cấp cứu
66.	Huyết áp kế cơ	14	K. Cấp cứu
67.	Máy bơm tiêm điện	10	K. Cấp cứu
68.	Máy đo điện tim 3 cần	3	K. Cấp cứu
69.	Máy đo huyết áp cơ - động mạch xâm lấn	3	K. Cấp cứu
70.	Máy đo huyết áp điện tử	4	K. Cấp cứu
71.	Máy đo SpO2	11	K. Cấp cứu
72.	Máy giúp thở không xâm nhập chạy điện	1	K. Cấp cứu
73.	Máy hút dịch	1	K. Cấp cứu
74.	Máy làm ấm máu và dịch truyền	2	K. Cấp cứu
75.	Máy phun khí dung	10	K. Cấp cứu
76.	Máy thở cơ động NEWPORT	1	K. Cấp cứu
77.	Máy thở T-Bird Vela	1	K. Cấp cứu
78.	Máy thử đường huyết	7	K. Cấp cứu
79.	Máy thử keton	1	K. Cấp cứu
80.	Monitor theo dõi bệnh nhân (5 thông số, 6 thông	12	K. Cấp cứu

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
	số, thông số thứ 6 IBP)		
81.	Xe tiêm thuốc	3	K. Cấp cứu
82.	Hệ thống máy giúp thở di động cao cấp	1	K. Hồi sức tích cực
83.	Máy bơm thức ăn tự động	5	K. Hồi sức tích cực
84.	Máy bơm tiêm điện	38	K. Hồi sức tích cực
85.	Máy đo điện tim 3 cần	3	K. Hồi sức tích cực
86.	Máy đo SpO2	5	K. Hồi sức tích cực
87.	Máy giúp thở chức năng cao	2	K. Hồi sức tích cực
88.	Máy giúp thở không xâm lấn	1	K. Hồi sức tích cực
89.	Máy giúp thở xâm lấn và không xâm lấn trong hồi sức	2	K. Hồi sức tích cực
90.	Máy làm ấm máu và dịch truyền	7	K. Hồi sức tích cực
91.	Máy lọc máu liên tục	1	K. Hồi sức tích cực
92.	Máy monitor huyết động ADWARDS	1	K. Hồi sức tích cực
93.	Máy phun khí dung	22	K. Hồi sức tích cực
94.	Máy sốc tim	2	K. Hồi sức tích cực
95.	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập dùng khí nén trung tâm	24	K. Hồi sức tích cực
96.	Máy thử đường huyết	4	K. Hồi sức tích cực
97.	Máy thử keton	1	K. Hồi sức tích cực
98.	Máy truyền dịch Infusomat	9	K. Hồi sức tích cực
99.	Monitor theo dõi bệnh nhân (5 thông số, 6 thông số)	39	K. Hồi sức tích cực
100.	Xe đẩy cấp cứu	1	K. Hồi sức tích cực
101.	Xe tiêm thuốc	9	K. Hồi sức tích cực
102.	Bàn mổ	10	K. Gây mê – Hồi sức
103.	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO2 (EtCO2)	7	K. Gây mê – Hồi sức
104.	Đo áp lực nội khí quản	1	K. Gây mê – Hồi sức
105.	Hệ thống máy gây mê	7	K. Gây mê – Hồi sức
106.	Máy điện tim 3 cần	1	K. Gây mê – Hồi sức
107.	Máy đo SpO2	3	K. Gây mê – Hồi sức
108.	Máy gây mê kèm giúp thở người lớn/ trẻ em	12	K. Gây mê – Hồi sức
109.	Máy giúp thở	1	K. Gây mê – Hồi sức
110.	Monitor theo dõi người bệnh trong phẫu thuật (5 thông số, 6 thông số, ≥ 8 thông số kèm khí mê)	29	K. Gây mê – Hồi sức

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
111.	Đèn sưởi hồng ngoại	1	K. Lão – CSGN
112.	Máy bơm tiêm điện	3	K. Lão – CSGN
113.	Máy điện tim 3 cần	1	K. Lão – CSGN
114.	Máy đo SpO2	4	K. Lão – CSGN
115.	Máy hút đàm	1	K. Lão – CSGN
116.	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	2	K. Lão – CSGN
117.	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	2	K. Lão – CSGN
118.	Máy phun khí dung	4	K. Lão – CSGN
119.	Máy truyền dịch Infusomat	1	K. Lão – CSGN
120.	Thiết bị nệm chống loét Seabird	4	K. Lão – CSGN
121.	Xe tiêm cấp cứu	1	K. Lão – CSGN
122.	Xe tiêm thuốc	5	K. Lão – CSGN
123.	Đèn soi mắt BETA 200	1	K. Nội Tổng hợp
124.	Đèn sưởi hồng ngoại	1	K. Nội Tổng hợp
125.	Huyết áp kế cơ	5	K. Nội Tổng hợp
126.	Máy bơm tiêm điện	4	K. Nội Tổng hợp
127.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. Nội Tổng hợp
128.	Máy đo huyết áp điện tử	1	K. Nội Tổng hợp
129.	Máy đo SpO2	3	K. Nội Tổng hợp
130.	Máy hút dịch vết thương	1	K. Nội Tổng hợp
131.	Máy làm ấm máu và dịch truyền	2	K. Nội Tổng hợp
132.	Máy phun khí dung	2	K. Nội Tổng hợp
133.	Máy thử đường huyết	3	K. Nội Tổng hợp
134.	Máy thử keton	1	K. Nội Tổng hợp
135.	Máy truyền dịch Infusomat	1	K. Nội Tổng hợp
136.	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số	1	K. Nội Tổng hợp
137.	Xe tiêm cấp cứu	1	K. Nội Tổng hợp
138.	Xe tiêm thuốc	6	K. Nội Tổng hợp
139.	Huyết áp kế cơ	3	K. CTCH
140.	Máy bơm tiêm điện	6	K. CTCH
141.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. CTCH
142.	Máy đo huyết áp điện tử	2	K. CTCH
143.	Máy đo SpO2	4	K. CTCH
144.	Máy hút dịch vết thương	5	K. CTCH

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
145.	Máy làm ấm máu và dịch truyền	1	K. CTCH
146.	Máy phun khí dung	3	K. CTCH
147.	Máy thử đường huyết	1	K. CTCH
148.	Monitor theo dõi bệnh nhân (5 thông số, 6 thông số)	2	K. CTCH
149.	Nhiệt kế điện tử	1	K. CTCH
150.	Xe tiêm cấp cứu	1	K. CTCH
151.	Xe tiêm thuốc	7	K. CTCH
152.	Đèn sưởi hồng ngoại	2	K. Lồng ngực – Mạch máu
153.	Máy bơm tiêm điện	8	K. LN-MM
154.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. LN-MM
155.	Máy đo huyết áp điện tử	8	K. LN-MM
156.	Máy đo SpO2	3	K. LN-MM
157.	Máy phun khí dung	4	K. LN-MM
158.	Máy thử đường huyết	2	K. LN-MM
159.	Máy truyền dịch Infusomat	1	K. LN-MM
160.	Monitor theo dõi bệnh nhân	2	K. LN-MM
161.	Nhiệt kế điện tử	5	K. LN-MM
162.	Xe tiêm cấp cứu	1	K. LN-MM
163.	Xe tiêm thuốc	5	K. LN-MM
164.	Đèn sưởi hồng ngoại	2	K. Ngoại Gan-Mật- Tụy
165.	Máy bơm tiêm điện	10	K. Ngoại GMT
166.	Máy đo điện tim 3 cần	2	K. Ngoại GMT
167.	Máy đo huyết áp cơ	11	K. Ngoại GMT
168.	Máy đo huyết áp điện tử	6	K. Ngoại GMT
169.	Máy đo SpO2	5	K. Ngoại GMT
170.	Máy phun khí dung	2	K. Ngoại GMT
171.	Máy thử đường huyết	8	K. Ngoại GMT
172.	Máy truyền dịch Infusomat	1	K. Ngoại GMT
173.	Monitor theo dõi bệnh nhân	4	K. Ngoại GMT
174.	Nhiệt kế điện tử	12	K. Ngoại GMT
175.	Xe tiêm cấp cứu	2	K. Ngoại GMT
176.	Xe tiêm thuốc	9	K. Ngoại GMT
177.	Máy bơm tiêm điện	7	K. Ngoại Tiêu hóa

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
178.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. Ngoại Tiêu hóa
179.	Máy đo huyết áp điện tử	7	K. Ngoại Tiêu hóa
180.	Máy đo SpO2	4	K. Ngoại Tiêu hóa
181.	Máy làm ấm máu và dịch truyền	1	K. Ngoại Tiêu hóa
182.	Máy phun khí dung	2	K. Ngoại Tiêu hóa
183.	Máy thử đường huyết	3	K. Ngoại Tiêu hóa
184.	Máy truyền dịch Infusomat	1	K. Ngoại Tiêu hóa
185.	Monitor theo dõi bệnh nhân	1	K. Ngoại Tiêu hóa
186.	Nhiệt kế điện tử	6	K. Ngoại Tiêu hóa
187.	Xe tiêm cấp cứu	2	K. Ngoại Tiêu hóa
188.	Xe tiêm thuốc	8	K. Ngoại Tiêu hóa
189.	Đèn sưởi hồng ngoại	3	K. Thần kinh
190.	Máy bơm tiêm điện	6	K. Thần kinh
191.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. Thần kinh
192.	Máy đo điện tim 6 cần	1	K. Thần kinh
193.	Máy đo huyết áp cơ	11	K. Thần kinh
194.	Máy đo huyết áp điện tử	3	K. Thần kinh
195.	Máy đo SpO2	6	K. Thần kinh
196.	Máy phun khí dung	4	K. Thần kinh
197.	Máy thử đường huyết	7	K. Thần kinh
198.	Máy truyền dịch Infusomat	1	K. Thần kinh
199.	Monitor theo dõi bệnh nhân	8	K. Thần kinh
200.	Nhiệt kế điện tử	3	K. Thần kinh
201.	Xe tiêm cấp cứu	2	K. Thần kinh
202.	Xe tiêm thuốc	8	K. Thần kinh
203.	Đèn sưởi hồng ngoại	2	K. Phẫu thuật tim mạch
204.	Máy bơm tiêm điện	43	K. PTTM
205.	Máy đo điện tim 3 cần	4	K. PTTM
206.	Máy đo huyết áp cơ	11	K. PTTM
207.	Máy đo huyết áp điện tử	1	K. PTTM
208.	Máy đo SpO2	6	K. PTTM
209.	Máy phun khí dung	6	K. PTTM
210.	Máy thử đường huyết	4	K. PTTM
211.	Máy truyền dịch Infusomat	11	K. PTTM

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
212.	Monitor theo dõi bệnh nhân	13	K. PTTM
213.	Xe tiêm cấp cứu	2	K. PTTM
214.	Xe tiêm thuốc	11	K. PTTM
215.	Máy hút dịch	2	K. PTTM
216.	Máy giúp thở T- Bird	3	K. PTTM
217.	Máy giúp thở chức năng cao	2	K. PTTM
218.	Máy thở hồi sức dùng cho người lớn và trẻ em	3	K. PTTM
219.	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập dung khí nén trung tâm	2	K. PTTM
220.	Máy tạo nhịp tạm thời	7	K. PTTM
221.	Máy bơm thức ăn	2	K. PTTM
222.	Máy làm ấm máu và dịch truyền	2	K. PTTM
223.	Máy xét nghiệm khí máu động mạch	1	K. PTTM
224.	Đèn sưởi hồng ngoại	2	K. Tai Mũi Họng
225.	Huyết áp kế cơ	3	K. Tai Mũi Họng
226.	Máy bơm tiêm điện	1	K. Tai Mũi Họng
227.	Máy đếm giọt	2	K. Tai Mũi Họng
228.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. Tai Mũi Họng
229.	Máy đo huyết áp điện tử	1	K. Tai Mũi Họng
230.	Máy đo SpO2	2	K. Tai Mũi Họng
231.	Máy hút dịch	1	K. Tai Mũi Họng
232.	Máy phun khí dung	12	K. Tai Mũi Họng
233.	Máy thử đường huyết	1	K. Tai Mũi Họng
234.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	1	K. Tai Mũi Họng
235.	Nhiệt kế điện tử	6	K. Tai Mũi Họng
236.	Xe tiêm cấp cứu	1	K. Tai Mũi Họng
237.	Xe tiêm thuốc	4	K. Tai Mũi Họng
238.	Đèn sưởi hồng ngoại	2	K. Hậu môn – Trực tràng
239.	Huyết áp kế cơ	7	K. HM-TT
240.	Máy bơm tiêm điện	2	K. HM-TT
241.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. HM-TT
242.	Máy đo huyết áp điện tử	2	K. HM-TT
243.	Máy đo SpO2	5	K. HM-TT

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
244.	Máy phun khí dung	1	K. HM-TT
245.	Máy thử đường huyết	8	K. HM-TT
246.	Nhiệt kế điện tử	2	K. HM-TT
247.	Xe tiêm cấp cứu	1	K. HM-TT
248.	Xe tiêm thuốc	5	K. HM-TT

63. Sau Đại học / Thạc sĩ / Kỹ thuật xét nghiệm y học / Thực tế hóa sinh tại bệnh viện

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Máy Cobas 8000-(MPA-E702-E602)	1	Phân tích sinh hóa - miễn dịch tự động
2.	Máy Architect SH-MD Ci16200	1	Phân tích sinh hóa - miễn dịch tự động
3.	Máy Beckman Coulter AU5822	1	Phân tích sinh hóa tự động
4.	Máy Beckman Coulter AU5810	1	Phân tích sinh hóa tự động
5.	Máy ABL80 FLEX-2	1	Phân tích đo khí máu
6.	Máy AVL 9180	1	Phân tích Ion đồ
7.	Máy TOSOH HLC-723G8	1	Phân tích HbA1C
8.	Máy Premier Hb9210	1	Phân tích HbA1C
9.	Máy RIDA qLine	1	Lắc, ủ, scan kết quả
10.	Máy Cobas u 601	1	Phân tích nước tiểu tự động
11.	Máy CLINITEK Novus	1	Phân tích nước tiểu tự động
12.	Máy CLINITEK Novus	1	Phân tích nước tiểu tự động
13.	Máy BC ROBO-8000 RFID	1	Hệ thống dán nhãn tự động
14.	Máy ATELLICA UAS 800	1	Phân tích cặn lắng nước tiểu hoàn toàn tự động
15.	Phòng học	1	
16.	Máy tính (laptop)	1	
17.	Máy chiếu	1	
18.	Màn chiếu	1	
19.	Bảng viết	1	

64. Cao đẳng / Điều dưỡng / Thực tập tốt nghiệp

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1.	Phòng giao ban	13	
2.	Giảng đường	1	
3.	Máy vi tính cố định	14	
4.	Máy chiếu	14	
5.	Màn chiếu	14	
6.	Giường bệnh	472	
7.	Đèn sưởi hồng ngoại	1	K. Tim mạch can thiệp
8.	Máy bơm tiêm điện	10	K. Tim mạch can thiệp
9.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. Tim mạch can thiệp
10.	Máy đo SpO2	5	K. Tim mạch can thiệp
11.	Máy giúp thở chức năng cao Puritan Bennet 840	1	K. Tim mạch can thiệp
12.	Máy giúp thở không xâm nhập chạy điện	2	K. Tim mạch can thiệp
13.	Máy hút đàm	1	K. Tim mạch can thiệp
14.	Máy phun khí dung	5	K. Tim mạch can thiệp
15.	Máy sốc tim lưỡng pha	1	K. Tim mạch can thiệp
16.	Máy thử đường huyết	2	K. Tim mạch can thiệp
17.	Máy ủ ấm dây truyền (máy làm ấm máu)	1	K. Tim mạch can thiệp
18.	Monitor theo dõi bệnh nhân	3	K. Tim mạch can thiệp
19.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	2	K. Tim mạch can thiệp
20.	Thiết bị đo áp lực bóng chèn khí quản	1	K. Tim mạch can thiệp
21.	Thiết bị nệm chống loét	11	K. Tim mạch can thiệp
22.	Xe đẩy cấp cứu	2	K. Tim mạch can thiệp
23.	Xe tiêm thuốc	4	K. Tim mạch can thiệp
24.	Đèn soi mắt BETA 200	1	K. Nội Tổng hợp
25.	Huyết áp kế cơ	5	K. Nội Tổng hợp
26.	Máy bơm tiêm điện	4	K. Nội Tổng hợp
27.	Máy đếm giọt Infusomat	1	K. Nội Tổng hợp
28.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. Nội Tổng hợp
29.	Máy đo huyết áp điện tử	1	K. Nội Tổng hợp
30.	Máy đo SpO2	3	K. Nội Tổng hợp
31.	Máy doppler mạch máu	3	K. Nội Tổng hợp
32.	Máy hút dịch vết thương	1	K. Nội Tổng hợp

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
33.	Máy làm ấm máu và dịch truyền	2	K. Nội Tổng hợp
34.	Máy phun khí dung	2	K. Nội Tổng hợp
35.	Máy thử đường huyết	3	K. Nội Tổng hợp
36.	Máy thử keton	1	K. Nội Tổng hợp
37.	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số	1	K. Nội Tổng hợp
38.	Nhiệt kế điện tử (cặp nách)	6	K. Nội Tổng hợp
39.	Xe tiêm cấp cứu	1	K. Nội Tổng hợp
40.	Xe tiêm thuốc	5	K. Nội Tổng hợp
41.	Đèn sưởi hồng ngoại	1	K. Tiêu hóa
42.	Huyết áp kế cơ	7	K. Tiêu hóa
43.	Máy bơm tiêm điện	6	K. Tiêu hóa
44.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. Tiêu hóa
45.	Máy đo huyết áp điện tử	2	K. Tiêu hóa
46.	Máy đo SpO2 loại cầm tay	2	K. Tiêu hóa
47.	Máy hút dịch	1	K. Tiêu hóa
48.	Máy làm ấm máu và dịch truyền	1	K. Tiêu hóa
49.	Máy phun khí dung	4	K. Tiêu hóa
50.	Máy thử đường huyết	2	K. Tiêu hóa
51.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	2	K. Tiêu hóa
52.	Xe tiêm thuốc	6	K. Tiêu hóa
53.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. Hô hấp
54.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	7	K. Hô hấp
55.	Máy thở không xâm lấn 02 mức áp lực dương	1	K. Hô hấp
56.	Máy thở BiPAP không xâm nhập chạy điện	7	K. Hô hấp
57.	Đèn đọc phim (loại 2 phim)	3	K. Hô hấp
58.	Huyết áp kế cơ	6	K. Hô hấp
59.	Máy đo huyết áp điện tử	3	K. Hô hấp
60.	Máy đo SpO2 loại cầm tay	7	K. Hô hấp
61.	Máy hút dịch	2	K. Hô hấp
62.	Máy phun khí dung	10	K. Hô hấp
63.	Máy thử đường huyết	2	K. Hô hấp
64.	Đèn sưởi hồng ngoại	2	K. Cấp cứu
65.	Hệ thống máy giúp thở di động	2	K. Cấp cứu
66.	Huyết áp kế cơ	14	K. Cấp cứu

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
67.	Máy bơm tiêm điện	10	K. Cấp cứu
68.	Máy đo điện tim 3 cần	3	K. Cấp cứu
69.	Máy đo huyết áp cơ - động mạch xâm lấn	3	K. Cấp cứu
70.	Máy đo huyết áp điện tử	4	K. Cấp cứu
71.	Máy đo SpO2	11	K. Cấp cứu
72.	Máy giúp thở không xâm nhập chạy điện	1	K. Cấp cứu
73.	Máy hút dịch	1	K. Cấp cứu
74.	Máy làm ấm máu và dịch truyền	2	K. Cấp cứu
75.	Máy phun khí dung	10	K. Cấp cứu
76.	Máy thở cơ động NEWPORT	1	K. Cấp cứu
77.	Máy thở T-Bird Vela	1	K. Cấp cứu
78.	Máy thử đường huyết	7	K. Cấp cứu
79.	Máy thử keton	1	K. Cấp cứu
80.	Monitor theo dõi bệnh nhân (5 thông số, 6 thông số, thông số thứ 6 IBP)	12	K. Cấp cứu
81.	Xe tiêm thuốc	3	K. Cấp cứu
82.	Hệ thống máy giúp thở di động cao cấp	1	K. Hồi sức tích cực
83.	Máy bơm thức ăn tự động	5	K. Hồi sức tích cực
84.	Máy bơm tiêm điện	38	K. Hồi sức tích cực
85.	Máy đo điện tim 3 cần	3	K. Hồi sức tích cực
86.	Máy đo SpO2	5	K. Hồi sức tích cực
87.	Máy giúp thở chức năng cao	2	K. Hồi sức tích cực
88.	Máy giúp thở không xâm lấn	1	K. Hồi sức tích cực
89.	Máy giúp thở xâm lấn và không xâm lấn trong hồi sức	2	K. Hồi sức tích cực
90.	Máy làm ấm máu và dịch truyền	7	K. Hồi sức tích cực
91.	Máy lọc máu liên tục	1	K. Hồi sức tích cực
92.	Máy monitor huyết động ADWARDS	1	K. Hồi sức tích cực
93.	Máy phun khí dung	22	K. Hồi sức tích cực
94.	Máy sốc tim	2	K. Hồi sức tích cực
95.	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập dùng khí nén trung tâm	24	K. Hồi sức tích cực
96.	Máy thử đường huyết	4	K. Hồi sức tích cực
97.	Máy thử keton	1	K. Hồi sức tích cực

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
98.	Máy truyền dịch Infusomat	9	K. Hồi sức tích cực
99.	Monitor theo dõi bệnh nhân (5 thông số, 6 thông số,	39	K. Hồi sức tích cực
100.	Xe đẩy cấp cứu	1	K. Hồi sức tích cực
101.	Xe tiêm thuốc	9	K. Hồi sức tích cực
102.	Bàn mổ	10	K. Gây mê – Hồi sức
103.	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO2 (EtCO2)	7	K. Gây mê – Hồi sức
104.	Đo áp lực nội khí quản	1	K. Gây mê – Hồi sức
105.	Hệ thống máy gây mê	7	K. Gây mê – Hồi sức
106.	Máy điện tim 3 cần	1	K. Gây mê – Hồi sức
107.	Máy đo SpO2	3	K. Gây mê – Hồi sức
108.	Máy gây mê kèm giúp thở người lớn/ trẻ em	12	K. Gây mê – Hồi sức
109.	Máy giúp thở	1	K. Gây mê – Hồi sức
110.	Monitor theo dõi người bệnh trong phẫu thuật (5 thông số, 6 thông số, ≥ 8 thông số kèm khí mê)	29	K. Gây mê – Hồi sức
111.	Đèn sưởi hồng ngoại	1	K. Lão – CSGN
112.	Máy bơm tiêm điện	3	K. Lão – CSGN
113.	Máy điện tim 3 cần	1	K. Lão – CSGN
114.	Máy đo SpO2	4	K. Lão – CSGN
115.	Máy hút đàm	1	K. Lão – CSGN
116.	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	2	K. Lão – CSGN
117.	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	2	K. Lão – CSGN
118.	Máy phun khí dung	4	K. Lão – CSGN
119.	Máy truyền dịch Infusomat	1	K. Lão – CSGN
120.	Thiết bị nệm chống loét Seabird	4	K. Lão – CSGN
121.	Xe tiêm cấp cứu	1	K. Lão – CSGN
122.	Xe tiêm thuốc	5	K. Lão – CSGN
123.	Đèn soi mắt BETA 200	1	K. Nội Tổng hợp
124.	Đèn sưởi hồng ngoại	1	K. Nội Tổng hợp
125.	Huyết áp kế cơ	5	K. Nội Tổng hợp
126.	Máy bơm tiêm điện	4	K. Nội Tổng hợp
127.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. Nội Tổng hợp
128.	Máy đo huyết áp điện tử	1	K. Nội Tổng hợp
129.	Máy đo SpO2	3	K. Nội Tổng hợp

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
130.	Máy hút dịch vết thương	1	K. Nội Tổng hợp
131.	Máy làm ấm máu và dịch truyền	2	K. Nội Tổng hợp
132.	Máy phun khí dung	2	K. Nội Tổng hợp
133.	Máy thử đường huyết	3	K. Nội Tổng hợp
134.	Máy thử keton	1	K. Nội Tổng hợp
135.	Máy truyền dịch Infusomat	1	K. Nội Tổng hợp
136.	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số	1	K. Nội Tổng hợp
137.	Xe tiêm cấp cứu	1	K. Nội Tổng hợp
138.	Xe tiêm thuốc	6	K. Nội Tổng hợp
139.	Huyết áp kế cơ	3	K. CTCH
140.	Máy bơm tiêm điện	6	K. CTCH
141.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. CTCH
142.	Máy đo huyết áp điện tử	2	K. CTCH
143.	Máy đo SpO2	4	K. CTCH
144.	Máy hút dịch vết thương	5	K. CTCH
145.	Máy làm ấm máu và dịch truyền	1	K. CTCH
146.	Máy phun khí dung	3	K. CTCH
147.	Máy thử đường huyết	1	K. CTCH
148.	Monitor theo dõi bệnh nhân (5 thông số, 6 thông số)	2	K. CTCH
149.	Nhiệt kế điện tử	1	K. CTCH
150.	Xe tiêm cấp cứu	1	K. CTCH
151.	Xe tiêm thuốc	7	K. CTCH
152.	Đèn sưởi hồng ngoại	2	K. LN-MM
153.	Máy bơm tiêm điện	8	K. Lồng ngực – Mạch máu
154.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. LN-MM
155.	Máy đo huyết áp điện tử	8	K. LN-MM
156.	Máy đo SpO2	3	K. LN-MM
157.	Máy phun khí dung	4	K. LN-MM
158.	Máy thử đường huyết	2	K. LN-MM
159.	Máy truyền dịch Infusomat	1	K. LN-MM
160.	Monitor theo dõi bệnh nhân	2	K. LN-MM
161.	Nhiệt kế điện tử	5	K. LN-MM
162.	Xe tiêm cấp cứu	1	K. LN-MM

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
163.	Xe tiêm thuốc	5	K. LN-MM
164.	Đèn sưởi hồng ngoại	2	K. Ngoại GMT
165.	Máy bơm tiêm điện	10	K. Ngoại Gan-Mật- Tụy
166.	Máy đo điện tim 3 cần	2	K. Ngoại GMT
167.	Máy đo huyết áp cơ	11	K. Ngoại GMT
168.	Máy đo huyết áp điện tử	6	K. Ngoại GMT
169.	Máy đo SpO2	5	K. Ngoại GMT
170.	Máy phun khí dung	2	K. Ngoại GMT
171.	Máy thử đường huyết	8	K. Ngoại GMT
172.	Máy truyền dịch Infusomat	1	K. Ngoại GMT
173.	Monitor theo dõi bệnh nhân	4	K. Ngoại GMT
174.	Nhiệt kế điện tử	12	K. Ngoại GMT
175.	Xe tiêm cấp cứu	2	K. Ngoại GMT
176.	Xe tiêm thuốc	9	K. Ngoại GMT
177.	Máy bơm tiêm điện	7	K. Ngoại Tiêu hóa
178.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. Ngoại Tiêu hóa
179.	Máy đo huyết áp điện tử	7	K. Ngoại Tiêu hóa
180.	Máy đo SpO2	4	K. Ngoại Tiêu hóa
181.	Máy làm ấm máu và dịch truyền	1	K. Ngoại Tiêu hóa
182.	Máy phun khí dung	2	K. Ngoại Tiêu hóa
183.	Máy thử đường huyết	3	K. Ngoại Tiêu hóa
184.	Máy truyền dịch Infusomat	1	K. Ngoại Tiêu hóa
185.	Monitor theo dõi bệnh nhân	1	K. Ngoại Tiêu hóa
186.	Nhiệt kế điện tử	6	K. Ngoại Tiêu hóa
187.	Xe tiêm cấp cứu	2	K. Ngoại Tiêu hóa
188.	Xe tiêm thuốc	8	K. Ngoại Tiêu hóa
189.	Đèn sưởi hồng ngoại	3	K. Thần kinh
190.	Máy bơm tiêm điện	6	K. Thần kinh
191.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. Thần kinh
192.	Máy đo điện tim 6 cần	1	K. Thần kinh
193.	Máy đo huyết áp cơ	11	K. Thần kinh
194.	Máy đo huyết áp điện tử	3	K. Thần kinh
195.	Máy đo SpO2	6	K. Thần kinh
196.	Máy phun khí dung	4	K. Thần kinh

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
197.	Máy thử đường huyết	7	K. Thần kinh
198.	Máy truyền dịch Infusomat	1	K. Thần kinh
199.	Monitor theo dõi bệnh nhân	8	K. Thần kinh
200.	Nhiệt kế điện tử	3	K. Thần kinh
201.	Xe tiêm cấp cứu	2	K. Thần kinh
202.	Xe tiêm thuốc	8	K. Thần kinh
203.	Đèn sưởi hồng ngoại	2	K. Phẫu thuật tim mạch
204.	Máy bơm tiêm điện	43	K. PTTM
205.	Máy đo điện tim 3 cần	4	K. PTTM
206.	Máy đo huyết áp cơ	11	K. PTTM
207.	Máy đo huyết áp điện tử	1	K. PTTM
208.	Máy đo SpO2	6	K. PTTM
209.	Máy phun khí dung	6	K. PTTM
210.	Máy thử đường huyết	4	K. PTTM
211.	Máy truyền dịch Infusomat	11	K. PTTM
212.	Monitor theo dõi bệnh nhân	13	K. PTTM
213.	Xe tiêm cấp cứu	2	K. PTTM
214.	Xe tiêm thuốc	11	K. PTTM
215.	Máy hút dịch	2	K. PTTM
216.	Máy giúp thở T- Bird	3	K. PTTM
217.	Máy giúp thở chức năng cao	2	K. PTTM
218.	Máy thở hồi sức dùng cho người lớn và trẻ em	3	K. PTTM
219.	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập dung khí nén trung tâm	2	K. PTTM
220.	Máy tạo nhịp tạm thời	7	K. PTTM
221.	Máy bơm thức ăn	2	K. PTTM
222.	Máy làm ấm máu và dịch truyền	2	K. PTTM
223.	Máy xét nghiệm khí máu động mạch	1	K. PTTM